CÔNG TY TNHH HUAYAN TECHNOLOGY VIỆT NAM

BÁO CÁO

ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA DỰ ÁN: "Nhà máy Huayan Technology Việt Nam"

Địa chỉ: Lô E6 (thuê nhà xưởng của công ty TNHH Tedomi Việt Nam), KCN Đình Trám , huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TỔNG GIÁM ĐỐC AHN TAE JOON	PHÓ GIÁM ĐỐC Đỗ Thị Minh Tâm

Bắc Giang, năm 2023

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC HÌNH 3
DANH MỤC CÁC BẢNG 4
Chương I 6
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 6
1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH HUAYAN Technology Việt Nam 6
2. Tên dự án đầu tư: Nhà máy Huayan Technology Việt Nam 6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư 7
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu 10
5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất: Dự án không sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất. 13
6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở: 13
Chương II 18
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 18
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường. 18
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường 19
Chương III 21
ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ 21
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật 21
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án 22
3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án 23
Chương IV 25
ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 25
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 25
1. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án *(Quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị)* 25
2. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành 26
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường 50
Hạng mục 51
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo 52
Chương V 54
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 54
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: 54

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: không đề nghị cấp phép 55
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: 55
4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có): Không thuộc đối tượng. 56
5. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường 56
6. Thời gian xin cấp phép môi trường: 10 năm (Căn cứ điểm c, khoản 4 điều 40 Luật bảo vệ môi trường năm 2020). 58
Chương VI 59
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN 59
1. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải 59
2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật: 60
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm: Không có. 60
Chương VI 61
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 61
PHỤ LỤC 62

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình sản xuất gia công các sản phẩm kim loại 8
Hình 1.2. Quy trình gia công các sản phẩm từ nhựa 9
Hình 1.3. Quy trình gia công các sản phẩm đồ gốm sứ *(như cầu trì, điện trở)* 10
Hình 4.1. Sơ đồ rãnh thoát nước có hố ga 28
Hình 4.2. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt $8m^3$/ngày.đêm 29
Hình 4.3. Sơ đồ nguyên lý của hệ thống thông gió tự nhiên 37

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu của dự án 10
Bảng 1.2. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất 12
Bảng 1.3. Các hạng mục công trình của Dự án 13
Bảng 3.1. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí làm việc 23
Bảng 4.2. Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong 1 năm 39
Bảng 4.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án 50
Bảng 4.4. Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường 51
Bảng 4.5. Phương án tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp BVMT 51
Bảng 6.1. Danh mục kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải 59
Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc khí thải giai đoạn vận hành ổn định 59

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BVMT	Bảo vệ môi trường
BTNMT	Bộ Tài nguyên Môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép
BYT	Bộ Y tế
BXD	Bộ Xây dựng
BOD	Nhu cầu ôxi hóa sinh học
COD	Nhu cầu ôxi hóa hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
CTSH	Chất thải sinh hoạt
CTSXTT	Chất thải sản xuất thông thường
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
EM	Chế phẩm vi sinh
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TT	Thông tư
UBND	Uỷ ban nhân dân
UB	Uỷ ban
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	Quyết định
QLNN	Quản lý nhà nước
WHO	Tổ chức Y tế Thế giới

Chương I
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH HUAYAN Technology Việt Nam.

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6, KCN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, Việt Nam.

- Người đại diện theo pháp luật: (ông) Ahn Tae Joon - Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Mã số thuế: 2400952663

- Điện thoại: 0377340256

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có mã số doanh nghiệp: 2400952663, đăng ký lần đầu ngày 09/01/2023 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

2. Tên dự án đầu tư: Nhà máy Huayan Technology Việt Nam

- Địa điểm thực hiện dự án: Lô E6 (thuê nhà xưởng của công ty TNHH Tedomi Việt Nam), KCN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Giấy chứng nhận đầu tư với mã số dự án 9811104381 chứng nhận lần đầu ngày 30/12/2022 do Ban Quản lý các KCN Tỉnh Bắc Giang cấp.

- Quy mô của dự án đầu tư:

+ Các sản phẩm kim loại: 10.000.000 sản phẩm/năm;

+ Các sản phẩm từ nhựa: 5.000.000 sản phẩm/năm;

+ Các sản phẩm đồ gốm sứ: 4.000.000 sản phẩm/năm.

Với tổng vốn đầu tư: 39.200.000.000 VNĐ (Ba mươi chín tỷ hai trăm triệu đồng Việt Nam).

- Quy mô dự án theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công:

Dự án thuộc Mục III phần A (mục 8 phần c: Dự án cơ khí khác, trừ các dự án quy định tại Điểm 5 mục II phần này của phụ lục này và mục 7 phần a: Dự án sản xuất các sản phẩm nhựa). Thuộc mục IV phần A (mục 4 phần đ: Nhà máy sản xuất đồ sành sứ, thủy tinh) phụ lục I của Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư công. Với vốn đầu tư của dự án 39.200.000.000 VNĐ (Ba mươi chín tỷ hai trăm triệu đồng Việt Nam), dự án thuộc nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

Dự án thuộc mục số 2, Phụ lục V (dự án nhóm III) ban hành kèm theo Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Cấu trúc và nội dung của báo được trình bày theo quy định tại mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

3.1. Công suất hoạt động của dự án đầu tư

Dự án "Nhà máy Huayan Technology Việt Nam" của Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư với mã số dự án 9811104381 chứng nhận lần đầu ngày 30/12/2022 do Ban Quản lý các KCN Tỉnh Bắc Giang cấp với quy mô công suất như sau:

+ Các sản phẩm kim loại (như khung của thiết bị thông minh, khung đỡ camera, khung đỡ cố định bản mạch, khung sườn, khay sim, phụ kiện lấy sim, khuôn Jic) : 10.000.000 sản phẩm/năm;

+ Các sản phẩm từ nhựa (như vỏ ốp, vỏ USB, nút bấm, nút volume, nút nguồn, vỏ thiết bị camera): 5.000.000 sản phẩm/năm;

+ Các sản phẩm đồ gốm sứ (như cầu trì, điện trở): 4.000.000 sản phẩm/năm.

3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

*** Quy trình sản xuất gia công các sản phẩm kim loại** (*như khung của thiết bị thông minh, khung đỡ camera, khung đỡ cố định bản mạch, khung sườn, khay sim, phụ kiện lấy sim, khuôn Jic*)**: 10.000.000 sản phẩm/năm**

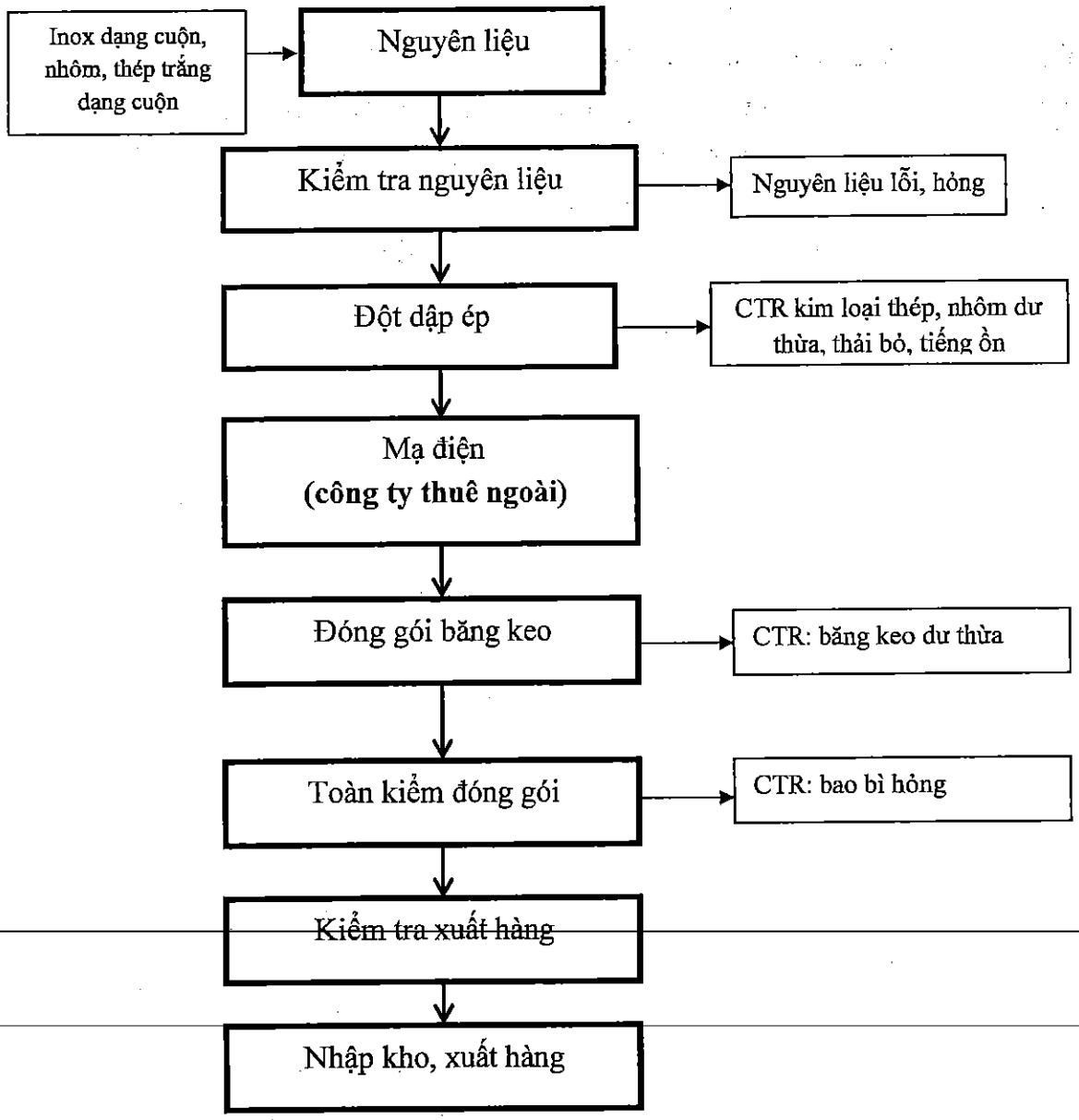

Hình 1.1. Quy trình sản xuất gia công các sản phẩm kim loại

Thuyết minh quy trình công nghệ:

Nguyên liệu là Inox, nhôm hoặc thép trắng dạng cuộn sẽ được công ty nhập về rồi kiểm tra về chất lượng nguyên liệu. Nguyên liệu đạt yêu cầu sẽ được đưa vào máy dập ép chi tiết sản phẩm theo từng chi tiết (tùy theo đơn đặt hàng mà các chi tiết sẽ có hình dạng, kích thước khác nhau).

Sản phẩm sau khi dập ép thành khuôn bán thành phẩm sẽ được kiểm tra số lượng, chất lượng về ngoại quan sản phẩm sẽ được chuyển cho đơn vị ngoài để thực hiện công đoạn mạ điện.

Sản phẩm sau khi đã được mạ sẽ được đơn vị ngoài chuyển đến công ty, sản phẩm sẽ được kiểm tra ngoại quan, sản phẩm đạt tiêu chuẩn sẽ được công nhân viên đóng gói, dán băng keo để đảm bảo sản phẩm không bị rơi.

Sau khi đóng gói xong, công nhân viên nhà máy sẽ kiểm ta một lần nữa để toàn kiểm đóng gói về bao bì đóng gói, đúng khuôn đóng gói, rò rỉ bao niêm phong, độ phồng bao đóng gói.

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn sẽ được kiểm tra xuất hàng cho khách hoặc lưu kho chứa.

*** Quy trình gia công các sản phẩm từ nhựa** *(như vỏ ốp, vỏ USB, nút bấm, nút volume, nút nguồn, vỏ thiết bị camera)* **với công suất 5.000.000 sản phẩm/năm.**

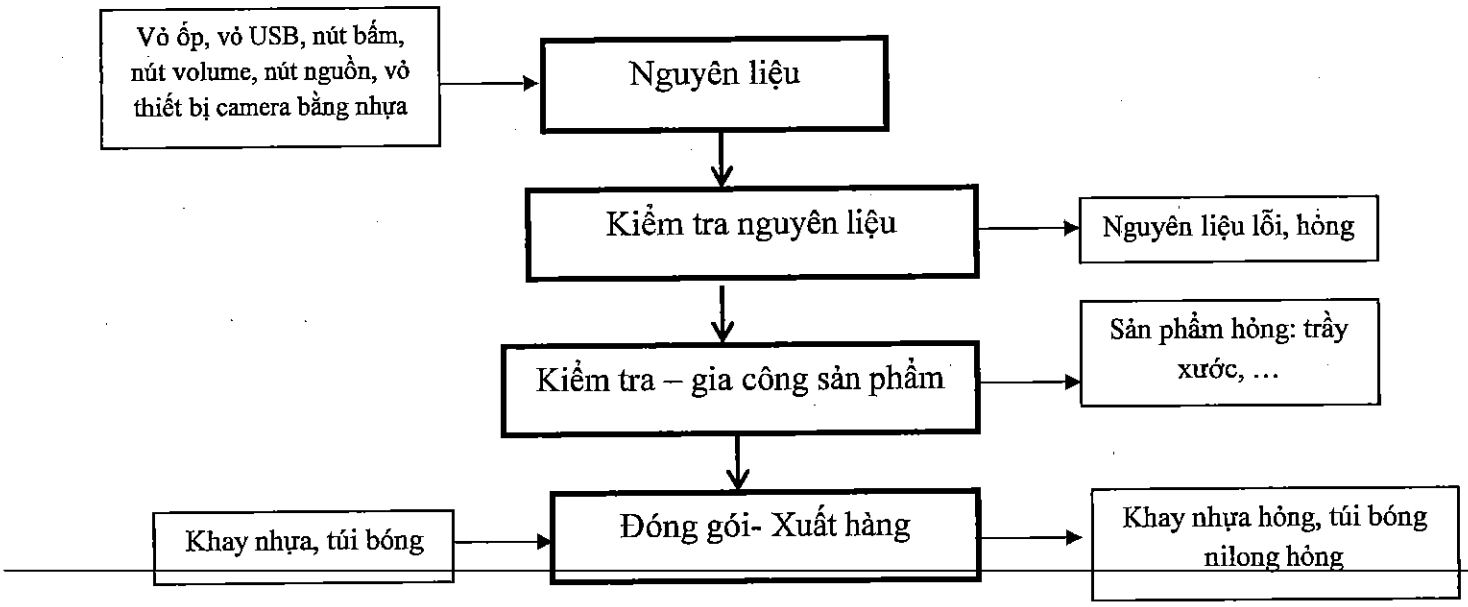

Hình 1.2. Quy trình gia công các sản phẩm từ nhựa

Nguyên liệu nhập về là các vỏ ốp, vỏ USB, nút bấm, nút volume, nút nguồn, vỏ thiết bị camera bằng nhựa sẽ được công nhân viên nhà máy kiểm tra về số lượng sản phẩm để nhập kho trước khi tiến hành gia công các sản phẩm được nhập về.

Công nhân viên tiến hành kiểm tra sản phẩm, gia công cắt các bavia trên sản phẩm. Các sản phẩm lỗi hỏng về trầy xước, cong, vênh,... sẽ được công nhân viên kiểm đếm trả lại khách hàng cung cấp nguyên liệu còn các sản phẩm đạt yêu cầu thì sẽ được công nhân viên sắp xếp vào khay rồi tiến hành đóng gói xuất hàng cho khách.

*** Quy trình gia công các sản phẩm đồ gốm sứ *(như cầu trì, điện trở)* với công suất 4.000.000 sản phẩm/năm.**

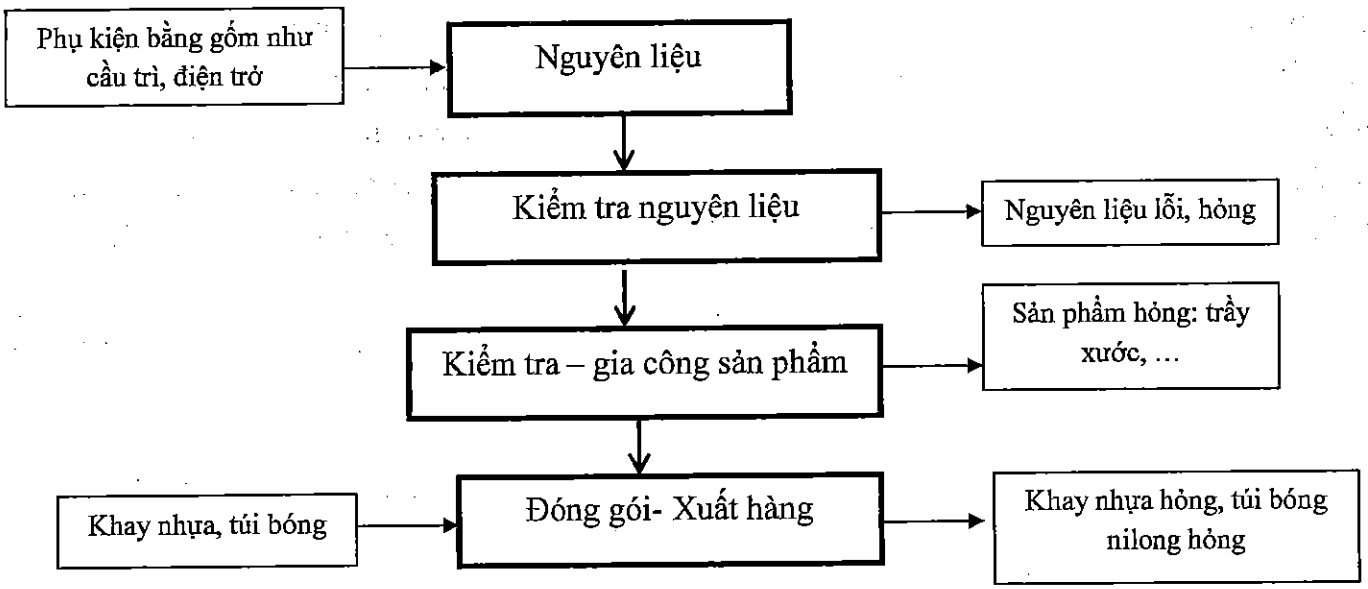

Hình 1.3. Quy trình gia công các sản phẩm đồ gốm sứ *(như cầu trì, điện trở)*

Nguyên liệu nhập về là cầu trì, điện trở dùng cho linh kiện điện tử sẽ được công nhân viên nhà máy kiểm tra về số lượng sản phẩm để nhập kho trước khi tiến hành gia công các sản phẩm được nhập về.

Công nhân viên tiến hành kiểm tra sản phẩm. Các sản phẩm lỗi hỏng về trầy xước, cong, vênh,… sẽ được công nhân viên kiểm đếm trả lại khách hàng cung cấp nguyên liệu còn các sản phẩm đạt yêu cầu thì sẽ được công nhân viên sắp xếp vào khay rồi tiến hành đóng gói xuất hàng cho khách.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

+ Các sản phẩm kim loại (như khung của thiết bị thông minh, khung đỡ camera, khung đỡ cố định bản mạch, khung sườn, khay sim, phụ kiện lấy sim, khuôn Jic): 10.000.000 sản phẩm/năm;

+ Các sản phẩm từ nhựa (như vỏ ốp, vỏ USB, nút bấm, nút volume, nút nguồn, vỏ thiết bị camera): 5.000.000 sản phẩm/năm;

+ Các sản phẩm đồ gốm sứ (như cầu trì, điện trở): 4.000.000 sản phẩm/năm.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu

4.1. Nhu cầu về nguyên, vật liệu phục vụ sản xuất:

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu của dự án

Stt	Tên vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng vật liệu/năm	Xuất xứ	Công đoạn sản xuất
1	Inox dạng cuộn	Tấn	50	Trung Quốc	Các sản phẩm kim loại

2	Nhôm dạng cuộn	Tấn	30	Trung Quốc	(như khung của thiết bị thông minh, khung đỡ camera, khung đỡ cố định bản mạch, khung sườn, khay sim, phụ kiện lấy sim, khuôn Jic)
3	Thép trắng dạng cuộn	Tấn	20	Trung Quốc	
4	Sản phẩm từ nhựa (như vỏ ốp, vỏ USB, nút bấm, nút volume, nút nguồn, vỏ thiết bị camera)	Chiếc	5.250.000	Trong nước	Sản phẩm từ nhựa (như vỏ ốp, vỏ USB, nút bấm, nút volume, nút nguồn, vỏ thiết bị camera)
5	Sản phẩm đồ gốm sứ (như cầu trì, điện trở)	Chiếc	4.200.000	Trong nước	Sản phẩm đồ gốm sứ (như cầu trì, điện trở)
6	Dầu thủy lực	lít	500	Việt Nam	Dập linh kiện
7	Thùng giấy carton	cái	15.000	Việt Nam	Đóng gói
8	Găng tay ngón (chun)	Gói	100	Việt Nam	Vệ sinh sản phẩm
9	Bobin	Cuộn	13.500	Việt Nam	Đóng gói
10	Tray	Cái	84.000	Việt Nam	Đóng gói

Công ty cam kết sử dụng các loại nguyên vật liệu, hóa chất không thuộc danh mục cấm sử dụng của Việt Nam.

❖ **Nguyên liệu cho hoạt động bảo vệ môi trường:**

TT	Vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Mục đích sử dụng
1	NaClO	Kg/ngày	2	Hệ thống xử lý nước thải
2	Methanol	Kg/ngày	0,5	
3	Mật rỉ đường	Kg/ngày	0,5	
4	Men vi sinh	Kg/ngày	0,1	

❖ **Nhu cầu sử dụng nước**

Nguồn nước sử dụng cho giai đoạn vận hành của Dự án được cung cấp từ Công TNHH Tedomi Việt Nam. Hoạt động sản xuất của công ty không sử dụng nước, vì vậy nước sử dụng trong giai đoạn vận hành của Dự án chính là lượng nước cấp cho nhu cầu sinh hoạt của công nhân viên trong công ty.

Dự kiến, khi Dự án đi vào hoạt động ổn định với công suất tối đa, số lượng công nhân viên dự kiến khoảng 80 người. Theo tiêu chuẩn TCXDVN 33:2006 -Nước cấp - Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế khu vực thực hiện Dự án có định mức lượng nước cấp sử dụng cho 1 người là 80 lít/người/ngày.đêm.

Vậy lượng nước sử dụng cho hoạt động sinh hoạt của công nhân viên trong giai đoạn vận hành của Dự án là:

80 người x 80 lít/người/ngày.đêm = 6.400 lít/ngày.đêm = 6,4 m^3/ngày.đêm.

4.2. Nhu cầu nhiên liệu của Dự án

Nhu cầu sử dụng điện:

Điện của dự án phục vụ cho các nhu cầu sau:

- Phục vụ cho các dây chuyền sản xuất.
- Phục vụ cho nhu cầu của nhân viên, chiếu sáng xung quanh.
- Nguồn điện: Sử dụng nguồn điện cấp chung cho KCN đấu về trạm điện của công ty TNHH Tedomi Việt Nam.
- Công ty TNHH Tedomi Việt Nam đã lắp đặt trạm biến áp với công suất: 320KVA để cung cấp điện cho công ty.

4.3. Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến sử dụng trong quá trình hoạt động của Dự án

Máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất của Dự án được mua mới hoàn toàn và có xuất xứ chủ yếu tại Trung Quốc, một số máy móc thông thường được mua tại Việt Nam.

Hoạt động sản xuất của nhà máy cần sử dụng một số máy móc, thiết bị như sau:

Bảng 1.2. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất

TT	Tên thiết bị	Số lượng	Nguồn gốc	Năm sản xuất	Tình trạng máy
I	**Máy móc thiết bị**				
1	Máy dập ép 45T SNI-45	1	Trung Quốc	2022	Máy mới
2	Máy dập ép Loại SN1-60	1	Trung Quốc	2022	Máy mới
3	Máy dập ép Loại SN1-80	1	Trung Quốc	2022	Máy mới
4	Máy dập ép Loại SNI-I1O	1	Trung Quốc	2022	Máy mới
5	Máy đột dập 80T	1	Trung Quốc	2022	Máy mới
6	Máy Kiểm tra	1	Trung Quốc	2022	Máy mới
7	Máy đo kích thước	1	Trung Quốc	2022	Máy mới

Ngoài các máy móc phục vụ sản xuất, công ty còn đầu tư thêm các máy móc, thiết bị phục vụ cho văn phòng của nhà máy như điện thoại, máy vi tính, máy photo, máy fax, bàn ghế, điều hòa...

Chủ dự án cam kết các thiết bị máy móc được sử dụng không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam.

5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất: Dự án không sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất.

6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:

6.1. Quy mô các hạng mục công trình của Dự án

Dự án "Nhà máy Huayan Technology Việt Nam" được thực hiện tại lô E6, KCN Đình Trám, Thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Thuê lại nhà xưởng số 2 của Công ty TNHH Tedomi Việt Nam tại hợp đồng thuê xưởng số 29082022 và phụ lục hợp đồng thuê xưởng số 01/2023-PL01 (được đính kèm theo phụ lục của báo cáo) với tổng diện tích sử dụng: 3.664m^2 trong đó: diện tích nhà xưởng số 2 là 2.297 m^2 (theo giấy chứng nhận đầu tư số 9974093879 cấp ngày 27/11/2019) và 1.367m^2 diện tích nằm ngoài diện tích nhà xưởng bao gồm: Nhà bảo vệ 9m^2, nhà vệ sinh 30m^2, nhà xe: 190m^2, nhà máy nén khí,..: 25m^2, hệ thống xử lý nước thải sinh học: 30m^2 (do Công ty TNHH HUAYAN Technology Việt Nam lắp đặt dưới sự đồng ý của bên Tedomi) và khu khuôn viên còn lại là 1239m^2 được chủ hạ tầng Công ty TNHH Tedomi cho Công ty TNHH HUAYAN Technology Việt Nam sử dụng miễn phí để thực hiện dự án Nhà máy Huayan Technology Việt Nam. Chi tiết các hạng mục được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 1.3. Các hạng mục công trình của Dự án

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích	Tiến độ thực hiện
I	**Nhóm các hạng mục công trình chính**			
	Diện tích toàn bộ nhà xưởng, chủ dự án bố trí các phòng ban được ngăn cách bằng các tấm panel cách nhiệt gồm các hạng mục sau:	m^2	2.297	Đã được Công ty TNHH Tedomi Việt Nam xây dựng từ năm 2018. Chủ dự án thuê nhà xưởng sẽ thực hiện cải tạo, ngăn cách các phòng ban bằng tấm panel cách nhiệt phù hợp với hoạt động sản xuất của nhà
1.1	Nhà văn phòng nằm trong nhà xưởng	m^2	117,6	
1.2	Nhà ăn nằm trong nhà xưởng	m^2	50	

1.3	Khu vực máy đột dập	m^2	180	máy
1.4	Phòng sạch	m^2	880	
1.5	Khu vực máy ép	m^2	324	
1.6	Phòng thiết bị	m^2	30	
1.7	Phòng thử nghiệm chất lượng	m^2	15	
1.8	Phòng thí nghiệm	m^2	25	
1.9	Kho thành phẩm	m^2	285	
II	**Nhóm các hạng mục công trình phụ trợ**			
1	Nhà để xe	m^2	160	Thỏa thuận sử dụng đất miễn phí theo phụ lục của hợp đồng thuê nhà xưởng.
3	Nhà bảo vệ	m^2	9	Thỏa thuận sử dụng miễn phí theo phụ lục của hợp đồng thuê nhà xưởng đính kèm theo phụ lục báo cáo. Công trình do Công ty TNHH Tedomi xây dựng xong năm 2018
4	Nhà để máy nén khí	m^2	25	Thỏa thuận sử dụng đất miễn phí theo phụ lục của hợp đồng thuê nhà xưởng.
5	Nhà vệ sinh	m^2	30	Thỏa thuận sử dụng miễn phí theo phụ lục của hợp đồng thuê nhà xưởng đính kèm theo phụ lục báo cáo. Công trình do Công ty TNHH Tedomi xây dựng xong năm 2018
6	Hệ thống thông tin liên lạc	Hệ thống	01	Thỏa thuận sử dụng miễn phí theo phụ lục của hợp đồng thuê nhà xưởng đính kèm theo phụ lục báo cáo. Công trình do
7	Hệ thống cấp nước + phòng cháy chữa cháy thể tích 675 m^3 (45mx6mx2,5m)	Hệ thống	01	

				Công ty TNHH Tedomi xây dựng xong năm 2018
8	Trạm biến áp (Công suất 320KVA)	Trạm	01	Thỏa thuận sử dụng miễn phí theo phụ lục của hợp đồng thuê nhà xưởng đính kèm theo phụ lục báo cáo. Công trình do Công ty TNHH Tedomi xây dựng xong năm 2018
9	Đường giao thông nội bộ + khuôn viên	m^2	1239	Thỏa thuận sử dụng miễn phí theo phụ lục của hợp đồng thuê nhà xưởng đính kèm theo phụ lục báo cáo. Công trình do Công ty TNHH Tedomi xây dựng xong năm 2018
III	**Nhóm hạng mục công bảo vệ môi trường**			
1	Hệ thống thoát nước mưa	Hệ thống	01	Thỏa thuận sử dụng miễn phí theo phụ lục của hợp đồng thuê nhà xưởng đính kèm theo phụ lục báo cáo. Công trình do Công ty TNHH Tedomi xây dựng xong năm 2018
	Hệ thống thoát nước thải	Hệ thống	01	Thỏa thuận sử dụng miễn phí theo phụ lục của hợp đồng thuê nhà xưởng đính kèm theo phụ lục báo cáo. Công trình do Công ty TNHH Tedomi xây dựng xong năm 2018
3	Bể tự hoại 01 bể (5,6x2,56x2,64)m	m^3	37,8	Thỏa thuận sử dụng miễn phí theo phụ lục của hợp đồng thuê nhà xưởng đính kèm theo phụ lục báo cáo. Công trình do

				Công ty TNHH Tedomi xây dựng xong năm 2018
4	Kho chứa chất thông thường	m^2	25	Công trình do Công ty TNHH HUAYAN Technology Việt Nam bố trí
5	Kho chứa chất thải nguy hại	m^2	9	
6	Kho chứa chất thải sinh hoạt	m^2	9	
7	Hệ thống xử nước thải sinh hoạt công suất 8 m^3/ngày.đêm	Hệ thống	01	Thỏa thuận sử dụng đất miễn phí theo phụ lục của hợp đồng thuê nhà xưởng. Công trình do Công ty TNHH HUAYAN Technology Việt Nam.

6.2. Tiến độ, vốn đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án.

*** Tiến độ thực hiện dự án.**

- Lắp đặt máy móc thiết bị, cải tạo nhà xưởng: từ tháng 03/2023 - tháng 04/2023.
- Tiến độ thực hiện dự án: Dự kiến đi vào hoạt động chính thức từ tháng 15/04/2023.

*** Vốn đầu tư:** Tổng vốn kinh doanh: 39.200.000.000 đồng. (Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ hai trăm triệu đồng Việt Nam).

*** Tổ chức quản lý và thực hiện dự án**

Số lượng lao động 80 người, trong đó:

- Cán bộ quản lý: 8 người.
- Nhân viên kỹ thuật và giám sát: 68 người.
- Phòng hỗ trợ kinh doanh (bao gồm Lái xe, bảo vệ): 04 người.

**** Chế độ lao động:***

Đây là nhà máy sản xuất có phẩm cấp chất lượng cao nên chất lượng lao động đòi hỏi tương đối khắt khe. Trước hết đội ngũ các cán bộ kỹ thuật phải là những kỹ sư có kinh nghiệm công tác, am hiểu về công nghệ chế tạo bánh răng nói riêng và cơ khí nói chung. Yêu cầu đối với cán bộ kỹ thuật phải am hiểu về công nghệ thông tin, ngoại ngữ. Đối với lượng công nhân nhất thiết phải qua quá trình đào tạo và đào tạo lại của nhà máy.

Chế độ làm việc của công nhân: 2 ca/ ngày, 1 ca = 4h. Nhà máy làm việc theo chế độ 2 ca/ngày.

Các chế độ nghỉ ngơi của người lao động thực hiện theo quy định chung của nhà nước.

Thu nhập bình quân đầu người dự kiến:

Công ty đã xây dựng kế hoạch sản xuất và tiền lương với mức thu nhập bình quân của người lao động là: 7.000.000đ/người/tháng.

Công ty sẽ ưu tiên tuyển dụng lao động người địa phương. Sau khi tuyển dụng sẽ tổ chức đào tạo dạy nghề ngay tại xưởng. Người lao động sẽ được hưởng phúc lợi, chế độ nghỉ lễ, nghỉ tết,...theo quy định của Luật Lao động.

Công ty trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động, hàng năm có liên hệ với đơn vị có chức năng để tổ chức, tập huấn lao động cho CBCN trong xưởng. Đồng thời phát động các phong trào thi đua vệ sinh an toàn lao động.

Chương II
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

Dự án "Nhà máy Huayan Technology Việt Nam" đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư với mã số dự án 9811104381 chứng nhận lần đầu ngày 30/12/2022 do Ban Quản lý các KCN Tỉnh Bắc Giang cấp.

Công ty TNHH Tedomi, đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt xác nhận đăng ký môi trường dự án "Nhà máy cơ khí Tedomi" tại Giấy xác nhận số 2700/GXN-TNMT ngày 15/12/2016.

Dự án được triển khai xây dựng hướng tới mục tiêu đầu tư đồng bộ, hiện đại kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đô thị, góp phần đưa Bắc Giang phát triển nhanh, toàn diện và bền vững. Dự án được thực hiện tại Khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do đó, dự án hoàn toàn phù hợp với mục tiêu phát triển tỉnh Bắc Giang tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Quyết định số 269/QĐ-TTg ngày 02 tháng 03 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

+ Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang phê duyệt Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

+ Căn cứ Quyết định số 48/2022/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành quy định phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

KCN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang do Công ty phát triển hạ tầng KCN tỉnh Bắc Giang làm chủ đầu tư hạ tầng và trực tiếp quản lý. KCN Đình Trám đã được UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại quyết định số 310/ QĐ -UBND tỉnh Bắc Giang ký ngày 12/06/2017.

Hạ tầng KCN đã được đầu tư đồng bộ bao gồm: hệ thống đường giao thông, hệ thống cung cấp điện, hệ thống cung cấp nước, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

* Ngành nghề đầu tư phù hợp với quy hoạch KCN Đình Trám cụ thể như sau:

- Các nghành nghề được thu hút vào KCN Đình Trám gồm:

+ Nhóm nghành điện tử: Sản xuất, gia công, lắp ráp linh phụ kiện. Nhóm ngành công nghiệp lắp ráp điện, điện lạnh. Nhóm ngành cơ khí, lắp ráp. Nhóm nghành công nghiệp vỏ hộp, bao bì: sản xuất vỏ đồ hộp thực phẩm, hộp cattong, vỏ bao bì PP, PE... Nhóm ngành công nghiệp cao su (không chế biến mủ) và các sản phẩm từ plastic. Nhóm ngành công nghiệp chế biến dược phẩm, hóa dược, mỹ phẩm, thuốc thú y, thức ăn gia súc. Nhóm ngành công nghiệp nhẹ, sản xuất hàng tiêu dùng, gia dụng. Nhóm ngành công nghiệp hóa chất, Nhóm ngành sản xuất vật liệu xây dựng: ván ép các loại, Nhóm ngành sản xuất vật liệu mới, sợi thủy tinh, Ngành công nghiệp phụ trợ....

Dự án "Xây dựng nhà máy sản xuất mực in trên các thiết bị di động" hoạt động sản xuất các sản phẩm mực in trên mặt kính và vật liệu khác cho điện thoại di động và thiết bị gia dụng, do đó dự án thuộc nhóm ngành công nghiệp hóa chất, công nghiệp phụ trợ cho ngành điện tử, do đó dự án là phù hợp với quy hoạch ngành nghề của KCN Đình Trám do vậy dự án là hoàn toàn phù hợp quy hoạch ngành nghề của KCN, phù hợp với Quyết định Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 tại quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hạ tầng kỹ thuật của KCN Đình Trám bao gồm hệ thống cấp điện, cấp nước, hệ thống xử lý nước thải tập trung đã được đầu tư hoàn thiện tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của dự án.

Dự án thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Tedomi Việt Nam đã xây dựng nhà xưởng và hạ tầng: cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước và xử lý nước thải. Dự án nằm trong hạ tầng của KCN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, toàn bộ các nguồn thải phát sinh từ hoạt động sản xuất đã được thu gom và xử lý theo đúng quy định của chủ hạ tầng cũng như cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

*** Đối với công trình xử lý nước thải:** Nước thải sinh hoạt: Nước thải từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó đưa vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải do Công ty TNHH HUAYAN Technology Việt Nam vận hành xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, sau đó đấu nối ra hệ thống thu gom nước thải của KCN Đình Trám.

*** Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.**

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng chứa rác tại các khu vực sản xuất, văn phòng, nhà ăn,... và ký hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển chất thải sinh hoạt mang đi xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn sản xuất thông thường: Bố trí các thùng chứa rác tại các phòng sản xuất và ký hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển chất thải công nghiệp mang đi xử lý theo quy định.

* Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải nguy hại: Dự án đã có sẵn kho chứa với diện tích 9m^2, kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng có mái che, nền bê tông, bên ngoài gắn biển cảnh báo. Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định.

Vậy với nguồn phát thải sau xử lý của dự án đã được chủ dự án đầu tư công trình thu gom, xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra ngoài môi trường do đó hoàn toàn phù hợp với quy hoạch của KCN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Hiện tại KCN Đình Trám, đã được Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang đầu tư xây dựng 01 Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN với công suất 2.000m^3/ngày đêm theo công nghệ sinh lý hóa.

Do vậy, với lượng nước thải lớn nhất của dự án khoảng 6,4 m^3/ngày đêm, trạm xử lý nước thải của Công ty TNHH HUAYAN Technology Việt Nam hoàn toàn đáp ứng khả năng tiếp nhận xử lý nước thải phát sinh của công ty. Nước thải của dự án sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B; sau đó được đấu nối với Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN để xử lý đạt Quy chuẩn môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường (QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A). Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN đạt Quy chuẩn được đổ vào kênh T6. Mục đích của kênh T6 dùng để cấp nước cho tưới tiêu và không dùng cho mục đích sinh hoạt.

Chương III
ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

a) Dữ liệu về hiện trạng về môi trường

Trong quá trình phát triển KCN những năm gần đây đã gây tác động không nhỏ đến môi trường; Qua khảo sát thực tế tại KCN và báo cáo hiện trạng môi trường của huyện Việt Yên thì ô nhiễm không khí tại đây chủ yếu bởi bụi và tiếng ồn. Lượng chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh tại KCN có xu hướng ngày càng gia tăng với mức độ khá cao. Hiện tượng nước thải sinh hoạt và công nghiệp, đã được KCN đầu tư xây dựng hệ thống để xử lý nguồn nước thải phát sinh nhưng chưa triệt để; việc thu gom nước thải của các nhà máy hiện tại đa số đã được đảm bảo nhưng vẫn còn rất nhiều đơn vị chưa thực hiện nghiêm túc.

Nguyên nhân của những tồn tại trên, đó là cùng với chính sách chung của nhà nước, tỉnh Bắc Giang đã có nhiều cơ chế, chính sách thu hút các nhà đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại tỉnh nhà. Theo đó, hàng loạt các dự án được đầu tư xây dựng tại KCN với thiết bị, công nghệ của Trung Quốc lạc hậu. Việc thực hiện quy hoạch về khu vực phân loại và trung chuyển chất thải rắn chưa đạt yêu cầu; nước thải từ các cơ sở sản xuất không được xử lý triệt để gây ô nhiễm nước mặt và nước ngầm. Hiện nay, KCN đã được đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung. Một số doanh nghiệp chưa chú trọng đến vấn đề môi trường.

Trước thực trạng ô nhiễm môi trường KCN hiện nay, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng môi trường và ổn định đời sống của nhân dân trong khu vực, kiểm soát và cải thiện môi trường KCN, trong thời gian tới huyện Việt Yên một số giải pháp sau: Yêu cầu các doanh nghiệp tự rà soát, đánh giá lại toàn bộ các công trình xử lý môi trường theo báo cáo ĐTM đã được phê duyệt; trên cơ sở đó cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, chất thải rắn, khí thải đúng quy định; thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung trong báo cáo chi tiết về ĐTM đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt; vận hành các công trình xử lý môi trường khí thải; nước thải; chất thải rắn...một cách thường xuyên, có nhật ký vận hành; giám sát định kỳ để đánh giá chất lượng môi trường tăng cường thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường trong KCN; đầu tư cơ sở hạ tầng như: đường giao thông; xây dựng khu xử lý chất thải rắn, xử lý nước thải; chất thải nguy hại tập trung; yêu cầu các cơ sở sản xuất hoàn thành lắp đặt hệ thống quan trắc môi trường tự động *(khí thải, nước thải)* kết nối với Sở Tài nguyên và Môi trường để cảnh báo ô nhiễm đối với các nhà máy có nguy cơ gây ô nhiễm cao; lắp đặt camera

giám sát ở những khu vực nhạy cảm… Triển khai dự án điều tra, đánh giá mức độ ô nhiễm và khả năng chịu tải về môi trường của KCN; lập kế hoạch tổng thể phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường KCN; quản lý, theo dõi chặt chẽ nguồn nguyên liệu đầu vào và chất thải đầu ra làm tốt công tác bảo vệ môi trường; yêu cầu các doanh nghiệp chấm dứt việc đổ thải không theo đúng báo cáo ĐTM đã được phê duyệt; rà soát các hạng mục công trình, công nghệ, máy móc thiết bị đầu tư cho sản xuất và xử lý môi trường đang thực hiện; xây dựng kế hoạch thay thế, đảm bảo giảm thiểu chất thải ô nhiễm môi trường, áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn và công nghệ thân thiện với môi trường, đầu tư công trình xử lý đáp ứng với yêu cầu giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường.

(Nguồn: Hiện trạng môi trường trên địa bàn huyện Việt Yên năm 2021)

b) Dữ liệu về hiện trạng tài nguyên sinh vật

Để triển khai dự án, Chủ dự án đã thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Tedomi Việt Nam thuộc KCN Đình Trám, hiện tại nhà xưởng đã xây dựng và các công trình phụ trợ. Do đó hiện trạng tài nguyên sinh học ở đây không còn. Đối với khu vực địa phương thị trấn Nếnh, hiện trạng tài nguyên sinh học ở đây cũng không có tính đa dạng sinh học cao. Hiện nay tại khu vực thị trấn Nếnh không có loài thú quý hiếm và cây xanh quý cần bảo tồn đa dạng sinh học, chỉ bao gồm hệ động và thực vật hiện hữu tại các vùng kênh rạch, sông hồ lân cận cụ thể như sau.

- Hệ sinh thái trên cạn:

+ Hệ sinh thái động vật: khu vực địa phương không có các loại chim thú quý hiếm hay các quần thể động vật cạn sống tự nhiên, chỉ có các loại gia súc, gia cầm vật nuôi của nhân dân địa phương như: trâu, bò, lợn, gà, vịt, ngựa…

+ Hệ sinh thái thực vật: chủ yếu là các cây trồng nông nghiệp của nhân dân như: lúa, đậu, mía, ngô, sắn, lạc, rau các loại và một số loại thực vật tự nhiên như cây cỏ hoang.

- Hệ sinh thái dưới nước: Hệ sinh thái dưới nước khu vực địa phương bao gồm cá và các loài thủy sinh vật nước ngọt như các loại tôm, cua, cá, ốc, ếch nhái… sinh sống tự nhiên trong các kênh rạch thoát nước thuộc hệ thống ngòi.

(Nguồn: Khảo sát điều tra thực tế của Công ty TNHH công nghệ môi trường Đất Việt, năm 2021).

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

Nước thải sinh hoạt của dự án được công ty tự thu gom, chịu trách nhiệm xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột B, sau đó được đấu nối với Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Đình Trám để xử lý đạt Quy chuẩn môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường

(QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A). Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN đạt Quy chuẩn được đổ vào kênh T6. Mục đích của kênh T6 dùng để cấp nước cho tưới tiêu và không dùng cho mục đích sinh hoạt.

3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án

Tại thời điểm lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, Hiện trạng dự án là nhà xưởng đang cải tạo.

Do đó để đánh giá cụ thể hiện trạng môi trường khu vực Dự án ở thời điểm hiện tại cũng như tạo cơ sở cho việc đánh giá những thay đổi đến môi trường khu vực Dự án trong tương lai của Dự án. Ở thời điểm hiện tại chưa phát sinh nước thải do đó Chủ Dự án phối hợp với Đơn vị tư vấn thực hiện việc khảo sát, đo đạc, lấy mẫu phân tích chất lượng môi trường không khí làm việc trong khu vực nhà xưởng.

Phương pháp khảo sát: Các thông số môi trường được khảo sát trong ngày liên tục. Phương pháp lấy mẫu (không khí) theo quyết định, tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.

a) Hiện trạng môi trường không khí làm việc.

Lần lấy mẫu	Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Thời gian lấy mẫu	Thời gian phân tích
Lần 1	**Khí làm việc tại khu vực nhà xưởng**	**0143/11/03/23/KLV01**	11/03/2023	11/03 - 14/03/2023
Lần 2		**0151/13/03/23/KLV01**	13/03/2023	13/03 - 16/03/2023
Lần 3		**0156/14/03/23/KLV01**	14/03/2023	14/03 - 17/03/2023

Kết quả khảo sát được thể hiện trên bảng sau:

Bảng 3.1. Kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí làm việc

TT	Thông số	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả			QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
				Lần 1	Lần 2	Lần 3	
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	22,4	25,6	25,4	**18 ÷ 32[a]**
2	Độ ẩm	%	TCVN 5508:2009	53,4	50,7	50,3	**40 ÷ 80[a]**
3	Tốc độ	m/s	TCVN	0,4	0,4	0,4	**0,2 ÷ 1,5[a]**

	gió		5508:2009				
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2020	65,1	68,7	67,4	**85**[b]
5	Bụi toàn phần	mg/m^3	TCVN 5067:1995	0,101	0,104	0,108	**8**[c]
6	CO	mg/m^3	Thường quy kỹ thuật sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	2,24	2,2	2,36	**20**
7	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971:1995	0,046	0,051	0,052	**5**
8	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137:2009	0,04	0,037	0,036	**5**

Ghi chú:

*- **QCVN 03:2019/BYT** : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.*

*- **(a)QCVN 26:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm viêc*

*- **(b)QCVN 24:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp*

*-**(c)QCVN 02:2019/BYT**:Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc*

Nhận xét:

Kết quả phân tích mẫu không khí làm việc tại khu vực dự án cho thấy: Hàm lượng các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy định.

Chương IV
ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án *(Quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị)*

1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Công nhân thi công, xây dựng sử dụng nhà vệ sinh sẵn do công TNHH Tedomi xây dựng, nước thải sinh hoạt được xử lý bởi bể tự hoại 3 ngăn dung tích 37,8m^3 kích thước (5,6x2,56x2,64)m, sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải công suất 8 m^3/ngày.đêm do Công ty vận hành xử lý trước khi đấu nối ra hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

Công ty có trách nhiệm xử lý nước thải sinh hoạt của dự án đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đình Trám. (Theo hợp đồng thuê xưởng số 29082022/HDNT ngày 28/09/2022 giữa Công ty TNHH Tedomi Việt Nam và Công ty).

- Nước thải thi công: không phát sinh.

1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ chất thải rắn:

- Chất thải sinh hoạt: được thu gom và tập trung lưu giữ tại thùng chứa chất thải và được vận chuyển và xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt thông thường của nhà máy.

- Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị: bao gồm: đầu mẩu các ống nhựa, bìa cacton,...: phát sinh khoảng: 2kg/ngày, được thu gom vào thùng chứa rác thải và được vận chuyển và xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt thông thường của nhà máy.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động lắp đặt máy móc, thiết bị: bao gồm: vỏ tuýp keo dán ống, găng tay nhiễm dầu,....: phát sinh khoảng: 5kg trong suốt quá trình thi công. Chất thải được thu gom vào thùng chứa và lưu trữ trong kho chứa chất thải nguy hại của nhà máy. Kho có diện tích khoảng 9m^2. Được bố trí bên ngoài nhà xưởng. Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển mang đi xử lý cùng với chất thải nguy hại của nhà máy phát sinh trong giai đoạn hoạt động sản xuất hiện tại.

1.3. Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải

Trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải: bụi và khí thải chỉ phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, hoạt động

khoan cắt nhỏ trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị,..... Tuy nhiên, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau để giảm thiểu bụi và khí thải như sau:

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, nhiên liệu thi công khi tham gia giao thông có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi rơi vãi và khuếch tán vào môi trường không khí do tác dụng của gió.

- Đối với khí thải phát sinh từ công đoạn cắt, hàn: Thực hiện tại khu vực khuất gió hạn chế phát tán bụi và khói hàn ra xung quanh. Công nhân làm việc trực tiếp được trang bị kính bảo hộ, khẩu trang, bảo hộ lao động,...

- Công ty sẽ thực hiện trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân khi lắp đặt máy móc thiết bị như: quần áo bảo hộ, găng tay, khẩu trang, mũ,.... đảm bảo an toàn cho công nhân.

- Quét dọn bụi bẩn từ quá trình khoan, cắt (nếu có) đảm bảo không phát sinh bụi ra khu vực xung quanh (nhà xưởng).

1.4. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh trong thời gian này chủ yếu từ hoạt động của máy cắt, máy khoan,....: do đó trong thời gian này, chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Hạn chế vận hành đồng thời nhiều các thiết bị gây ồn: Nhà thầu bố trí thời gian và sắp xếp các hoạt động thi công hợp lý nhằm hạn chế việc diễn ra đồng thời các hoạt động gây ồn để giảm mức ồn tổng số.

- Lựa chọn các thiết bị có tiếng ồn thấp, kiểm tra sự cân bằng của các máy móc thiết bị. Kiểm tra độ mòn chi tiết và cho dầu bôi trơn thường kỳ.

- Không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao.

- Máy móc thiết bị đều phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn. Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Không sử dụng cùng một lúc nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn, rung động lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn và rung động.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như: nút tai, bao tai...

- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm thiểu mức ồn tích luỹ ở mức thấp nhất.

2. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

Công ty TNHH Huayan Technology Việt Nam thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Tedomi, do đó toàn bộ hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải do Công ty TNHH Tedomi xây dựng. Hệ thống xử lý nước thải do công ty TNHH Huayan Technology Việt Nam chịu trách nhiệm vận hành, xử lý.

2.1.1 Thu gom, thoát nước mưa

Các khu vực thu gom nước mưa bao gồm nước mưa chảy trên bề mặt sân, đường bê tông, nước mưa chảy trên mái nhà,.... Công ty thuê lại nhà xưởng nên đã được Công ty TNHH Tedomi Việt Nam xây dựng sẵn hệ thống thu gom thoát nước mưa. Hệ thống thoát nước mưa gồm hệ thống thoát nước trên mái nhà và hệ thống thoát nước trên bề mặt sân, đường giao thông.

Hiện tại trên mặt bằng dự án, Công ty TNHH Tedomi Việt Nam đã xây dựng hệ thống cống, rãnh thoát nước mưa chảy tràn trên toàn bộ diện tích dự án.

Nước mưa từ mái nhà xưởng, nhà văn phòng của Dự án được thu gom bằng hệ thống ống thoát nước riêng Ø110 được nối từ mái nhà xưởng xuống dưới đất. Sau đó, được đưa vào đướng cống thoát nước mưa xung quanh nhà máy D350 rồi thoát ra ngoài KCN qua 2 điểm theo thỏa thuận Công ty TNHH Tedomi Việt Nam với Công ty phát triển hạ tầng KCN Đình Trám.

Nước mưa chảy tràn của dự án được thu gom vào hệ thống rãnh thoát nước riêng. Hiện tại đã xây dựng hệ thống rãnh thoát nước dọc theo nhà xưởng, tường rào…để thu gom nước mưa. Rãnh thoát nước có kích thước xây dựng là: chiều rộng x chiều sâu: 0,4mx0,5m.

Kết cấu xây dựng rãnh thoát nước: Đáy rãnh đổ bê tông mác 110, dày 10cm. Thành rãnh xây gạch chỉ đặc mác 75, trát vữa xi măng mác 50. Phía trên rãnh thoát nước sẽ thiết kế có các tấm đan bằng bê tông cốt thép để tránh rác thải rắn, lá cây, đất, cát… bị cuốn theo nước mưa có thể làm tắc rãnh thoát nước. Tấm đan đổ bê tông được thiết kế có cốt thép mác 200. Bố trí các lỗ thu nước trên tấm đan, kích thước lỗ thu nước 5x5cm. Xây dựng các hố ga có lưới chắn rác để thu gom và lắng các chất rắn lơ lửng. Kích thước hố ga: chiều dài x chiều rộng x chiều sâu =1x1x1m. Độ dốc của rãnh thoát nước là 0,3 - 0,5% không để nước mưa chảy tràn tự do.

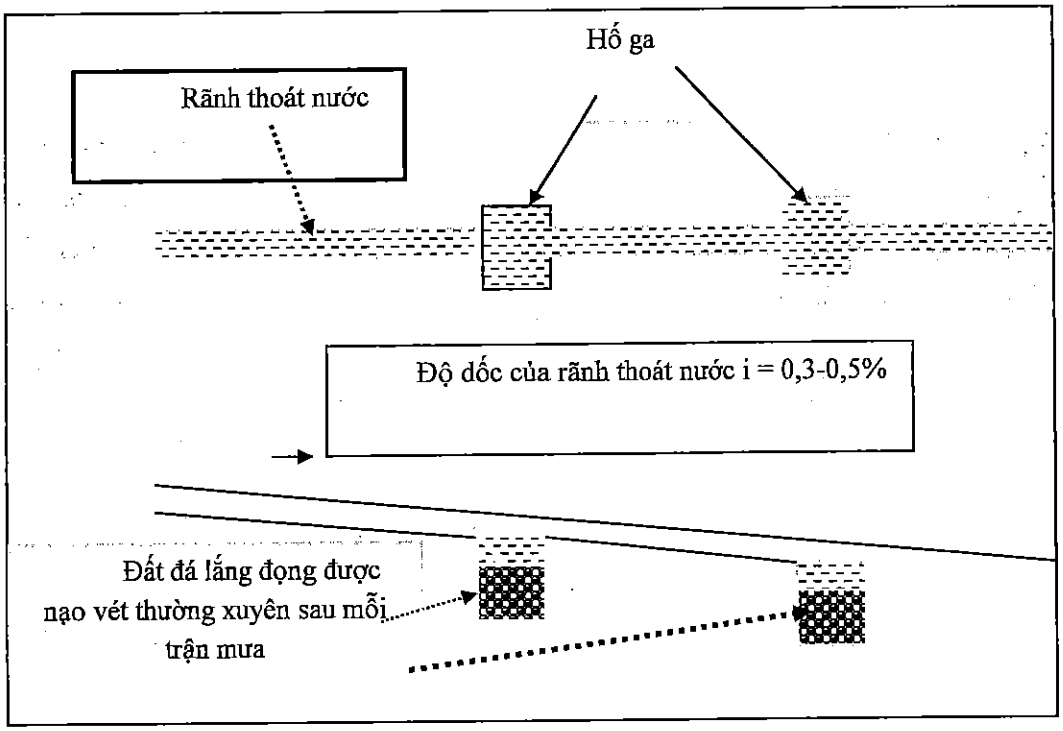

Hình 4.1. Sơ đồ rãnh thoát nước có hố ga

Công ty TNHH Huayan Technology Việt Nam có trách nhiệm giữ gìn vệ sinh chung trong khu vực diện tích của mình được thuê. Trong quá trình hoạt động, chuyên trở nguyên, nhiên vật liệu đảm bảo không phát sinh, gây ô nhiễm do chính các hoạt động này, đồng thời không xả thải các loại hóa chất độc hại làm ảnh hưởng tới hệ thống thoát nước chung của khu vực dự án.

Định kỳ (3 tháng/lần) Công ty kiểm tra, nạo vét hệ thống dẫn nước mưa, kiểm tra phát hiện hỏng hóc để sửa chữa kịp thời. Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho hệ thống thoát nước mưa. Không để các loại rác thải, chất thải lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

2.1.2. Thu gom, thoát nước thải và xử lý nước thải sinh hoạt

*** Công trình thu gom nước thải:**

Căn cứ nhu cầu sử dụng nước tại nhà máy khoảng 6,4m^3/ngày, ước tính tổng lượng nước thải sinh hoạt bằng 100% lượng nước cấp, do đó tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án khoảng: 6,4 m^3/ngày.

Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà vệ sinh (WC) chủ yếu chứa các hợp chất hữu cơ dễ phân huỷ sinh học. Nước thải tại khu vệ sinh được thoát kín hoàn toàn trong hệ thống ống rồi được đưa vào xử lý bằng hệ thống bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải được xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại 3 ngăn 37,8m^3 kích thước (5,6x2,56x2,64)m đã có sẵn do công ty TNHH Tedomi Việt Nam xây dựng, sau đó

được thu gom về hệ thống xử lý tập trung công suất 8 m^3/ngày đêm bằng cống thoát nước thải D500 trước khi đấu nối ra hạ tầng KCN. Nước thải sau khi được xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo các chỉ tiêu phân tích đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B.

Như đã đánh giá ở trên, lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại công ty là 6,4m^3/ngày.đêm, công ty dự kiến xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 8m^3/ngày.đêm. Nước thải sinh hoạt sau khi được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sẽ được đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đình Trám. *(Vị trí được thể hiện trên tổng mặt bằng thoát nước thải – đính kèm trong phụ lục báo cáo).*

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT BẰNG PHƯƠNG PHÁP SINH HỌC HIẾU KHÍ

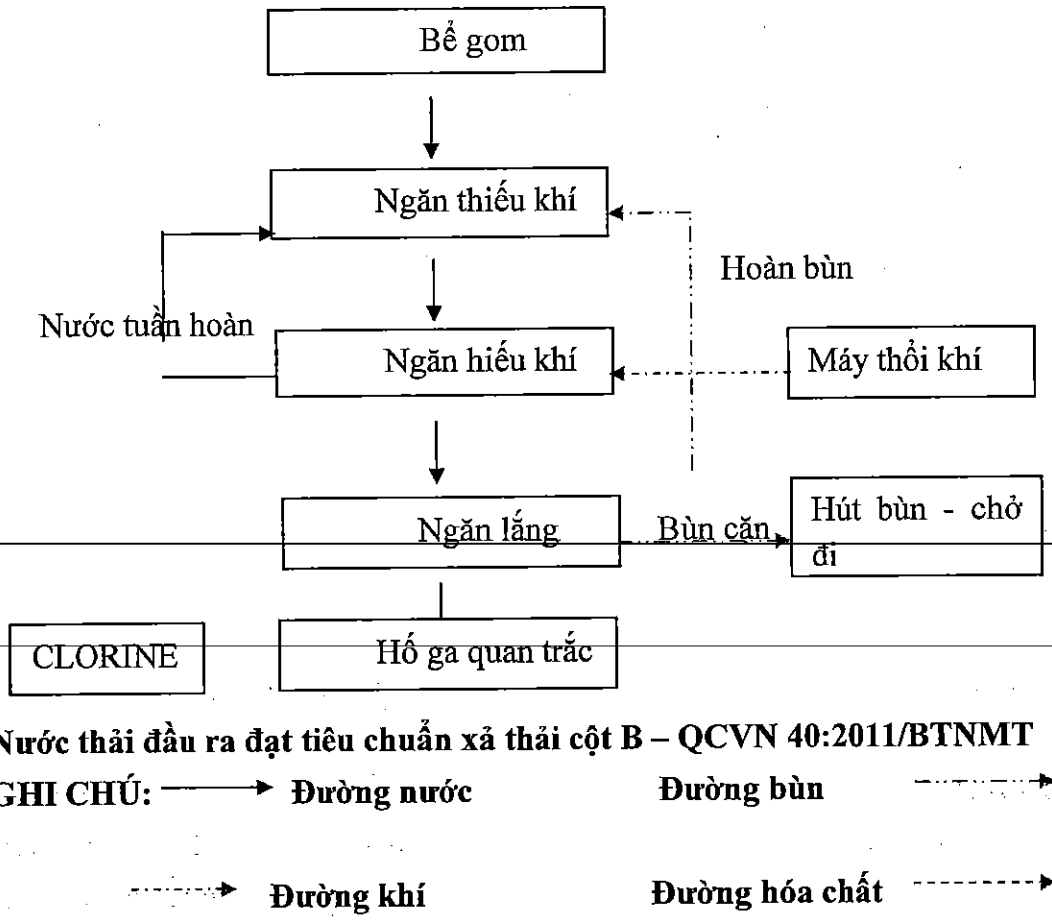

Hình 4.2. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt 8m^3/ngày.đêm

**** Thuyết minh quy trình công nghệ:***

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của Công ty sẽ được dẫn về **bể gom** tại hệ thống xử lý nước thải tập trung. Tại đây nước thải được bơm trực tiếp vào bể thiếu khí.

Tại **ngăn Thiếu khí Anoxic,** môi trường thiếu khí được hình thành trong điều kiện không có sẵn không khí, các vi sinh vật thiếu khí sẽ sử dụng một nguồn oxy khác, tạo điều kiện cho vi sinh vật thiếu khí khử nitrate – Nitrogen thành khí N_2, N_2O, NO. Ngoài khả năng khử Nitrogen bể Anoxic còn có khả năng khử một phần COD trước khi đưa vào bể sinh học Hiếu khí.

Tại **ngăn Hiếu khí** sử dụng công nghệ sinh học **MBBR** các vi sinh hiếu khí sẽ tiếp nhận oxy và chuyển hóa chất hữu cơ thành thức ăn. Trong môi trường hiếu khí nhờ O2 cấp vào, vi sinh hiếu khí tiêu thụ các chất hữu cơ để phát triển, tăng sinh khối và làm giảm tải lượng ô nhiễm trong nước thải xuống mức thấp nhất. Để đảm bảo hàm lượng oxy cũng như chất dinh dưỡng luôn đủ cho vi sinh vật tồn tại, phát triển. Oxy sẽ được cấp liên tục vào bể 24/24, còn dinh dưỡng sẽ được cấp định kỳ (Nếu như nồng độ chất dinh dưỡng trong nước thải không đủ). Chất hữu cơ trong nước thải sẽ được các vi sinh vật hiếu khí trong ngăn sinh học được tiêu thụ theo phương trình sau:

$$\text{Chất hữu cơ} + \text{VSV} + O_2 \rightarrow CO_2 + H_2O + \text{Sinh khối}$$

Trong bể sinh học MBBR còn được cung cấp giá thể bánh xe làm "cư trú" cho các vi sinh vật có lợi phân hủy các hợp chất hữu cơ trong nước thải. Nước sau khi ra khỏi bể sinh học, hàm lượng COD và BOD giảm 80-95%. Sau khi đã được xử lý sinh học trong bể sinh học hiếu khí, nước thải cùng với bùn hoạt tính sẽ được bơm sang bể lắng sinh học nhờ hệ thống thổi khí từ dưới lên đẩy nước thải theo đường ống chảy sang bể lắng. Một phần nước thải được hoàn lại bể thiếu khí để tiếp tục xử lý.

Nước thải được đưa vào **bể lắng sinh học,** quá trình lắng trọng lực xảy ra, bùn hoạt tính lắng xuống đáy bể, phần nước trong qua máng răng cưa sẽ được dẫn qua **bể khử trùng.** Phần bùn dư được bơm định kỳ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý.

Tại **bể khử trùng** nước thải được tiếp xúc với hóa chất Chlorine nhằm khử mầm bệnh vi sinh, coliform có trong nước thải trước khi xả ra ngoài môi trường, đảm bảo nước đầu ra đạt **QCVN 40:2011/BTNMT Cột B.**

*** TÍNH NĂNG, TÁC DỤNG TỪNG ĐƠN VỊ CÔNG NGHỆ**

- Bể gom

Chứa toàn bộ nước thải phát sinh hàng ngày tại công ty.

- Bể Thiếu khí (Anoxic)

Nước sau khi qua bể gom được bơm vào bể Thiếu khí, có nhiệm vụ khử các hợp chất hữu cơ chứa Nitơ và phôt pho trong nước thải. Tại bể này có lắp đặt hệ thống

giá thể tĩnh (giá thể tổ ong) vừa có nhiệm vụ tạo dòng chảy lặng điều hòa lưu lượng nước thải vừa trở thành nơi cư trú cho vi sinh phát triển.

Trong bể xử lý diễn ra quá trình khử nitơ (denitrification) từ nitrat thành nitơ dạng khí N_2 đảm bảo nồng độ nitơ trong nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn môi trường. Quá trình sinh học khử nitơ liên quan tới quá trình oxy hoá sinh học của nhiều cơ chất hữu cơ trong nước thải sử dụng Nitrat hoặc Nitrit như chất nhận điện tử thay vì dùng oxy. Trong điều kiện thiếu oxy diễn ra phản ứng khử nitơ:

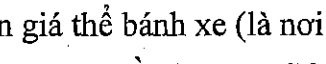

$$C_{10}H_{19}O_3N + NO_3^- \rightarrow N_2 + CO_2 + NH_3 + H^+$$

Quá trình chuyển hoá này được thực hiện bởi vi khuẩn nitrat chiếm khoảng 10 - 80% khối lượng vi khuẩn trong bùn hoạt tính. Tốc độ khử nitơ đặc biệt dao động 0,04 đến 0,42 gN-NO_3^-/g MLSS.ngày, tỉ số F/M càng cao thì tốc độ khử Nitơ càng lớn.

- Bể Hiếu khí MBBR

Nước sau khi qua bể Thiếu khí được đưa tới bể Hiếu khí. Thành phần còn lại chủ yếu là chất hữu cơ hòa tan trong nước, các chất lơ lửng khó lắng còn sót lại. Nhờ có hệ vi sinh vật bám dính trên giá thể bánh xe (là nơi cư trú của vi sinh vật). Khi nước thải chảy qua lớp đệm thì các thành phần hữu cơ COD, BOD, N và P sẽ được các vi sinh vật hấp thụ gần như hoàn toàn.

Hệ thống bể xử lý sinh học có mục đích là oxy hoá COD, BOD, thành phần chủ yếu là chất hữu cơ hòa tan trong nước, tại bể liên tục xảy ra phản ứng oxy hóa chất hữu cơ hòa tan thành CO_2, H_2O, cặn và cơ chất mới cho tế bào vi sinh. Nhờ có hệ vi sinh vật bám dính trên lớp đệm vi sinh. Khi nước thải chảy qua lớp đệm thì các thành phần hữu cơ COD, BOD, N và P sẽ được các vi sinh vật hấp thụ 70 - 75%. Đồng thời với quá trình đó là các mảng bám sinh học có chứa cặn và vi sinh già chết sẽ liên tục bong ra và theo nước thải chảy sang bể lắng sinh học.

Cụ thể với một số quá trình như Nitrification - Denitrification. Và hấp thụ phần lớn photpho và các tế bào vi khuẩn, ngoài ra còn phân hủy một số hợp chất khác thể hiện như sau:

Nước thải từ bể lắng sơ bộ cùng với bùn hoạt tính tuần hoàn từ bể lắng vào bể xử lý sinh học. Nồng độ bùn hoạt tính từ 1.000 - 3.000 mg/l và nồng độ bùn tuần hoàn từ 5.000 - 7.000 mg/l. Nồng độ bùn hoạt tính càng cao, khả năng xử lý BOD của bể càng lớn. Oxy được cung cấp bằng máy thổi khí và hệ thống phân phối khí từ đáy bể có hiệu quả khuếch tán oxy vào trong nước thải cao tạo điều kiện cho vi sinh vật sử dụng để oxy hoá nước thải. Phương trình phản ứng:

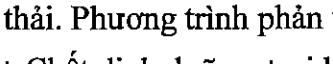

$$\text{Chất hữu cơ} + O_2 + \text{Chất dinh dưỡng} + \text{vi khuẩn hiếu khí} \rightarrow CO_2 + H_2O + NH_3 + C_5H_7NO_2 \text{ (vi khuẩn mới)} + \text{Năng lượng}$$

Quá trình hô hấp nội bào là quá trình oxy hoá bùn (vi khuẩn) được thể hiện bằng phương trình sau:

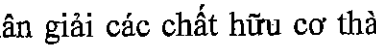

$$C_5H_7NO_2 + O_2 \text{ vi khuẩn} \rightarrow CO_2 + H_2O + NH_3 + E$$

Bên cạnh quá trình phân giải các chất hữu cơ thành CO_2 và H_2O, vi khuẩn hiếu khí Nitrosomonas và Nitrobacter còn oxy hoá NH_3 thành Nitrit và cuối cùng thành Nitrat. Các phương trình phản ứng như sau:

Vi khuẩn Nitrosomonas:

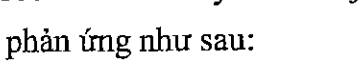

$$NH_4^+ + O_2 \rightarrow NO^-_2 + H^+ + H_2O$$

Vi khuẩn Nitrobacter:

$$NO_2^- + O_2 \rightarrow NO_3^- + H^+ + H_2O$$

Hệ thống cấp oxy cho bể xử lý sinh học được cấp bởi 2 máy thổi khí thông qua hệ thống đường ống công nghệ và đĩa phân phối khí tinh.

- Bể lắng

Bể lắng có nhiệm vụ lắng bùn, cặn vi sinh của cụm bể xử lý sinh học phía trước. Bùn lắng được hút liên tục và tuần hoàn 1 phần lại bể thiếu khí Anoxic.

- Hố ga quan trắc

Để đảm bảo chỉ tiêu vi sinh là coliform thì ta tiến hành khử trùng. Nước thải sẽ được tiếp xúc với hóa chất khử trùng. Sau thời gian tiếp xúc khoảng 30 phút thì toàn bộ vi khuẩn và các vi sinh vật gây bệnh sẽ bị chết và bất hoạt gần như hoàn toàn. Nước thải ra hố ga quan trắc sẽ đạt cột B QCVN 40:2011/BTNMT và được xả ra nguồn tiếp nhận.

Thông số các bể của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $8m^3$/ngày.đêm như sau:

TT	Tên bể	Thể tích bể (m^3)	Chiều dài x đường kính (m)
1	Bể gom	1,5	1 x 1 x 1,5
2	Bể Anoxic	5	2 x 1,25 x 2
3	Bể MBBR	6,2	2 x 1,55 x 2
4	Bể lắng	3,172	2 x 0,793 x 2
5	Bể bơm tuần hoàn	0,8	0,6x0,6x2,2
6	Bể lắng	4,5	1,45x1,4x2,2
7	Bể bơm bùn	0,8	0,6x0,6x2,2
8	Bể chứa bùn	4	2,3x0,8x2,2
9	Bể trung gian	1	0,6x0,8x2,2
10	Bể khử trùng	1	0,8x0,6x2,2

THỐNG SỐ CÁC MÁY MÓC THIẾT BỊ TRONG HỆ THỐNG

STT	Hạng mục thiết bị	Đơn Vị	Số Lượng

A	**Bồn xử lý** - Kích thước: 3600 x D2000 - Đế bể dày 200mm - vật liệu thép CT3, dày 4mm	m^3	1
I	**Bể gom**		
1	**Bơm nước thải** - Công suất motor: P = 0,15 kw - Điện áp: 380V/3pha/50Hz. - Lưu Lượng: 3-5 m3/h. - Cột áp: H =6-4 mH2O. - Xuất xứ: Taiwan.	Chiếc	2
2	**Phụ kiện bơm** - Phao điện báo mức nước - Van đồng 1 chiều - Bích nối, Van khóa, Nối ren trong, nối ren ngoài…… - Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	2
II	**Bể thiếu khí**		
1	- Giá thể tĩnh: giá thể tổ ong	m^3	2
2	- Khung cố định giá thể	Bộ	1
IV	**Bể hiếu khí**		
	Máy thổi khí con sò		
1	- Công suất motor: P = 0.75 kw. - Điện áp: 380V/3pha/50Hz. - Lưu Lượng: Q =1.08 m3/phút - Cột áp: H = 3 mH2O. -Kích thước ống ra : 60mm -Tốc độ vòng quay : 2400vòng/phút. - Xuất xứ: Taiwan.	Chiếc	2
2	**Đệm vi sinh bánh xe** - Xuất xứ: Việt Nam	m^3	2

3	**Đĩa phân phối khí bể hiếu khí, loại bọt mịn** - Lưu lượng: 1,5-8 m3/h - Kích thước D=268mm - Vật liệu màng: EPDM	Chiếc	4
4	**Phụ kiện đĩa phân phối khí bể điều hòa** - Ống PVC/C2 D60 - T D60-27, nối ren trong D27 - Cùm dàn khí - Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	1
5	**Lưới tách pha giá thể**	Hệ	1
V	**Bể lắng**		
1	**Phụ kiện bể lắng** - Ống PVC, ống kỹ thuật cấp khí.... - Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	1

Hiệu quả xử lý: nước thải sau khi xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp) trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN.

Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt là hệ thống đường ống thoát nước bằng ống nhựa PVC D90 tới D110 thu gom về hệ thống xử lý tập trung công suất 8m^3/ngày đêm. Nước thải sau hệ thống xử lý được dẫn bằng ống D500 đấu với hệ thống thu gom nước thải cụm công nghiệp. Điểm đấu nối nước thải với hệ thống thoát nước chung của KCN qua 1 điểm xả cùng với chủ hạ tầng là Công ty TNHH Tedomi Việt Nam được thể hiện trên mặt bằng thoát nước thải (đính kèm theo phụ lục báo cáo 01/2023-PL01).

*** Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt**

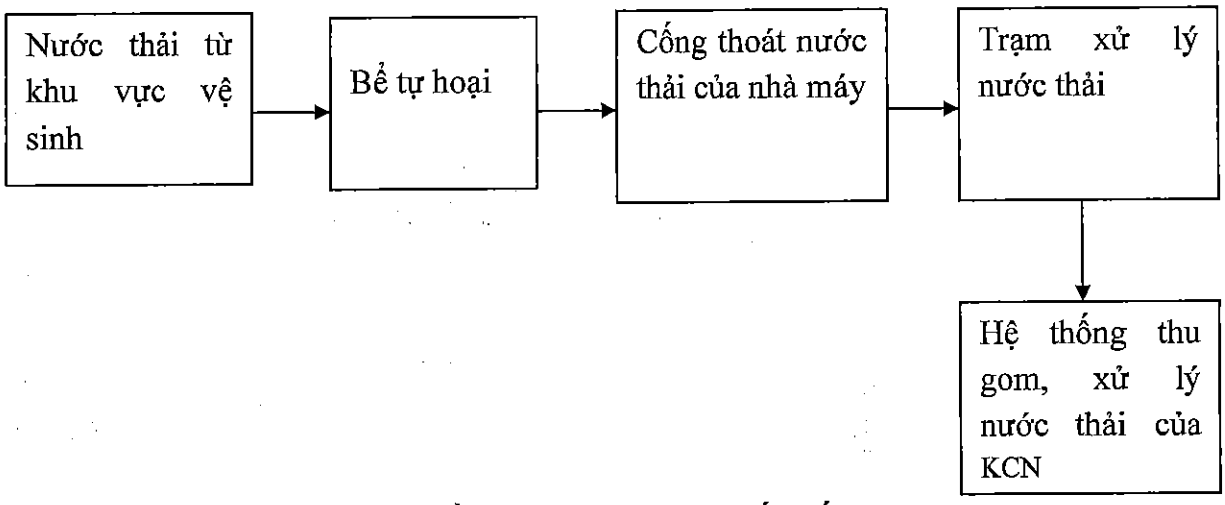

Công ty cùng với chủ hạ tầng thỏa thuận cùng đấu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống với KCN Đình Trám, nước thải sau khi qua hệ thống xử lý nước thải của công ty đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT, được đưa đến trạm xử lý nước thải của KCN để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

(Vị trí đấu nối được thể hiện trong sơ đồ hệ thống thoát nước thải và biên bản thỏa thuận đính kèm theo phụ lục của báo cáo)

*** Điểm xả nước thải sau xử lý:** Dự án nằm trong KCN Đình Trám nên nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT qua 01 điểm xả. Điểm xả nước thải của dự án được xả cùng với Công ty TNHH Tedomi Việt Nam (thỏa thuận được thể hiện tại Phụ lục số 01/2023-PL01). Thỏa thuận các điểm đấu nối hạ tầng kỹ thuật của Công ty TNHH Tedomi Việt Nam với Công ty phát triển hạ tầng KCN tỉnh Bắc Giang tại số 97/CTPTHT-KHKT ngày 11 tháng 4 năm 2017 – được đính kèm tại Phụ lục báo cáo.

2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

**** Bụi, khí thải do các phương tiện giao thông vận tải chuyên chở nguyên vật liệu, sản phẩm và hoạt động giao thông của công nhân viên***

Phương tiện vận chuyển đảm bảo tiêu chuẩn lưu hành về chất lượng khí thải, không sử dụng xe quá cũ để vận chuyển, giảm phát thải bụi và các khí độc hại như SO_2, NO_x, CO,…

Không chở vượt trọng tải quy định; giảm lưu lượng vận tải từ 22h đến 6h để không ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

Có chế độ điều tiết xe vận tải chở nguyên liệu, sản phẩm đi tiêu thụ hợp lý để tránh hiện tượng tắc nghẽn giao thông tại tuyến đường ra vào công ty. Do đó công ty phải quy định khoảng cách tối thiểu giữa các xe là 50m.

Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển đều được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm có thẩm quyền về mức độ an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

Tuyến đường nội bộ đã được bê tông hóa trong khu vực Dự án để hạn chế mức độ phát sinh bụi.

Không cho xe nổ máy khi tham gia giao, nhận hàng.

Xe chở đúng trọng tải quy định, sử dụng đúng nhiên liệu với thiết kế của động cơ và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về lưu thông.

Trang bị khẩu trang, gang tay, kính mắt,...cho những người làm việc tại các khu vực có khả năng phát sinh ô nhiễm không khí.

Thường xuyên kiểm tra và bảo trì phương tiện vận chuyển đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt.

Các phương tiện phải đảm bảo các điều kiện lưu hành, trong thời hạn cho phép theo đúng quy định của Bộ Giao thông vận tải.

**** Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nhiệt, bụi từ khu vực nhà xưởng***

Chủ dự án bố trí, thiết kế khu vực sản xuất thoáng mát sạch sẽ, đảm bảo đủ các điều kiện cần thiết cho quy trình lao động của công nhân (ánh sáng, thông khí,...).

- Lắp đặt, sử dụng máy móc cho sản xuất hiện đại, khép kín đảm bảo cho hoạt động bảo vệ môi trường.

- Áp dụng các biện pháp thông gió tự nhiên tại khu vực xưởng sản xuất: Được thiết kế thông thoáng, sử dụng vật liệu chống nóng, lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp. Các khu vực có nguồn nhiệt cao được tăng cường điều kiện thông thoáng nhằm giảm nhiệt môi trường lao động. Sử dụng hệ thống làm mát không khí để cấp không khí mát vào khu vực có nhiệt độ cao. Trong xưởng sản xuất, không khí được trao đổi liên tục, thông thoáng nhờ hệ thống quạt thổi và thông gió tự nhiên qua hệ thống cửa mái.

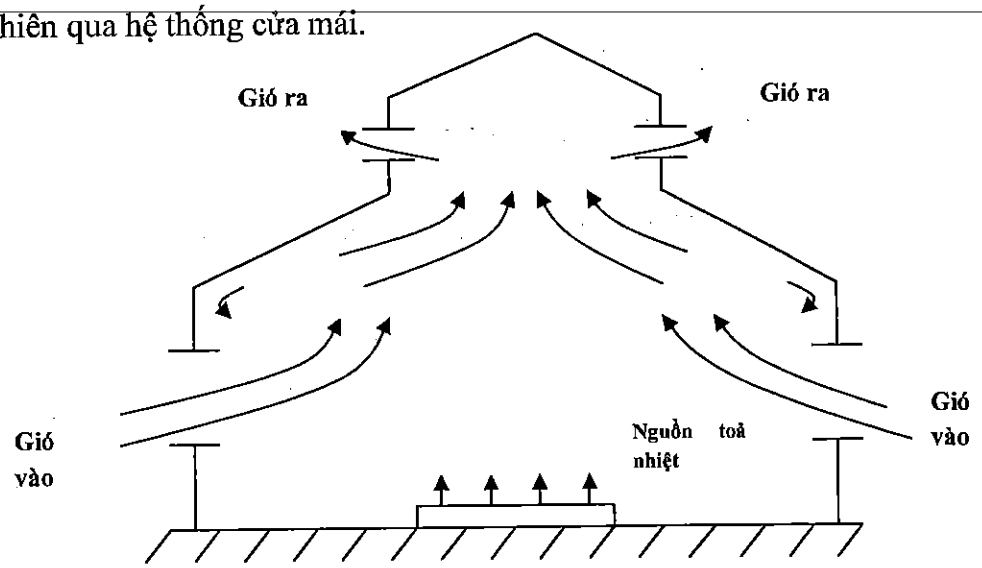

Hình 4.3. Sơ đồ nguyên lý của hệ thống thông gió tự nhiên

- Để đảm bảo các chỉ tiêu vi khí hậu (nhiệt độ, độ ẩm,...) môi trường làm việc của công nhân trong khu vực hàn, chủ dự án lắp đặt điều hòa để giảm thiểu ô nhiễm do nhiệt.

- Để hạn chế bụi từ các công đoạn sản xuất phát tán gây ô nhiễm môi trường làm việc trong khu vực sản xuất, Công ty thường xuyên vệ sinh khu vực nhà xưởng sạch sẽ hàng ngày.

- Ngoài ra, Chủ dự án còn lắp đặt máy điều hòa làm mát khu vực xưởng sản xuất.

+ ***Mùi hôi từ khu tập kết rác thải, nhà vệ sinh:***

Toàn bộ lượng chất thải sinh hoạt được thu gom vào thùng chứa có nắp đậy, đặt ở vị trí thích hợp, tách biệt với các khu vực như khu văn phòng, nhà xưởng hay nhà ăn, đảm bảo không gây ảnh hưởng tới khu vực xung quanh.

Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đem đi xử lý hàng ngày (vào cuối giờ chiều mỗi ngày).

Khu nhà vệ sinh: Nhà vệ sinh tập trung của Công ty thường xuyên được dọn rửa và khử mùi nên hạn chế tối đa mùi hôi và không ảnh hưởng tới môi trường không khí. Trong quá trình hoạt động Công ty sẽ chú trọng đến nâng cao ý thức của cán bộ công nhân viên nhằm giữ gìn vệ sinh chung cho Công ty.

2.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

2.3.1. Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Chủng loại và khối lượng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt của công ty: Thành phần chất thải sinh hoạt chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh... Giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình tại nhà máy khoảng: 40 kg/ngày, trong đó chất thải không phân hủy phát sinh từ khu vực văn phòng như giấy, bao bì bằng nhựa, nilong; chất thải có khả năng phân hủy như thức ăn thừa,....

Công trình lưu giữ và biện pháp thu gom:

Đội ngũ Lao công của Công ty sẽ làm nhiệm vụ lau dọn sàn khu văn phòng làm việc, kho chứa nguyên vật liệu, sản phẩm, sân đường nội bộ và thu gom rác sinh hoạt phát sinh hằng ngày và các thùng đựng rác đã được bố trí tại từng khu chức năng.

Công ty bố trí 20 thùng nhựa chứa rác 100 lít có nắp đậy ở khu vực văn phòng, khu vực sản xuất, nhà ăn,.... Sau đó thu gom về kho chứa thuê đơn vị vệ sinh đến thu gom, vận chuyển để xử lý.

- Chất thải có khả năng tái chế như bao bì, giấy vụn,...Công ty thu gom và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

- Chất thải không có khả năng tái chế như nilon, mảnh vỡ thủy tinh,...Thu gom vào kho chứa có diện tích 9m^2 kích thước (3mx3m).

- Đối với thức ăn thừa đơn vị cung ứng xuất ăn công nghiệp sẽ thu dọn và tận dụng thức ăn thừa thu gom vào thùng chứa để làm thức ăn chăn nuôi.

- Bùn cặn của Bể tự hoại định kỳ 1 năm/lần được thuê đơn vị dịch vụ thông hút bồn cầu bể phốt sau đó đưa đi xử lý an toàn, hợp vệ sinh.

Công ty hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 03 ngày/lần.

2.3.2. Đối với chất thải rắn sản xuất

Chủng loại và khối lượng phát sinh chất thải rắn sản xuất: Loại hình sản xuất của Dự án là các sản phẩm kim loại (như khung của thiết bị thông minh, khung đỡ camera, khung đỡ cố định bản mạch, khung sườn, khay sim, phụ kiện lấy sim, khuôn Jic), các sản phẩm từ nhựa (như vỏ ốp, vỏ USB, nút bấm, nút volume, nút nguồn, vỏ thiết bị camera), các sản phẩm đồ gốm sứ (như cầu trì, điện trở) do đó chất thải sản xuất không nguy hại phát sinh từ quá trình sản xuất chủ yếu là các sản phẩm lỗi hỏng, thép thừa, nhôm, inox thừa, nilong, bao bì cactong,.... Ước tính lượng chất thải này phát sinh như sau.

Bảng 4.1. Thành phần và khối lượng chất thải sản xuất tại nhà máy

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng	Công đoạn phát sinh
1	Bao bì carton, nilon hỏng,…	Kg/tháng	50	Từ công đoạn tháo dỡ nguyên vật liệu và đóng gói sản phẩm
2	Kim loại dư thừa, nhôm, inox, thép,… chiếm khoảng 2 % nguyên liệu đầu vào	Kg/tháng	167	Từ công đoạn dập ép các sản phẩm kim loại
3	Sản phẩm từ nhựa (như vỏ ốp, vỏ USB, nút bấm, nút volume, nút nguồn, vỏ thiết bị camera) lỗi hỏng chiếm 2% nguyên liệu đầu vào	Kg/tháng	100	Từ công đoạn kiểm tra sản phẩm từ nhựa
4	Sản phẩm đồ gốm sứ (như cầu trì, điện	Kg/tháng	50	Từ công đoạn kiểm tra sản phẩm từ gốm sứ

	trở) lỗi hỏng chiếm 2% nguyên liệu đầu vào			
5	Gang tay chun bỏ, tray hỏng, lỗi	Kg/tháng	20	Kiểm tra, đóng gói
	Tổng	Kg/tháng	**387**	

Công trình lưu giữ và biện pháp thu gom:

+ Trong các phân xưởng bố trí các thùng nhỏ để lưu giữ chất thải thông thường phát sinh hàng ngày. Chất thải thông thường được phân chia thành 2 loại:

✓ Chất thải không tái chế được.

✓ Chất thải có thể tái chế được.

+ Nhân viên vệ sinh hàng ngày chịu trách nhiệm thu gom các chất thải từ các khu vực phát sinh về nơi tập trung chất thải của công ty ít nhất một ngày một lần.

+ Đối với chất thải có thể tái chế được công ty sẽ bán cho đơn vị thu mua, còn đối với chất thải không thể tái chế công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

+ Toàn bộ chất thải rắn sản xuất được phân loại và lưu vào thùng chứa riêng. Công ty bố trí 15 thùng chứa chất thải sản xuất dung tích 120 lit/thùng, bằng nhựa có nắp đậy đặt trong khu vực nhà xưởng sản xuất.

Tất cả các chất thải sẽ được chuyển về kho chứa rác thải công nghiệp được bố trí bên ngoài nhà xưởng, diện tích 25m^2. Kho được ngăn khép kín, tường bao gạch bao quanh, nền xi măng, mái tôn, có cửa ra vào, gắn biển báo cảnh báo tại cửa ra vào, chiều cao công trình 3m.

+ Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải mang đi xử lý theo quy định, định kỳ 2 tháng/lần.

2.3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chủng loại và khối lượng phát sinh: Chất thải nguy hại của dự án bao gồm các loại chất thải nguy hại: Giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang hỏng, dầu mỡ thải, mực in hỏng thải, than hoạt tính thải từ quá trình xử lý khí thải,...

Bảng 4.2. Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong 1 năm

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH	Công đoạn phát sinh
1	Bóng đèn huỳnh quang vỡ, hỏng	Rắn	02	16 01 06	Từ hoạt động chiếu sáng văn

					phòng, nhà xưởng
2	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	20	18 02 01	Từ quá trình thao tác sản xuất, bảo dưỡng máy móc thiết bị
3	Vỏ thùng, can đựng dầu	Rắn	10	18 01 02	Từ quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị
4	Dầu mỡ thải (Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải)	Lỏng	30	17 02 03	
5	Hộp chứa mực in	Rắn	01	08 02 04	Từ hoạt động văn phòng
6	Mực in thải	Lỏng	1	08 02 01	
	Tổng cộng		**64**		

Công trình lưu giữ và biện pháp thu gom:

Toàn bộ lượng CTNH phát sinh tại công ty được thu gom để đúng vào nơi quy định. Mỗi loại chất thải phát sinh được thu gom đựng vào một thùng chứa riêng, có nắp đậy, lưu giữ tại khu vực chứa CTNH riêng, kho chứa có biển cảnh báo theo quy định, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Chất thải nguy hại đảm bảo được phân loại ngay tại nguồn phát sinh và được lưu giữ riêng theo quy định không để lẫn CTNH với CTR thông thường.
- Mỗi loại CTNH được dán nhãn, ghi các thông tin cần thiết theo quy định.
- Mỗi loại chất thải phát sinh được thu gom đựng vào một thùng chứa riêng, có nắp đậy, dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại bên ngoài bao bì lưu chứa và ngoài cửa kho chứa, lưu giữ tại khu vực chứa CTNH riêng theo quy định. Toàn bộ lượng CTNH được thu gom tập kết trong khu vực chứa CTNH với diện tích khoảng 9m^2. Kho xây dựng khép kín, tường xây gạch bao quanh, nền xi măng, mái trần bê tông, có biển báo cảnh báo tại cửa ra vào. Nền có gờ chống tràn xây bằng gạch đặc tại cửa ra vào, rãnh và hố thu gom chất thải lỏng phòng ngừa sự cố tràn dầu. Chiều cao công trình 3m.

Trong kho chứa chất thải: dự án bố trí 6 thùng đựng chất thải nguy hại bằng nhựa,có nắp đậy thùng dung tích: 50lit/thùng.

Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải mang đi xử lý theo quy định, định kỳ 1 năm/lần.

Chủ dự án cam kết thực hiện tốt công tác thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đem đi xử lý theo quy định. Đồng thời, thực hiện công tác báo cáo tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại lên Sở Tài nguyên và môi trường theo quy định.

2.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung của máy móc, thiết bị trong nhà xưởng là không đáng kể vì: nền móng lắp đặt máy móc, thiết bị đã được gia cố chắc chắn.

Tại dự án có phát sinh tiếng ồn, rung lớn tại khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải và máy nén khí.

Để khống chế tiếng ồn, độ rung Chủ Dự án áp dụng một số biện pháp sau:

- Trang bị bảo hộ lao động như nút tai cho công nhân làm việc tại xưởng sản xuất và lập nội quy hạn chế công nhân nói chuyện trong giờ làm việc để giảm tiếng ồn.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và định kỳ bảo dưỡng, bổ sung dầu bôi trơn cho các bộ phận chuyển động.
- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân của quạt và thiết bị.
- Máy nén khí được bố trí tại khu vực riêng, cách lý riêng.
- Những nơi điều hành sản xuất được bố trí cách ly riêng.
- Hệ thống xử lý khí thải (có quạt hút) được bố trí bên ngoài nhà xưởng, bố trí ở phía cuối nhà xưởng, để tránh gây ảnh hưởng đến hoạt động khác của nhà máy.
- Trang bị mũ, tai chụp đúng tiêu chuẩn cho công nhân trực tiếp vận hành máy móc thiết bị.
- Không vận hành các thiết bị máy móc gây ồn cao vào cùng thời điểm.
- Bố trí thời gian làm việc cho các cán bộ, công nhân viên hợp lý để tránh tình trạng bị tác động của tiếng ồn kéo dài.
- Bố trí thời gian vận chuyển nguyên vật liệu và sản phẩm hợp lý, giảm mật độ giao thông vào giờ cao điểm.
- Định kỳ (6 tháng/lần) kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị máy móc phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Đối với tiếng ồn và độ rung: Chủ dự án cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp kiểm soát tiếng ồn và độ rung trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo không vượt quá mức ồn và rung theo quy chuẩn QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về rung - giá trị cho phép tại nơi làm việc.

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

2.5.1. Biện pháp phòng chống cháy nổ

Chủ Dự án luôn đảm bảo tuyệt đối những điều kiện phòng cháy, chữa cháy như sau:

- Thành lập đội phòng cháy chữa cháy của Dự án, được chia thành các tổ thường trực *(24/24h)*, ban chuyên trách tại từng phân xưởng sản xuất, sẵn sàng ứng cứu khi có dấu hiệu cháy nổ xảy ra trong khu vực Dự án.

- Luôn bố trí đầy đủ phương tiện dùng phòng cháy chữa cháy gồm các bình bọt CO_2 và các họng nước cứu hỏa được bố trí tại các vị trí thích hợp.

- Hàng năm toàn bộ cán bộ, nhân viên phục vụ và công nhân làm việc trong dây chuyền sản xuất đều được huấn luyện định kỳ về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, đặc biệt đối với lực lượng phòng cháy chữa cháy của Dự án.

- Bố trí, thiết kế đường nội bộ trong khu vực Dự án và giữa các xưởng sản xuất đảm bảo đủ rộng thông suốt cho phương tiện chữa cháy xe cứu hỏa thao tác thuận lợi, đảm bảo khống chế được bất kỳ ngọn lửa phát sinh ở vị trí nào trong khu vực Dự án.

- Cấm hút thuốc lá, bật lửa… trong khu vực dễ cháy nổ *(bãi để xe, khu văn phòng, nhà kho, xưởng sản xuất,...)* và đảm bảo khoảng cách ly an toàn.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy bao gồm:

- Hệ thống bình phun chữa cháy: *Bình khí CO_2 chữa cháy* (Ký hiệu: MT-3, trọng lượng bình: 7,3kg, trọng lượng khí CO_2: 3kg, khoảng cách hiệu quả: 5-7m) và *Bình bột chữa cháy* (Bình bột chữa cháy loại MFZ4 và có thể trang bị thêm bình bột chữa cháy xe đẩy MFT35. Bình chữa cháy bố trí cạnh họng nước chữa cháy đặt riêng hoặc chung cùng hộp họng nước chữa cháy).

- Hàng năm, toàn bộ cán bộ, nhân viên phục vụ và công nhân làm việc trong dự án đều được tập huấn về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, nắm rõ cách thức ứng phó khi sự cố cháy nổ xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra hệ thống ống dẫn khí, các khóa van khí,...

2.5.2. Phòng cháy các thiết bị điện

- Đấu nối tiếp đất tất cả các thiết bị điện, bọc kín các điểm tiếp nối điện bằng vật liệu cách điện.

- Các loại nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ tại các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện.

- Kiểm tra công suất thiết bị phù hợp với khả năng chịu tải của nguồn;

- Thông báo và treo biển khi sửa chữa điện.

- Bố trí các bình nước cứu hỏa phù hợp, thuận tiện; trang bị bình bọt CO_2 và bố trí gần những khu vực cần thiết.

- Xây dựng và ban hành nội quy an toàn về điện.

- Công nhân trực tiếp làm việc tại trang trại được tham gia tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ, chập điện.

- Áp dụng biện pháp nối đất thiết bị kết hợp với tự động cắt nguồn cung cấp bằng thiết bị bảo vệ đối với các bộ phận có tính dẫn điện để hở của thiết bị điện, khung kim loại của bảng điện và bàn điều khiển, vỏ kim loại của các máy điện di động và cầm tay theo quy định tại Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9358 : 2012 Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp - Yêu cầu chung.

- Định kỳ hàng năm tiến hành đo kiểm tra điện trở tiếp đất của hệ thống nối đất cho các thiết bị điện theo quy định tại Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9358 : 2012 Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp - Yêu cầu chung và theo quy định tại Quy phạm trang bị điện - Phần I. Quy định Tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử chung, ký hiệu TCN - 11- 18 - 2006.

- Rủi ro khi nối thiết bị với nguồn cung cấp điện, Rủi ro do sự rò rỉ điện: Thực hiện công việc bảo trì an toàn, tuân theo các tiến trình sau: Cử nhân viên có kinh nghiệm và thành thạo trong công việc thay thế và sửa chữa các thiết bị điện cũng như các chi tiết về cơ khí của thiết bị tiêu thụ điện; Phải bảo đảm tuyệt đối là thiết bị đã được cách ly khỏi nguồn cung cấp điện; Đặt bảng báo hiệu để thông báo về việc sửa chữa. Không được thực hiện việc bảo trì một mình, Chuẩn bị trước các thiết bị phòng cháy (bình cứu hoả…).

2.5.3. Biện pháp đảm bảo an toàn lao động:

- Sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc. Đình chỉ công việc của công nhân khi thiếu trang bị bảo hộ lao động.

- Khu vực phát sinh bụi, dùng xe tưới nước trên bề mặt công trình và các loại vật liệu như đá, cát, sỏi để chống bụi,...

- Xây dựng nội quy về an toàn và bảo hộ lao động đối với tất cả các hoạt động ở các khu vực nhà xưởng cũng như trong toàn bộ khu vực dự án.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, thực hiện nghiêm về khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định.

- Tổ chức bộ máy làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo đúng quy định tại các Điều: 36, 37, 38 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động.

- Xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động, kế hoạch ứng cứu khẩn cấp theo quy định tại các Điều: 76, 78 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

- Tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho 06 nhóm đối tượng theo quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động.

2.5.4. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng các phương tiện tham gia giao thông để tránh tai nạn giao thông khi tham gia trên đường.
- Cán bộ, công nhân của dự án phải chấp hành nghiêm Luật an toàn giao thông đường bộ.
- Các loại xe vận tải phải thường xuyên kiểm tra, kiểm định tại các Trung tâm kiểm định của Bộ Giao thông vận tải; tuân thủ các nội quy, quy chế vận tải.
- Tuyệt đối không sử dụng lái xe chưa qua đào tạo, chưa có kinh nghiệm vận tải.
- Nghiêm cấm dùng các loại xe vận tải chở người đi đến nơi làm việc hoặc về nơi nghỉ và cấm trở người trên thùng xe trong khi hoạt động.
- Cấm người ngồi trên mui xe hoặc đứng bám sát vào thành xe.
- Cấm người lên xuống xe khi xe chưa dừng hẳn.

2.5.5. Hệ thống chống sét:

Kim thu sét được sử dụng theo công nghệ mới là loại kim phóng tia tiên đạo sớm. Với loại kim này, khi trong không khí có xuất hiện hiện tượng chênh lệch điện thế, xuất hiện các đám mây mang điện tích cao sẽ được thu sớm và dẫn truyền xuống đất trước khi xảy ra hiện tượng phóng điện. Các kim thu sét được lựa chọn của các hãng có uy tín trên thị trường để đảm bảo chất lượng kỹ thuật cho các kim.

Kim thu sét sử dụng để bảo vệ cho cả công trình với chiều cao lắp đặt 5m trên điểm cao nhất của công trình, bán kính bảo vệ 100m trên mỗi kim thu sét. Kim thu sét được lắp đặt tại các vị trí cao nhất trên mái nhà xưởng, đảm bảo bán kính bảo vệ. Việc bố trí các kim thu sét được thể hiện như sau:

Nhà xưởng sản xuất được bảo vệ bởi 02 kim thu sét lắp trên mái nhà xưởng với bán kính mỗi kim là 100m.

Việc đặt kim thu sét trên các hạng mục đảm bảo cho các hạng mục và các nhà lân cận nằm trong bán kính bảo vệ của kim được bảo vệ khỏi sét đánh trực tiếp.

Hệ thống điện tại các xưởng đều được bảo vệ chống sét lan truyền và chống sét cảm ứng bởi các bộ chống sét.

Hệ thống nối đất: Các cọc tiếp đất được sử dụng là cọc đồng tròn Φ16. Mỗi cọc dài 2,4m, được đóng sâu xuống đất ở độ sâu 0,5m. Việc liên kết giữa các cọc nối đất

được thực hiện bằng cáp đồng trần tiết diện 70mm^2. Liên kết giữa các cọc và các dây nối đất được thực hiện bằng các mối hàn đồng, hoặc dựng kẹp đồng.

Dây dẫn sét xuống đất dùng dây đồng 50mm^2. Số lượng dây xuống tuỳ thuộc vào kích thước mái của công trình.

Điện trở tiếp cho hệ thống chống sét địa đảm bảo tối thiểu ≤ 10 Ω tuân theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Điện trở cho các hệ thống nối đất an toàn cũng < 4 Ω, theo tiêu chuẩn Việt Nam hoặc tiêu chuẩn IEC.

Định kỳ hàng năm tiến hành đo kiểm tra điện trở tiếp đất của hệ thống chống sét cho nhà xưởng, văn phòng làm việc theo quy định tại Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 9385: 2012 Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

2.5.6. Đối với sự cố về dịch bệnh:

Khi có dịch bệnh phát sinh, Chủ đầu tư sẽ phối hợp với cơ quan y tế địa phương để có biện pháp ứng phó và xử lý kịp thời, cụ thể như sau:

- Có các biện pháp ngăn chặn sự phát tán của dịch bệnh ra khu vực dân cư lân cận;
- Xác định khu vực có dịch bệnh và không có dịch bệnh, phun hoá chất khử trùng và tiệt trùng,
- Thông báo và hướng dẫn cán bộ công nhân viên không đến khu vực phát sinh tránh lây nhiễm.
- Đồng thời Chủ đầu tư sẽ bố trí một phòng y tế, có đầy đủ cán bộ y tế, thuốc men để sơ cứu, khám chữa bệnh khi có sự cố xảy ra.

2.5.7. Sự cố ngập úng

Trong mùa mưa lũ Công ty phối hợp với địa phương, có lực lượng thường trực phòng chống lũ lụt trong mùa mưa bão.

- Thường xuyên nạo vét kiểm tra và nạo vét hệ thống thoát nước, kênh mương dọc khu vực dự án để đảm bảo thông thoát nước tốt.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành sơ tán, di chuyển các loại nguyên vật liệu, dầu mỡ, thiết bị đến nơi an toàn theo khuyến cáo hoặc quy định của cấp có thẩm quyền để ngăn ngừa phát tán dầu mỡ, nguyên vật liệu ra môi trường xung quanh;
- Ngắt toàn bộ hệ thống điện;
- Sau khi nước rút tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị máy móc bị hư hỏng.

2.5.8. Biện pháp quản lý an toàn trong xưởng và giảm thiểu tác động do máy móc, thiết bị đến sức khỏe công nhân

Công ty áp dụng các biện pháp sau nhằm đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân:

- Lắp đặt hệ thống điều hòa không khí văn phòng, thông gió cho nhà xưởng giúp không khí lưu thông từ trong nhà xưởng ra ngoài môi trường. Đồng thời, quạt thông gió giúp điều hòa không khí, nhiệt độ trong nhà xưởng, làm giảm nhiệt độ của máy móc, thiết bị làm giảm chênh lệch nhiệt độ giữa trong và ngoài nhà xưởng.
- Thiết kế bộ phận giảm âm, giảm ồn, rung cho máy móc, thiết bị;
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết máy móc, thiết bị và bôi trơn định kỳ;
- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm bớt tiếng ồn.
- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động như: khẩu trang, găng tay, nút tai,.... cho công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn và độ rung.
- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.
- Chú trọng công tác an toàn sản xuất.
- Thiết lập đội ngũ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm để thực hiện quản lý an toàn sản xuất, khi xảy ra sự cố thông báo cho cấp trên và phổ biến dưới xưởng. Xây dựng hoàn thiện các chế độ quản lý, phổ biến giáo dục an toàn, chế độ kiểm tra định kỳ, chế độ duy tu thiết bị và các điều kiện cải thiện lao động…
- Cán bộ nhân viên mới hoặc nhân viên chuyển đổi vị trí làm việc phải đào tạo về kiến thức chuyên nghiệp và an toàn kỹ thuật đạt tiêu chuẩn sau đó mới được vào vị trí làm việc.
- Định kỳ phổ biến kiến thức giáo dục an toàn sản xuất đối với toàn bộ cán bộ công nhân viên, định kỳ kiểm tra an toàn.
- Vị trí thao tác có tính nguy hiểm cao phải tiến hành đào tạo công nhân viên và công nhân kỹ thuật trình độ cao.

2.5.9. Biện pháp giảm thiểu sự cố máy nén khí

- Thực hiện nghiêm túc việc kiểm định kỹ thuật an toàn cho máy nén khí và khai báo sử dụng với Sở Lao động - TB&XH tỉnh Bắc Giang trước khi đưa các thiết bị trên vào sử dụng;
- Chỉ bố trí người đã qua đào tạo nghề, được huấn luyện và có chứng chỉ an toàn lao động vận hành máy nén khí;

- Quản lý sử dụng an toàn máy nén khí theo đúng quy định tại TCVN 6155: 1996 Bình chịu áp lực - Yêu cầu kỹ thuật an toàn về lắp đặt, sử dụng, sửa chữa.

- Máy nén khí được đặt trong phòng riêng biệt, không gần khu vực tập trung đông người theo đúng quy định tại TCVN 6155 - 1995.

2.5.10. Sự cố hóa chất

Có bộ phận chuyên môn hoặc cán bộ phụ trách.

Công ty chỉ sử dụng các loại nguyên liệu đảm bảo các yêu cầu về an toàn kỹ thuật và chứng nhận vật liệu đúng quy định. Yêu cầu nhà cung ứng cung cấp nguyên liệu đựng các nguyên liệu đúng chủng loại theo quy định của nhà nước, đồng thời phải cung cấp các giấy tờ có liên quan đến lưu chứa, vận chuyển và sử dụng nguyên liệu an toàn.

Có biển báo cảnh báo, tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho công nhân về mức độ nguy hiểm cũng như cách bảo quản nguyên liệu để tránh xảy ra sự cố.

Ngăn cấm người không có nhiệm vụ và không có phương tiện bảo hộ đi vào khu vực có chứa nguyên liệu.

Bố trí các thiết bị PCCC và bình chữa cháy tương ứng (gồm hộp chữa cháy, bình chữa cháy bột, CO_2 ...), đồng thời phải có nhân viên phụ trách PCCC đã qua đào tạo.

Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: ủng, găng tay, áo mưa, mũ, ... để đảm bảo an toàn khi sử dụng các loại nguyên liệu trong quá trình sản xuất.

Công ty đã ban hành nội quy, quy định đối với công nhân làm việc trực tiếp với nguyên liệu bắt buộc phải thực hiện như sau:

1) Phải mặc quần áo, kính, khẩu trang, ... bảo hộ đã được Công ty cung cấp.

2) Nếu làm đổ nguyên liệu hoặc xảy ra tại nạn, báo cho quản lý ngay lập tức.

3) Rửa sạch da khi tiếp xúc với nguyên liệu.

4) Nếu nguyên liệu rơi vào mắt, phải đi rửa mắt ngay lập tức.

5) Bỏ chất thải vào đúng nơi qui định như được hướng dẫn.

Thực hiện đúng các nội quy, quy định về làm việc trong khu vực lưu chứa nguyên liệu.

Mua nguyên liệu của các doanh nghiệp đủ năng lực và nguyên liệu phải đảm bảo đạt tiêu chuẩn, có hướng dẫn cụ thể về sử dụng và bảo quản.

Khi vận chuyển và bóc xếp các chất nguy hiểm phải thực hiện theo các quy trình nghiêm ngặt. Khi vận chuyển phải ủy thác cho đơn vị có tư cách để vận chuyển; người và xe vận chuyển phải tuân thủ các quy định có liên quan.

* Biện pháp ứng cứu khi có sự cố tràn đổ, rò rỉ hóa chất:

- Khi có sự cố xảy ra để tránh gây độc cần mặc đồ bảo hộ chống cháy, mặt nạ phòng độc, găng tay khi tiếp xúc với hóa chất rò rỉ.

- Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức độ nhỏ: lau sạch, sử dụng chất thẩm thấu như vải mềm sau đó bỏ thải vào thùng chứa CTNH theo đúng quy định.

Khi tràn đổ, rò rỉ ở diện rộng: tránh tiếp xúc với tia lửa, lau sạch bằng vải mềm hoặc có thể dùng cát, đất để ngăn chặn chất lỏng lan rộng. Để các thùng chứa hóa chất rò rỉ vào nơi khô thoáng, xa các nguồn gây cháy, lau sạch... Di tản ngay những người xung quanh, nếu thùng chứa hóa chất có dấu hiệu cháy, nổ.

- Các phương án xử lý sự cố rò rỉ, tràn hóa chất:

+ Tìm cách thông gió khu vực rò rỉ, tràn đổ

+ Ngăn cấm người không có nhiệm vụ và không có phương tiện bảo hộ đi vào khu vực ô nhiễm

+ Không sử dụng nước để dội và thải vào hóa chất vào hệ thống cống thoát.

*** Biện pháp sơ cứu y tế khi xảy ra sự cố:**

- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): rửa mắt ngay bằng nước sạch với lượng nước nhiều và liên tục trong vòng 15 phút, chớp mắt liên tục trong khi rửa với nước.

- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: rửa ngay vùng da bị tổn thương với nước sạch và xà phòng, cởi bỏ ngay quần áo đã bị dính hóa chất, đưa bệnh nhân đến nơi khô thoáng.

- Trường hợp tiếp xúc theo đường hô hấp (hít phải hóa chất): di chuyển nạn nhân ngay ra nơi khô thoáng, thoáng khí, gọi trung tâm chống độc hoặc cơ sở y tế gần nhất.

- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nhầm hóa chất): tránh nôn ói, nếu bị ói, phải cúi đầu qua hông để không cản đường hô hấp.

Trong thời gian tới, công ty cam kết sẽ thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất và sẽ thực hiện các công việc sau:

- Thực hiện công tác đào tạo về an toàn hóa chất cho người lao động.

- Xây dựng biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất.

- Thực hiện báo cáo về tình hình sử dụng hóa chất về sở công thương theo quy định.

2.5.11. Biện pháp với sự cố của hệ thống xử lý chất thải

+ Sự cố của hệ thống xử lý nước thải

* *Biện pháp phòng ngừa*

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành).

- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo

thay thế và bảo dưỡng các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Đảm bảo quy trình vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

* *Biện pháp ứng phó*

- Phải dừng hoạt động trạm xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của trạm và phải dừng hoạt động của trạm khắc phục sự cố trong vòng 1 ngày, thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đi xử lý.

- Nước thải qua trạm xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể xả thải, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra và điều chỉnh lại định mức hóa chất tại bể trung hòa và hiệu quả lắng của bể lắng.

Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.

- Quy trình vận hành đối với trạm xử lý nước thải:

Sau khi tiến hành các bước kiểm tra và chuẩn bị hóa chất, ta tiến hành cho hệ thống đi vào hoạt động theo các quy trình sau:

Bước 1: Mở cửa tủ điều khiển (TĐK) trung tâm, kéo các công tắc trên các CB con để chuyển tất cả CB con sang vị trí ON (nếu trước đó chưa bật). Điều này cho phép điện đã sẵn sàng ở các tiếp điện vào của tất cả các khởi động từ.

Bước 2: Đóng cửa tủ điều khiển

Bước 3: Sau khi đã chuẩn bị xong TĐK, chuyển sang bước 4 bắt đầu tiến hành cho hệ thống đi vào hoạt động. Trường hợp có sự cố, dừng và kiểm tra, tìm nguyên nhân và khắc phục, sau khi giải quyết xong thì chuyển sang bước 4.

Vận hành ở chế độ tự động

Bước 4: Bật công tắc của các thiết bị tại vị trí "AUTO". Lúc này các thiết bị sẽ được điều khiển hệ thống SCADA, các thiết bị sẽ hoạt động theo chương trình cài đặt như đã nêu tại bảng trên.

Vận hành ở chế độ không tự động

Chế độ vận hành không tự động chỉ sử dụng trong trường hợp thử máy. Khi đó chỉ cần bật máy sáng chế độ MAN. Lưu ý trong khi vận hành các máy bơm ở chế độ không tự động, cần theo dõi mực nước, không để bị cạn, có thể cháy bơm.

- **Sự cố kho chứa chất thải nguy hại:**

- Trường hợp có sự cố xảy ra, cần sử dụng các biện pháp như dùng cát khô, bột, các dụng cụ bao gói phù hợp để ngăn cản sự phát tán của chất thải ở khu vực đó rồi thông báo ngay cho cơ quan chức năng xử lý.

- Định kỳ 3 tháng/lần kiểm tra kho chứa chất thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- **Biện pháp giảm thiểu tác động do các dự cố khác**

- Kiểm tra thường xuyên quá trình hoạt động của hệ thống xử lý bụi, khí thải, hệ thống xử ký nước thải. Trường hợp hệ thống bị hỏng hóc cần kịp thời sửa chữa tránh thải ra môi trường làm ô nhiễm môi trường.

- Giám sát hoạt động của hệ thống nước thải, khí thải khí làm việc theo định kỳ.

2.6. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi (nếu có): Nước thải của dự án xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đình Trám, do đó Dự án không xả nước thải vào công trình thủy lợi.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

Bảng 4.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

STT	Tên công trình	Đơn vị	Diện tích
1	Kho chứa chất thải nguy hại	m^2	9
2	Kho chứa chất thải sản xuất	m^2	25
3	Kho chứa chất thải sinh hoạt	m^2	9
4	Hệ thống xử lý nước thải	Hệ thống	01
5	Hệ thống PCCC	Hệ thống	01

3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường

Bảng 4.4. Kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Tiến độ thực hiện
1	Kho chứa chất thải nguy hại	m^2	9	Đã được bố trí
2	Kho chứa chất thải sản xuất	m^2	25	
3	Kho chứa chất thải sinh hoạt	m^2	9	
4	Hệ thống xử lý nước thải	Hệ thống	01	
5	Hệ thống PCCC	Hệ thống	01	

3.3. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Kinh phí đầu tư xây dựng các công trình xử lý môi trường và kinh phí vận hành hàng năm trong giai đoạn hoạt động ổn định của dự án được liệt kê như sau:

Bảng 4.5. Phương án tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp BVMT

TT	Tên công trình	Số lượng	Thông số kĩ thuật	Kinh phí thực hiện (Triệu đồng)
1	***Đối với công trình xử lý khí thải***			
-	Hệ thống xử lý nước thải	01		300
2	**Công trình xử lý chất thải**			
-	Kho chứa chất thải nguy hại	m^2	9	10
-	Kho chứa chất thải sản xuất	m^2	25	10
-	Kho chứa chất thải sinh hoạt	m^2	9	10
-	Trang bị các thùng chứa chất thải các loại		Thùng nhựa có nắp đậy, dung tích: 50 lít, 120 lít.	15
Tổng chi phí				**345**

Mức kính phí trên là kinh phí dự kiến có thể thay đổi phụ thuộc vào điều kiện thực tế khi xây dựng.

3.4. Tổ chức, bộ máy quản lý vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Chủ đầu tư sẽ bố trí 01 cán bộ phụ trách về môi trường, vận hành hệ thống xử lý nước thải và quản lý chất thải các loại.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Mục tiêu của báo cáo là xác định các ảnh hưởng tiềm tàng về môi trường, xã hội và sức khỏe bởi sự hoạt động của dự án gây ra, nhằm đưa ra những quyết định khoa học và hợp lý để có biện pháp giảm thiểu các tác động bất lợi tới môi trường. Các đánh giá đối với tác động môi trường của dự án, được nhận xét như sau:

- Đánh giá ô nhiễm môi trường không khí: Bụi, khí thải, tiếng ồn từ các thiết bị thi công công trình làm ô nhiễm môi trường không khí, ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân, dân cư xung quanh dự án. Các đánh giá này có độ tin cậy cao vì các thông số về tải lượng chất ô nhiễm, hệ số, nồng độ của chất ô nhiễm được xác định từ nguồn WHO và được đối chiếu với các QCVN đang còn hiệu lực.

- Đánh giá ô nhiễm môi trường nước: nước thải sinh hoạt của công nhân chứa các chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ, vi sinh vật,...làm ô nhiễm môi trường nước; hoạt động thi công xây dựng làm tăng độ đục của nước; dầu mỡ từ các máy móc thiết bị thi công làm ô nhiễm môi trường nước gây độc hại cho hệ sinh vật đáy, thức ăn của cá,... Các đánh giá này có độ tin cậy cao vì các thông số về tải lượng chất ô nhiễm, hệ số ô nhiễm được xác định từ nguồn WHO, và các tài liệu có liên quan khác và được đối chiếu với các QCVN đang còn hiệu lực.

- Đánh giá ô nhiễm môi trường từ chất thải rắn của hoạt động thi công: rác sinh hoạt của công nhân và các giẻ lau dầu mỡ nếu không được thu gom và xử lý hợp lý cũng gây ô nhiễm môi trường. Các đánh giá này có độ tin cậy tương đối vì các thông số về lượng rác thải/người được lấy từ tài liệu của WHO và căn cứ vào hiện trạng thực tế của dự án.

- Đánh giá tác động đến môi trường thủy sinh: làm phá vỡ sự cân bằng tự nhiên của hệ thủy sinh và ảnh hưởng đến đời sống của các loài thủy sinh. Các số liệu về môi trường thủy sinh được thu thập, kế thừa từ các tài liệu nghiên cứu trước đó, không tiến hành khảo sát, đo đạc thực tế nên đánh giá này chỉ có độ tin cậy trung bình.

- Đánh giá đến hoạt động giao thông khu vực: Trong quá trình thi công xây dựng dự án sẽ làm gia tăng mật độ xe trong khu vực. Điều này rất dễ gây ra tai nạn giao thông nếu người tham gia giao thông không có ý thức tốt. Ngoài ra, nó còn làm hư hại các tuyến đường vận chuyển.

Các đánh giá sử dụng trong báo cáo tương đối chi tiết, có độ tin cậy cao vì báo cáo sử dụng các phương pháp đánh giá tác động môi trường đã sử dụng phổ biến trong và ngoài nước. Tất cả các nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo trên đều được tham chiếu

từ các tư liệu chính thống đã và đang được áp dụng tại Việt Nam. Các sách giáo khoa, giáo trình đang được sử dụng làm tài liệu giảng dạy và tham khảo tại các trường Đại học như Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Xây dựng, Đại học Kiến trúc, Đại học khoa học tự nhiên... Các tài liệu, dữ liệu thống kê về tình hình kinh tế - xã hội khu vực dự án được các nhà khoa học, cơ quan chính quyền theo dõi, tính toán, đo đạc rất cụ thể nên kết quả cũng đáng tin cậy.

Tuy nhiên báo cáo còn có những phương pháp chứa nhiều yếu tố chủ quan, cảm tính của người đánh giá và tiêu chí đánh giá không đủ chính xác như thống kê các số liệu khu vực dự án, sử dụng hệ số ô nhiễm của WHO để ước tính tải lượng các chất ô nhiễm từ hoạt động của dự án.

Chương V
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

1.1. Đối với nước thải sinh hoạt:

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên làm việc tại dự án.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

1.2.1. Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 8m^3/ngày đêm của Dự án được xả vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp.

1.2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Trạm xử lý nước thải tập trung của Khu CN Đình Trám do Công ty PTHT KCN tỉnh Bắc Giang quản lý, xử lý.

1.2.3. Vị trí xả nước thải

- Tại hố ga đấu nối nước thải với hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Đình Trám (vị trí nằm trước mặt nhà máy, phía bên tay phải từ cổng vào).

- Tọa độ vị trí xả nước thải: **X = 2352207; Y = 408813** (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3^0).

1.2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 8m^3/ngày đêm tương đương 0,33 m^3/giờ (tính theo 24 giờ).

*** Phương thức xả nước thải:** Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải của Dự án được xả theo phương thức bơm tự động cưỡng bức, sau đó tự chảy vào hố ga đấu nối với hệ thống thu gom nước thải Khu công nghiệp Đình Trám.

*** Chế độ xả nước:** xả gián đoạn theo chế độ hoạt động bơm tự động.

*** Chất lượng nước thải:** Chất lượng nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Đình Trám phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B)
1	pH	-	5,5-9
2	BOD_5	mg/l	50
3	COD	mg/l	150

4	Sunfua	mg/l	0,5
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10
7	Tổng Nitơ	mg/l	40
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	6
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
10	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5000

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: không đề nghị cấp phép

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn 1: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động của thiết bị máy đột dập

+ Nguồn 2: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động của máy ép.

- Vị trí: Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107^0, múi chiếu 3^0.

+ Nguồn 1: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động của thiết bị máy đột dập. Tọa độ: X: 2352311 Y: 408879.

+ Nguồn 2: Tiếng ồn độ rung từ hoạt động của máy ép. Tọa độ: X: 2352345 Y: 408887

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: theo QCVN 24/2016/BYT.

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	85	-	Khu vực thông thường

- Giá trị giới hạn đối với độ rung: theo QCVN 27:2016/BYT.

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	1,4m/s^2 (103dB)	1,4m/s^2 (103dB)	-	Khu vực thông thường

+ QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

- Giá trị giới hạn đối với độ rung: theo QCVN 27:2016/BYT.

4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có): Không thuộc đối tượng.

5. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

5.1. Quản lý chất thải

5.1.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

a/ Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Mã CTNH	Công đoạn phát sinh
1	Bóng đèn huỳnh quang vỡ, hỏng	Rắn	02	16 01 06	Từ hoạt động chiếu sáng văn phòng, nhà xưởng
2	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	20	18 02 01	Từ quá trình thao tác sản xuất, bảo dưỡng máy móc thiết bị
3	Vỏ thùng, can đựng dầu	Rắn	10	18 01 02	Từ quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị
4	Dầu mỡ thải (Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải)	Lỏng	30	17 02 03	
5	Hộp chứa mực in	Rắn	01	08 02 04	Từ hoạt động văn phòng
6	Mực in thải	Lỏng	1	08 02 01	
	Tổng cộng		**64**		

b/ Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng	Công đoạn phát sinh
1	Bao bì carton, nilon hỏng,…	Kg/tháng	50	Từ công đoạn tháo dỡ nguyên vật liệu và đóng gói sản phẩm
2	Kim loại dư thừa,	Kg/tháng	167	Từ công đoạn dập ép các

	nhôm, inox, thép,... chiếm khoảng 2 % nguyên liệu đầu vào			sản phẩm kim loại
3	Sản phẩm từ nhựa (như vỏ ốp, vỏ USB, nút bấm, nút volume, nút nguồn, vỏ thiết bị camera) lỗi hỏng chiếm 2% nguyên liệu đầu vào	Kg/tháng	100	Từ công đoạn kiểm tra sản phẩm từ nhựa
4	Sản phẩm đồ gốm sứ (như cầu trì, điện trở) lỗi hỏng chiếm 2% nguyên liệu đầu vào	Kg/tháng	50	Từ công đoạn kiểm tra sản phẩm từ gốm sứ
5	Gang tay chun bỏ, tray hỏng, lỗi	Kg/tháng	20	Kiểm tra, đóng gói
	Tổng	Kg/tháng	**387**	

c/ Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 40kg/ngày, chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh... Giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng.

5.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

a/ Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

*** Thiết bị lưu chứa:**

- Bố trí 6 thùng đựng chất thải nguy hại bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích: 50lit/thùng.

*** Kho lưu chứa chất thải:**

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 9m^2, được bố trí bên ngoài nhà xưởng.
- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: mái và tường tôn bao quanh, nền bê tông xi măng chống thấm, có cửa ra vào, dán biển báo.

Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải mang đi xử lý theo quy định, định kỳ 1 năm/lần.

b/ Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

*** Thiết bị lưu chứa:**

- Bố trí các thùng chứa chất thải sản xuất tại các vị trí như sau:

+ Trong nhà xưởng bố trí 15 thùng nhựa có nắp đậy dung tích: 120lít/thùng đặt tại khu vực nhà xưởng sản xuất.

+ Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 2 tháng/lần.

*** Kho lưu chứa chất thải:** kho chứa rác thải công nghiệp được bố trí bên ngoài nhà xưởng, diện tích 25m^2. Kho được làm bằng tôn lợp mái và cửa khép kín được bố trí cuối nhà xưởng cạnh kho chất thải nguy hại.

c/ Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

* Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án bố trí các thùng chứa rác thải để thu gom, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

Chủ dự án bố trí các thùng chứa rác thải để thu gom, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

Công ty bố trí 20 thùng nhựa chứa rác 100 lít có nắp đậy ở khu vực văn phòng, khu vực sản xuất, nhà ăn,.... Sau đó thu gom về kho chứa thuê đơn vị vệ sinh đến thu gom, vận chuyển để xử lý.

Công ty hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 03 ngày/lần.

*** Kho chứa chất thải:**

Chất thải sinh hoạt được thu gom vào thùng chứa rác sau đó được vận chuyển, thu gom vào kho chứa chất thải sinh hoạt với diện tích 9m^2 để đơn vị có chức năng được chủ dự án ký hợp đồng đến thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

5.2. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống máy móc, thiết bị. Trường hợp hệ thống bị hỏng hóc cần kịp thời sửa chữa tránh thải ra môi trường làm ô nhiễm môi trường.

6. Thời gian xin cấp phép môi trường: 10 năm **(Căn cứ điểm c, khoản 4 điều 40 Luật bảo vệ môi trường năm 2020).**

Chương VI
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Bảng 6.1. Danh mục kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

TT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian hoàn thành xây dựng	Thời gian VHTN
1	Hệ thống xử lý nước thải	Đã có sẵn	Vận hành thử nghiệm trong tháng 05/2023

Tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm, công suất đạt được của dự án: khoảng 50%.

Chủ dự án cam kết trong quá trình vận hành thử nghiệm sẽ mời cơ quan cấp phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để được theo dõi, giám sát theo quy định.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải.

**** Giám sát đối với công trình xử lý nước thải: Lấy mẫu đơn***

Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc khí thải giai đoạn vận hành ổn định

TT	Kế hoạch lấy mẫu	Số lượng mẫu	Chỉ tiêu lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	Lấy mẫu nước thải (nước thải đầu vào và nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải) trong 3 ngày liên tiếp.	01 mẫu đơn nước thải đầu vào	pH, BOD_5, COD, chất rắn lơ lửng, sunfua, Amoni, tổng dầu mỡ khoáng, tổng Photpho, tổng nitơ, Coliforms.	Thực hiện lấy 01 lần	Ngày 03/05/2023
		01 mẫu đơn nước thải đầu ra		Tần suất quan trắc nước thải là 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp	Lần 1: Ngày 03/05/2023
					Lần 2: Ngày 04/05/2023
					Lần 3: Ngày 05/05/2023

*** Đơn vị quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:**

- Công ty TNHH Công nghệ môi trường Đất Việt.

Địa chỉ: số 86 đường Đỗ Văn Quýnh, phường Xương Giang, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Quyết định chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường, chứng nhận Vimcert 206.

- Công ty TNHH tư vấn kỹ thuật, thiết bị công nghệ môi trường Nguyễn Gia.

Địa chỉ: số 46, TT2 Khu đô thị Văn Phú, phường Phú La, Q.Hà Đông, TP Hà Nội.

Quyết định chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường, chứng nhận Vimcert 251.

2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật:

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

- Đối với khí thải: không thuộc đối tượng.
- Đối với nước thải sinh hoạt: dự án có lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất: 8 m^3/ngày.đêm. Do đó, theo Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

2.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án: Không có.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm: Không có.

Chương VI
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

+ Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

+ Cam kết thực hiện nghiêm Luật Bảo vệ Môi trường được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực thi hành ngày 01/1/2022.

+ Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan, cụ thể:

- Đối với khí thải: Đảm bảo nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đấu nối với KCN.

- Đối với chất thải rắn trong quá trình sản xuất và chất thải sinh hoạt: Được thu gom, phân loại và hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đến nơi xử lý để đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường.

- Đối với chất thải nguy hại: Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Chất thải được thu gom, lưu kho chứa chất thải sau và ký hợp đồng thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý đúng quy định.

Đảm bảo trang bị đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân. Thực hiện các biện pháp hạn chế đến mức tối đa các rủi ro và sự cố môi trường như phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm.

Chủ dự án cam kết triển khai các biện pháp kỹ thuật có hiệu quả cùng với các giải pháp hỗ trợ khác như đã đề xuất trong báo cáo nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật nhà nước, bảo vệ môi trường, đảm bảo sự phát triển bền vững cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho sự thành công của dự án.

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BẮC GIANG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 2400952663

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 01 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HUAYAN TECHNOLOGY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUAYAN TECHNOLOGY VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HUAYAN TECHNOLOGY VIETNAM CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô E6, KCN Đình Trám, Thị Trấn Nếnh, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: *0377340256* Fax:

Email: *tja000@hypim.com* Website:

3. Vốn điều lệ 39.200.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba mươi chín tỷ hai trăm triệu đồng

(Tương đương 1.600.000 USD)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: HUAYAN INTERNATIONAL (HONG KONG)CO., LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: *3181027*

Ngày cấp: *12/08/2022* Nơi cấp: *Hồng Kông, Trung Quốc*

Địa chỉ trụ sở chính: *Shop 185G/F, Hang Wai Ind Centre, No.6, Kin Tai St, Tuen Mun, Nt, Hong Kong, Trung Quốc*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: AHN TAE JOON Giới tính: *Nam*

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: *05/01/1968* Dân tộc: Quốc tịch: *Hàn Quốc*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *M96490477*

Ngày cấp: *15/04/2021* Nơi cấp: *Bộ Ngoại giao Hàn Quốc*

Địa chỉ thường trú: *Poolim apt 812/1504, Wondangdae-ro 820-40gil, Seo-gu, Incheon, Hàn Quốc*

Địa chỉ liên lạc: *Căn hộ số 804. Tòa CT2 , Chung cư Thanh Bình , Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

NGUYỄN VŨ ĐIỂN

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực...Quyển số...SCT/BS

Ngày 09-02-2023

Người thực hiện chứng thực

PHÓ CHỦ TỊCH

THÂN MẠNH ĐĂNG

UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 9811104381

Chứng nhận đăng ký lần đầu: Ngày 30 tháng 12 năm 2022

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Quản lý các khu công nghiệp (KCN) tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Văn bản số 6563/UBND-KTN ngày 29/12/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang về việc chấp thuận chủ trương đối với dự án đầu tư "Nhà máy Huayan Technology Việt Nam" của nhà đầu tư Huayan international (HongKong) co., Ltd;

Căn cứ văn bản và hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (CNĐKĐT) của nhà đầu tư Huayan international (HongKong) co., Ltd nộp ngày 20/12/2022;

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG
CHỨNG NHẬN

Điều 1. Nhà đầu tư

1. Tên nhà đầu tư: HUAYAN INTERNATIONAL (HONG KONG) CO., LTD

Giấy chứng nhận ĐKDN mã số: 3181027; Ngày cấp: 12/08/2022

Cơ quan cấp: Hongkong, Trung Quốc

Địa chỉ trụ sở chính: Shop 185G/F, Hang Wai, Ind Centre, No.6, Kin Tai ST, Tuen Mun, Nt, Hong Kong.

Tel: 30697751; Email: raymondxu@hypim.com

2. Người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư

Họ và tên: XU, XUHUI; Ngày sinh: 10/12/1973; Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Trung Quốc; Hộ chiếu số: E98755152; Ngày cấp: 28/03/2017;

Nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an Trung Quốc.

Địa chỉ thường trú/ chỗ ở hiện tại: Số 2402, khu A, tòa nhà 06, công viên Hải Dương, núi Kangdal (giai đoạn II) , phố Xixiang, quận Bảo An, Thâm Quyến, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Điều 2. Nội dung dự án đầu tư

Nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY HUAYAN TECHNOLOGY VIỆT NAM

2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô E6, (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Tedomi Việt Nam), KCN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Diện tích nhà xưởng thuê: 2.297 m^2

4. Mục tiêu dự án

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC
1	Sản xuất khung của thiết bị đồng hồ thông minh, khung đỡ cemare, khung đỡ cố định bản mạch, khung sườn, khay sim, phụ kiện lấy sim, khuôn jic dùng cho điện thoại di động và các thiết bị điện tử khác.	2599
2	Gia công cơ khí, xử lý tráng phủ kim khung của thiết bị đồng hồ thông minh, khung đỡ cemare, khung đỡ cố định bản mạch, khung sườn, khay sim, phụ kiện lấy sim, khuôn jic dùng cho điện thoại di động và các thiết bị điện tử khác.	2592
3	Sản xuất các sản phẩm khác từ nhựa, chi tiết: sản xuất, gia công ốp vỏ, vỏ USB, nút bấm, nút volume, nút nguồn, vỏ thiết bị camera dùng cho điện thoại di động và các thiết bị điện tử khác.	2220
4	Gia công, lắp ráp linh phụ kiện bằng gốm sứ của thiết bị đồng hồ thông minh và điện thoại di động.	2393

Dự án đăng ký xuất khẩu 100% sản phẩm và được áp dụng các quy định đối với doanh nghiệp chế xuất

5. Quy mô của dự án

- Các sản phẩm kim loại: 10.000.000 sản phẩm/năm;
- Các sản phẩm từ nhựa: 5.000.000 sản phẩm/năm;
- Các sản phẩm đồ gốm sứ: 4.000.0000 sản phẩm/năm.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 39.200.000.000 VNĐ (ba mươi chín tỷ hai trăm triệu đồng Việt Nam) tương đương 1.600.000 USD (một triệu sáu trăm nghìn đô la Mỹ).

6.1. Phương thức, giá trị và tỷ lệ góp vốn đầu tư

Vốn góp chủ sở hữu: Nhà đầu tư góp bằng tiền mặt 39.200.000.000 VNĐ tương đương 1.600.000 USD, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư của dự án.

6.2. Tiến độ góp vốn đầu tư:

Vốn góp chủ sở hữu: 03 tháng kể từ ngày cấp Giấy CNĐKĐT.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 10 năm kể từ ngày cấp Giấy CNĐKĐT

8. Tiến độ thực hiện dự án: 05 tháng kể từ ngày cấp Giấy CNĐKĐT, cụ thể:

- Từ tháng thứ 1 đến tháng thứ 2: Hoàn thành các thủ tục đầu tư, môi trường, phòng cháy và các thủ tục hành chính khác; tiến hành cải tạo nhà xưởng,
- Từ tháng thứ 3 đến tháng thứ 4: Mua sắm máy móc, lắp đặt máy móc thiết bị; tuyển dụng lao động
- Tháng thứ 5: Dự án đi vào hoạt động chính thức.

Điều 3. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án đầu tư được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy CNĐKĐT lần đầu.

Điều 4. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Phải thực hiện thủ tục về môi trường theo quy định trước khi triển khai dự án đầu tư; chấp hành nghiêm các quy định và biện pháp liên quan đến bảo vệ môi trường, môi sinh và phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Chấp hành nghiêm các quy định đối với doanh nghiệp chế xuất; tuân thủ pháp luật Việt Nam và các nội dung của Giấy CNĐKĐT trong quá trình hoạt động; đăng ký cấp tài khoản của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định.

3. Thực hiện đúng cam kết và quy định về công nghệ và máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất theo mục tiêu đăng ký của dự án.

4. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định; chịu trách nhiệm về việc góp vốn, vay và huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai dự án đầu tư.

5. Thực hiện chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các KCN và Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

Điều 5. Giấy CNĐKĐT này có hiệu lực kể từ ngày ký, được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang./.

TRƯỞNG BAN

Đào Xuân Cường

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 4722 Quyển số: 02/2023
Ngày: 09-02-2023
Người thực hiện chứng thực

PHÓ CHỦ TỊCH
THÂN MẠNH DŨNG

CÔNG TY TNHH TEDOMI VIỆT NAM

Số 29082022/HDNT

编号 29082022/HDNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

越南社会主义共和国

独立-自由-幸福

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
原则合同

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự năm 2015

- 根据 2015 年民法部。

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH TEDOMI VN

-根据 TEDOMI VN(责任有限)公司的营业执照

- Căn cứ Giấy phép đầu tư số: 2522223335 ngày 20/01/2016

-根据 2016 年 01 月 20 日。2522223335 号投资证

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

- 根据双方的需求和能力

Hôm nay, ngày 28 tháng 09 năm 2022, chúng tôi gồm:
今日，2022 年 09 月 28 日，我们包括以下各方:

BÊN CHO THUÊ (Bên A): CÔNG TY TNHH TEDOMI VIỆT NAM
厂房出租方（甲方）：TEDOMI VIET NAM COMPANY LIMITED
Người đại diện: Ông Phan Quốc Huy Chức vụ: **Giám đốc**
代表人： **Phan Quoc Huy** 职务：副经理
Địa chỉ: Lô E6, KCN Đình Trám, thị trấn Nếnh, Huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
地址：越安县，Nenh 镇，停占工业区，E6 地块
MST: 2400789791
税号：2400789791
Điện thoại: 0982141203 - Email: tedomi.vn@gmail.com
电话：0982141203 - 邮件：tedomi.vn@gmail.com
Số tài khoản VND: 078 11000 98999 tại ngân hàng MB - Nam Thăng Long- Hà Nội
越盾银行账号: 0781100098999 在 MB 银行 – 河内南升龙分行

BÊN THUÊ (Bên B): CÔNG TY TNHH HUA YAN TECHNOLOGY VIỆT NAM
厂房承租方（乙方）:华研科技越南有限公司
Địa chỉ/地址: Lô E6, KCN Đình Trám, TT Nếnh , Huyện Việt Yên , Tỉnh Bắc Giang , Việt Nam
Mã số công ty: 2400952663
公司代码: **2400952663**
Người đại diện: Ông AHN TAE JOON Chức vụ: Tổng Giám Đốc
代表人： 安泰俊 职务：总经理
Số Hộ chiếu: M96490477 cấp ngày: 15/04/2021 nơi cấp: Hàn Quốc。

护照号码: M96490477，签发日期:2021 年 04 月 15 日，签发地：韩国
Điện thoại/电话:

ĐIỀU 1: TÀI SẢN THUÊ & MỤC ĐÍCH THUÊ
第一条：出租财产&承租目的

1.1. Tài sản thuê: Bên A cho bên B thuê nhà xưởng và văn phòng tại địa chỉ: Lô E6, KCN Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số : CI088678 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 31/08/2017

1.1.出租财产： 甲方出租给乙方的房屋位于北江省越安县 Nenh 镇停占工业区，E6 地块地址的厂房和办公楼。厂房土地证编号：CI088678，于 2017 年 08 月 31 日由北江省财源和环保局颁发。
Diện tích cho thuê: 2297 m^2
面积给租：2297 平方米

1.2 . Mục đính thuê: Bên B sẽ sử dụng nhà xưởng và văn phòng thuê này làm trụ sở chính triển khai các hoạt động kinh doanh của dự án theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phê chuẩn.
1.2 .承租目的： 乙方将根据越南政府批准的投资登记证的规定，以该租赁的厂房和办公室为公司开展项目的经营活动。

ĐIỀU 2: THỜI HẠN THUÊ
第二条：租赁时间

- Thời hạn thuê là 03 năm + 2 tháng (kể từ ngày 06/11/2022 đến ngày 06/01/2026), trong đó thời gian từ 06/11/2022 đến 06/01/2023 (tổng cộng 2 tháng) là thời gian Bên A cho Bên B sửa chữa lại xưởng sẽ không tính tiền thuê xưởng, thời gian tính tiền thuê xưởng bắt đầu từ ngày 07/01/2023.

-租赁时间是 03 年+2 个月（从 2022 年 11 月 06 日到 2026 年 01 月 06 号），其中 2022 年 11 月 6 日 2023 年 1 月 06 日（共计 2 个月）为甲方免费提供给乙方装修厂房的时间，不计算房租，计算房租时间自 2023 年 1 月 7 日起。

(Bên A sẽ bàn giao nhà xưởng và văn phòng cho Bên B ngày 06/11/2022)
（甲方于 2022 年 11 日 06 日给乙方交接厂房和办公室）

- Sau khi hợp đồng hết hạn, tùy theo tình hình thực tế hai bên có thể gia hạn. Việc gia hạn Hợp đồng phải được hai bên đàm phán, thoả thuận trước khi Hợp đồng hết hạn ít nhất 03 tháng.

-合同到期后，按照双方实际情况可以续约。续约事件要最少提前三个月经过双方谈判和讨论。

- Nếu bên B kết thúc hợp đồng thuê trước thời hạn nêu trên thì bị coi là đơn phương hủy hợp đồng, trừ khi có thỏa thuận khác.

若乙方在本合同内时间提前解约，就被认为单方解约，除非有其他谈判。

Điều 3: GIÁ THUÊ
第三条：租金
-Giá thuê trong một tháng là: 8,487 USD/ tháng
一个月租金总额：8,487 USD/ 月
(Bằng chữ: Tám nghìn, bốn trăm tám mươi bảy đô la Mỹ trên tháng)
（大写：捌仟肆佰捌拾柒美圆整）
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT
-以上单价未含 VAT 税
- Đơn giá trên là đơn giá của 2 năm đầu (07/01/2023 – 06/01/2025)
-以上价格是前 2 年（2023 年 1 月 7 日 - 2025 年 1 月 6 日）单价
- Từ năm thứ 3, hai bên căn cứ theo giá thuê của thị trường để điều chỉnh giá, nhưng điều chỉnh không vượt quá 10% so với giá thuê của 2 năm trước
-从第 3 年开始，双方可根据市场行情对租金单价进行协商调整，但调整幅度不超过前 2 年租金价格的 10%
- Ngoài ra bên B phải trả các khoản phí phát sinh trong quá trình sử dụng: Điện, nước sạch Bên B tự thanh toán với cơ quan đối tác ; nước thải, ... Bên B tự thanh toán với cơ quan chức năng; phí thuê và sử dụng hạ tầng tổng diện tích 3664 m2 (0.9$/m2/năm) Bên B thanh toán trực tiếp cho Bên A theo đơn giá quy định của cơ quan chức năng。
-另外，乙方必须支付使用过程中产生的费用：电费和水费 乙方必须向合作机构支付；废水，...乙方向当局支付；总面积为 3664 平方米（0.9 美元/平方米/年）的基础设施租赁和使用费乙方按当局规定的单价直接向甲方支付。

Điều 4: ĐẶT CỌC VÀ THANH TOÁN
第四条：押金和付款
4.1. Đặt cọc:
4.1. 押金
- Bên B đặt cọc cho Bên A số tiền là: 400,000,000VND (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng chẵn) chậm nhất vào ngày 30/10/2022. Sau thời gian trên mà bên A không nhận được tiền đặt cọc thì hợp đồng coi như không còn giá trị.
—乙方向甲方支付 400,000,000VND 作为押金。最晚于 2022 年 10 月 30 日支付。超过以上时间甲方未收到押金、则本合同无效。
- Số tiền đặt cọc sẽ được bên A hoàn trả lại cho bên B sau khi hai bên chấm dứt hợp đồng thuê nhà xưởng, văn phòng với điều kiện nhà xưởng và kiến trúc nhà xưởng khi bàn giao vẫn giữ nguyên hiện trạng (không tính hao mòn tự nhiên).
—押金金额在厂房和厂房建筑交接的时候保持现状（不算自然损耗）的情况下，甲方会在双方合同到期时向乙方付还押金。
- Nếu Bên A đơn phương hủy bỏ hợp đồng và không ký kết hợp đồng thuê nhà xưởng, văn phòng mà không phải do lỗi của Bên B, Bên A phải trả lại tiền đặt cọc cho Bên B, đồng thời Bên A phải bồi thường cho bên B một khoản tiền tương đương với 1 tháng tiền thuê nhà xưởng, văn phòng và tổng chi phí mà bên B đã đầu tư vào.

- 如果甲方单方面取消本合同并且未签订正式工厂租赁合同但不是因为乙方的过错，甲方必须将押金退回乙方，甲方必须赔偿乙方的金额相当于 1 个月的厂房租金和乙方投入的总成本。
- Nếu Bên B đơn phương hủy bỏ hợp đồng và không ký kết hợp đồng thuê nhà xưởng, văn phòng mà không phải do lỗi của Bên A, Bên B sẽ không được nhận lại số tiền đã đặt cọc và số tiền bên B đã thanh toán mà chưa được sử dụng đến.
- 如果乙方单方面取消本合同且未签订工厂租赁合同但不是甲方的过错，甲方将不退还乙方已支付的押金和尚未使用的租金。

4.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc tiền mặt.
4.2.付款方式：转账或现金
- Tiền đặt cọc được thanh toán bằng tiền mặt
- 押金以现金方式支付
- Tiền thuê nhà xưởng được thanh toán bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá USD bán ra của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm thanh toán.
－厂房租金以越南盾 VND 按付款日越南外贸股份商业银行的美金卖出汇率换算。
4.3. Kỳ thanh toán
4.3.付款期
- Kỳ thanh toán tiền thuê: 06 tháng /lần (sáu tháng một lần)
-租金付款周期，每 6 个月支付一次租金
- Kỳ đầu tiên: Bên B sẽ thanh toán cho bên A toàn bộ số tiền 06 tháng (từ 07/01/2023 đến 06/07/2023) thuê nhà xưởng vào trước ngày 12/11/2022
－第一期：2022 年 11 月 12 日之前乙方向甲方支付第一期 06 个月（2023 年 1 月 7 日-2023 年 7 月 6 日）的厂房和办公楼的租金。
- Thời hạn thanh toán tiền thuê xưởng của các kỳ sau, sẽ được thanh toán vào trước ngày 30 dương lịch của tháng cuối cùng của kỳ thanh toán trước.
－在每一租期的最后一个月的 30 号前支付下一租期 6 个月的租金。
- Nếu Bên B thanh toán trễ hạn thì Bên B phải trả lãi cho Bên A theo lãi suất cho vay của Ngân hàng Thương mại nhà nước tại thời điểm quá hạn. Tuy nhiên, thời gian trễ hạn không được quá 07 ngày làm việc. Nếu quá thời hạn 07 ngày, Bên B chưa thanh toán thì bên A có quyền đơn phương chấm rứt hợp đồng mà không phải hoàn trả số tiền đã đặt cọc cũng như không phải bồi thường cho bên B bất kỳ chi phí nào khác.
- 如果乙方付款较晚，乙方应在逾期时按照国家商业银行的利率向甲方支付利息。但是，延迟时间不得超过 07 个工作日。如果超过时限 07 天，乙方未付款，甲方有权单方面解除合同，无需退还定金，也无需赔偿乙方任何其他费用。

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

第五条。甲方的权利和义务。
5.1. Nghĩa vụ:
5.1.义务
- Đảm bảo quyền cho thuê hợp pháp và diện tích thuê không có tranh chấp gì.

一保证合法出租权并且出租面积没有任何纠纷。
- Bàn giao quyền sử dụng diện tích cho thuê bằng văn bản ngày 06/11/2022
一于 2022 年 11 月 06 日以书面形式交接出租厂房和办公楼面积。
- Có trách nhiệm làm các thủ tục khác liên quan đến việc cho thuê (Bên A có nghĩa vụ phối hợp và cung cấp tất cả các hồ sơ pháp lý của công ty có liên quan đến việc làm giấy phép kinh doanh cho bên B).
一必须有责任办理出租相关手续，（甲方有义务协助和提供乙方办理经营所需要的所有公司的法律记录）。
- Có trách nhiệm xuất hóa đơn tài chính cho Bên B.
一必须有责任向乙方提供财政发票。
- Bất cứ khi nào cần tiến hành kiểm tra và bảo dưỡng căn nhà, Bên A phải ấn định một quãng thời gian hợp lý và thông báo cho Bên B biết trước và hai bên sẽ thảo luận
一在需要维修保养厂房和办公楼的时候，甲方必须提前通知乙方并且经过双方讨论确定合适的时间。
- Bên A căn cứ theo nhu cầu hoạt động sản xuất của Bên B, đảm bảo cung cấp nguồn điện thấp nhất là 300KVA . Khi Bên B tăng nhu cầu sử dụng điện, Bên B phải thông báo trước cho Bên A, hai bên bàn bạc giải pháp mở rộng điện và các chi phí phát sinh.
- 甲方根据乙方生产活动需求，保证最低的电力供应为 300KVA。当乙方扩大电力使用量时，乙方要提前通知甲方，双方共同讨论扩充电力的解决方案及产生的费用。
- Bên A cung cấp nguồn nước sinh hoạt tại nguồn cho hoạt động sản xuất của bên B.
- 甲方为乙方的生产活动提供源头生活用水。
- Chịu trách nhiệm thanh toán tiền thuê đất hàng năm với cơ quan chức năng của nhà nước.
甲方负责向政府支付年度地租。
- Chịu trách nhiệm bảo dưỡng trạm biến áp
一负责变压器保养
- Bên A phải hoàn thiện hệ thống PCCC cho vòng ngoài xưởng.
一负责完善厂外消防系统。
- Khi hợp đồng kết thúc, Bên A có trách nhiệm hoàn lại cho Bên B số tiền Bên B đã đặt cọc theo Điều 4.1 của Hợp đồng này với điều kiện tài sản thuê còn nguyên trạng như khi bàn giao cho Bên B (trừ những hao mòn tự nhiên) và Bên B đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với Bên A, phí sử dụng hạ tầng trong KCN, phí xử lý nước thải (nếu có), và các nhà cung cấp dịch vụ mà Bên B sử dụng như Internet, điện, nước, điện thoại, vv…
- 合同终止时，甲方应按照本合同第 4.1 条的规定，返还乙方支付的押金，条件是租赁财产保持完整，如交给乙方（自然磨损除外），乙方已全面实施对甲方的财政义务，如使用工业区基础设施的费用，与功能机构（如果有的话）的废水处理费和乙方使用的服务供应商，如互联网，电力和水，电话等。
- Bên A phải đảm bảo rằng nhà xưởng cho Bên B thuê có đủ điều kiện đăng ký là doanh nghiệp EPE, trong thời gian hợp đồng thuê giữa hai bên có hiệu lực, nếu do nguyên nhân vướng mắc các điều kiện của nhà xưởng dẫn đến bên B không đăng ký được là doanh nghiệp EPE và mọi tổn thất do các hình phạt hải quan tiếp theo gây ra (bao gồm nhưng không giới hạn đối với phí sửa chữa, tiền phạt hải quan, v.v.) sẽ do Bên A gánh chịu.
甲方保证出租给乙方的此处厂房具备注册 EPE 企业的条件，在双方租赁合同有效期

间，如因厂房自身条件问题，导致乙方无法注册 EPE 企业和后续被海关处罚所造成的所有损失（包含但不限于厂房装修、海关罚款等）由甲方承担。

5.2. Quyền lợi:

5.2.权利

- Yêu cầu Bên B thanh toán tiền thuê tài sản theo đúng Điều 4 tại Hợp đồng này. Trường hợp Bên B thanh toán tiền thuê tài sản không đúng theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng thì Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng, thu hồi nhà xưởng và giữ lại toàn bộ tiền đặt cọc của Bên B.
- 要求乙方按照本合同第 4 条支付租金。如果乙方违反合同第四条规定支付物业租金，甲方有权终止合同，收回厂房并保留乙方的全部押金。
- Có quyền chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn mà không phải trả lại tiền đặt cọc đã nêu tại điều 4.3 cho Bên B nếu Bên B sử dụng tài sản thuê trái pháp luật hoặc không đúng với mục đích thuê đã nêu tại Điều 1.2 của Hợp đồng này.
- 如果乙方非法或不正当地使用租赁财产不符合在本合同给第 1.2 条所规定的租赁目的，甲方则有权提前终止合同而无需将第 4.3 条规定的押金退还给乙方。
- Khi Hợp đồng hết hạn hoặc chấm dứt trước thời hạn, Bên A được nhận lại nguyên trạng tài sản thuê như khi bàn giao cho Bên B (trừ những hao mòn tự nhiên). Trường hợp Bên B đã xây dựng cải tạo tài sản thuê (Bên B phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A), Bên A không phải thanh toán giá trị xây dựng cải tạo đó khi nhận lại tài sản.
- 当合同到期或提前终止时，甲方有权获得移交给乙方的原始租赁状态（自然磨损除外）。如果乙方已经建造并翻新了租赁物（乙方必须获得甲方的书面同意），甲方在收到物业时不需要支付翻新的建筑价值。
- Có quyền yêu cầu Bên B bồi thường toàn bộ thiệt hại trong trường hợp bên B có lỗi gây ra trong quá trình sử dụng tài sản thuê hoặc Bên B vi phạm pháp luật, vi phạm Hợp đồng này gây ra.
- 如果乙方在使用租赁物的过程中出现错误或乙方违反法律并违反本合同，则有权要求乙方赔偿所有损害赔偿。

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

第六条乙方的权利和义务

6.1. Nghĩa vụ:

6.1。义务：

- Bên B cam kết sử dụng tài sản thuê đúng mục đích thuê đã nêu tại Điều 1.2 của Hợp đồng này.
- 乙方承诺按照本合同第 1.2 条的规定将租赁物用于租赁用途。
- Khi cần sửa chữa, cải tạo lại tài sản thuê theo nhu cầu sử dụng riêng, Bên B phải thông báo cho Bên A và phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A thì mới được tiến hành.
- 当需要根据自身使用需要对租赁物进行维修或翻新时，乙方必须在实施操作前提前通知甲方并获得甲方的书面同意。
- Bên B cam kết thanh toán cho Bên A tiền thuê tài sản đầy đủ và đúng thời hạn như nêu tại Điều 4 của Hợp đồng này.

- 乙方承诺按照本合同第四条的规定向甲方支付全部及时租赁的财产租金。
- Bên B cam kết hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng như đăng ký trong Giấy chứng nhận đầu tư và tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam trong suốt quá trình hoạt động tại khu vực thuê. Tự chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.
- 乙方根据投资证书的登记进行生产经营活动，并在租赁区域的运营过程中遵守越南的法律。对自己的所有生产和业务活动负责。
- Bên B sử dụng điện nhưng không vượt quá công suất đăng ký (Khi có nhu cầu sử dụng vượt quá công suất đã đăng ký thì bên B phải thông báo bằng văn bản cho bên A trước 1 tháng tùy điều kiện khả năng có thể bên A sẽ cung cấp cho bên B). Nếu xảy ra sự cố cháy nổ trạm biến áp do lỗi của Bên B, Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bên A. Bên B phải chịu chi phí sử dụng điện theo nguyên tắc: nếu dùng dưới 50 triệu/ tháng thì đơn giá phải thanh toán theo quy định cộng thêm 10%. Nếu dùng từ 50 triệu/ tháng trở lên sẽ tính thêm 5%.
- 乙方使用电力但不超过注册容量（当需要使用超过注册容量时，乙方必须提前 1 个月书面通知甲方，具体取决于可能的情况。甲方将提供乙方）。如果因乙方故障发生变电站爆炸，乙方应全权负责向甲方赔偿。乙方须按原原则承担用电费用：如用电少于 5000 万/月，须按规定支付单价加上 10%。如果从 5000 万/月或更多使用将收取 5% 以上的费用
- Bên B không được tự ý cho thuê lại, sang nhượng hoặc chuyển đổi cho cá nhân, tổ chức khác một phần hay toàn bộ diện tích tài sản đã thuê.
- 乙方不得转租或转让给其他个人或组织部分或全部租赁资产。
- Bên B đảm bảo thực hiện đầy đủ các quy định về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, trật tự an ninh và vệ sinh môi trường trong và xung quanh khu vực thuê. Nếu để xảy ra hoả hoạn, sự cố về an toàn lao động, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường Bên B phải tự chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại.
- 乙方确保在租赁区内及周边全面实施防火防爆，劳动安全，秩序和安全以及环境卫生法规。如果发生火灾，乙方的劳动安全，安全和环境卫生事故应当负责赔偿损失。
- Bên B có trách nhiệm làm việc trực tiếp với cơ quan cảnh sát PCCC để có phương án và đạt thẩm duyệt PCCC. Bên B tự trang bị phương tiện, công cụ cứu hỏa bên trong khu vực nhà xưởng thuê. Nếu bên B để xảy ra hỏa hoạn,Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A.
- 乙方有责任直接与消防局对接制定消防计划并且要拿到消防证。乙方在租赁工厂区内自配备消防车和工具。若因乙方的原因导致火灾，乙方应向甲方支付赔偿金。
- Bên B phải mua bảo hiểm nhà xưởng, hàng hóa và tài sản trước khi đi vào sản xuất.Tự chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản, vật tư hàng hóa của mình.
- 乙方必须在投入生产前为工厂，货物和物业购买保险，并负责保护其资产和物资。
- Bên B chỉ được phép sử dụng những phần diện tích đã liệt kê trong điều 1 của hợp đồng này. Nếu Bên B có nhu cầu sử dụng những phần diện tích không ghi trong hợp đồng thì Bên B phải thông báo cho Bên A biết, hai bên sẽ thảo luận và lập phụ lục hợp đồng.
- 乙方仅允许使用本合同第 1 条所列的面积区域。如果乙方需要使用合同中未记录

的面积区域，乙方必须通知甲方，双方将讨论并设置附录。

6.2. Quyền:

6.2：权力

- Có quyền sử dụng mặt bằng nhà xưởng, diện tích đất trống đã thuê của Bên A cho mục đích sử dụng như trong cam kết giữa 02 bên được quy định tại điều 1.2.
- 有权将甲方的租赁场所用于第 1.2 条规定的双方承诺中所述的使用目的。
- Có quyền nhận lại và tháo dỡ trang thiết bị, tài sản Bên B mua và lắp đặt trong xưởng thuê khi bàn giao lại xưởng thuê cho Bên A và việc tháo dỡ này Bên B cam kết không làm giảm giá trị và công năng của nhà xưởng thuê.
- 乙方在将租赁厂房交给甲方时有权收回和拆除乙方已购买和装修的设备和资产，而乙方承诺拆除的过程中不减少厂房的价值和功能。
- Được nhận lại số tiền đặt cọc như nêu tại Điều 4.2 khi Hợp đồng hết hạn với điều kiện tài sản thuê còn nguyên trạng như khi bàn giao cho Bên B (trừ những hao mòn tự nhiên) và Bên B đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính với Bên A, phí sử dụng hạ tầng trong KCN, phí xử lý nước thải với các cơ quan chức năng (nếu có) và các nhà cung cấp dịch vụ mà Bên B sử dụng như Internet, điện, nước, điện thoại, vv...
- 合同到期时收回第 4.2 条规定的押金，条件是租赁财产保持完整，如交给乙方（自然磨损除外），乙方已全面实施对甲方的财政义务，如使用工业区基础设施的费用，与功能机构（如果有的话）的废水处理费和乙方使用的服务供应商，如互联网，电力和水，电话等

ĐIỀU 7. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

第 7 条终止合同

Hợp đồng thuê nhà xưởng, văn phòng này hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

本工厂租赁合同在以下情况下到期：

- Hết hạn thuê nhà xưởng, văn phòng theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.
- 本合同第 2 条规定的工厂租赁期满。
- Bên B không được cấp phép đầu tư tại nhà xưởng, văn phòng thuê do lỗi của Bên A
- 由于甲方的过错，乙方未获许可投资租赁工厂
- Việc một trong hai bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, bên muốn chấm dứt phải thông báo cho phía bên kia trước 03 tháng bằng văn bản với lý do được cả hai bên chấp nhận.
- 如果任何一方提前单方面终止合同，则希望终止合同的一方必须提前三个月以书面形式通知另一方，理由得到双方同意。
- Vi phạm nghĩa vụ thanh toán như quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.
- 违反本合同第 4 条规定的付款义务。
- Một bên vi phạm các điều khoản của hợp đồng và bên kia đề nghị chấm dứt hợp đồng.
- 一方违反合同条款，另一方建议终止合同。
- Theo đề nghị của các bên.
- 应各方要求。

- Bất khả kháng:
- 不可抗力：
Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan không thể tránh được và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như thiên tai, động đất, lũ lụt, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố, sự thay đổi thể chế, chính sách và quy hoạch của nhà nước, vv…
Khi hợp đồng bị chấm dứt theo điều khoản này, hai bên sẽ được miễn trừ những trách nhiệm quy định tại hợp đồng này tính từ thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng. Tuy nhiên, hai bên vẫn phải hoàn thành hết những nghĩa vụ quy định tại hợp đồng này mà chưa được thực hiện đến thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, đồng thời bồi thường những thiệt hại xảy ra cho bên bị vi phạm nếu việc chấm dứt hợp đồng này do lỗi của một bên gây ra.
不可抗力是一个客观无法避免的事件，超出了各方的控制，如自然灾害，地震，洪水，战争，流行病，恐怖主义，身体变化等。国家的法规，政策和规划等
当合同根据本条款终止时，双方将在不可抗力事件发生时免除本合同规定的义务。但是，双方仍然必须履行本合同规定的所有义务，但在不可抗力事件发生之前尚未实施，同时赔偿对被侵权方造成的损害。此终止是由一方的错误引起的。

ĐIỀU 8: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP
第 8 条：争议的解决
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thuê nhà xưởng, văn phòng nếu phát sinh tranh chấp, hai bên sẽ cùng nhau thương lượng trên tinh thần hợp tác và tôn trọng những quyền lợi chính đáng của nhau.
- 在实施合同和签订工厂租赁合同的过程中，如果发生争议，双方将本着合作和尊重彼此合法利益的精神进行谈判。
- Trong trường hợp không thương lượng được, hai bên sẽ đưa vụ việc ra tòa án để giải quyết theo pháp luật Việt Nam. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng, hai bên phải tuân theo. Mọi chi phí sẽ do bên có lỗi trả.
- 如果未能进行谈判，双方将根据越南法律将案件提交法院解决。法院的决定是最终决定，双方必须遵守。所有费用将由有错误的一方支付。
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có tranh chấp thì mọi điều khoản sẽ chiếu theo nội dung bằng Tiếng Việt của hợp đồng này.
- 在合同履行过程中，如果有任何争议，所有条款将遵循本合同越南语双方确认的内容。

ĐIỀU 9: CAM KẾT CHUNG
第 9 条：一般承诺
- Sau khi Bên B thành lập xong Công ty ở Việt Nam, hai bên sẽ tiến hành ký lại hợp đồng mang tên Công ty tại Việt Nam của Bên B.
- 乙方在越南成立公司后，双方将以乙方越南公司的名义重新签订合同。
- Hợp đồng chính sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký kết.
- 该主合同自签署之日起开始有效。
- Bên A và Bên B cam kết tuân theo những nội dung và điều khoản trong hợp đồng này. Không một bên nào được tự ý thay đổi, điều chỉnh các điều khoản trong hợp đồng. Nếu cần thiết phải sửa đổi, hai bên có thể thoả thuận và chính thức ký phụ lục hợp đồng mới có

hiệu lực.

- 甲方和乙方承诺遵守本主合同的内容和条款。任何一方均不得随意更改或调整合同条款。如果需要修改，双方可以同意并正式签署新的合同附件以使其生效。
- Hợp đồng này được lập thành 02 bản gốc bằng tiếng việt và tiếng trung có cùng nội dung và giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản gốc.
- 本合同以越南语和中文的 02 份原件制作，具有相同的内容和相同的法律价值。每一方保留 01 份原件。
- Mọi nội dung, điều khoản trong Hợp đồng này đã được hai bên hiểu rõ trước khi ký.
- 签署前双方均理解本合同的所有内容和条款。
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 本合同自签署之日起生效。

ĐẠI DIỆN BÊN A 甲方代表	ĐẠI DIỆN BÊN B 乙方代表
CÔNG TY T.N.H.H TEDOMI VIỆT NAM GIÁM ĐỐC Phan Quốc Huy	CÔNG TY TNHH HUAYAN TECHNOLOGY VIỆT NAM TỔNG GIÁM ĐỐC AHN TAE JOON

CÔNG TY TNHH
TEDOMI VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG THUÊ XƯỞNG

租厂房附录合同

SỐ 号: 01/2023-PL01

Căn cứ theo hợp đồng nguyên tắc số 29082022/HDNT ký ngày 28. Tháng 09 Năm 2022

根据2022 年9 月28 日签署的第29082022/HDNT 号主合同

Căn cứ theo nhu cầu thực tế hai bên

根据双方实际需要

Chúng tôi gồm có 我们包括:

BÊN CHO THUÊ (Bên A): CÔNG TY TNHH TEDOMI VIỆT NAM

厂房出租方（甲方）: **CONG TY TNHH TEDOMI VIET NAM**

Người đại diện: Ông Phan Quốc Huy **Chức vụ: Phó Giám đốc**

代表人: **Phan Quoc Huy** 职务: 福经理

Địa chỉ: Lô E6, KCN Đình Trám, TT Nếnh, Huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

地址: 越南北江省越安县黄宁社，停占工业区 E6 地块

MST: 2400789791

税号: 2400789791

Điện thoại: 0982141203 - Email: tedomi.vn@gmail.com

电话: +84 .82141203 - 邮件: tedomi.vn@gmail.com

Số tài khoản VND: 078 11000 98999 tại ngân hàng MB - Nam Thăng Long- Hà Nội

越盾银行账号: 0781100098999

BÊN THUÊ (Bên B): CÔNG TY TNHH HUAYAN TECHNOLOGY VIỆT NAM

承租方（乙方）: 华研科技越南有限公司

Người đại diện: Ông AHN TAE JOON Chức vụ: Tổng Giám Đốc

代表人: 安泰俊 职务: 总经理

Địa chỉ: Lô E6, Khu công nghiệp Đình Trám (Thuê nhà xưởng và văn phòng của Công ty

TNHH Tedomi Việt Nam), TT Nếnh, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

地址：越南北江省越安县黄宁社，停占工业区 E6 地块（租 CONG TY TNHH TEDOMI VIET NAM 的厂房）

Số Hộ chiếu: M96490477 cấp ngày: 15/04/2021 nơi cấp: Hàn Quốc。

护照号码: M96490477，签发日期:2021 年 04 月 15 日，签发地：韩国

MST/税号: 2400952663

Điện thoại/电话:

Email 邮件:

Sau khi xem xét, thỏa thuận hai bên đã đi đến thống nhất ký Phụ Lục hợp đồng số 01/2023-PL01 đối với hợp đồng đã ký số 29082022/HDNT *ký ngày 28. Tháng 09. Năm 2022* cụ thể như sau:

经审查，双方同意于 2022 年 9 月 28 日签署的第 29082022/HDNT 号合同，签订合同附件号 01/2023-PL01 具体如下：

1- Dự án "Nhà máy Hua Yan" tại lô E6, KCN Đình Trám, TT Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Thuê lại nhà xưởng và văn phòng của Công ty TNHH Tedomi Việt Nam, với tổng diện tích sử dụng: 3.664 m2 trong đó: diện tích nhà xưởng là 2.297 m² (theo giấy chứng nhận đầu tư số 9974093879 cấp ngày 27/11/2019) và 1.367m2 diện tích nằm ngoài diện tích nhà xưởng (bao gồm: Nhà bảo vệ 9m², nhà vệ sinh 30m²(Công trình sẵn có) , Nhà xe: 190m² nhà máy nén khí, máy làm mát: 25m² , bể sinh học nổi: 30m² (Do Hua Yan xây dựng dưới sự đồng ý của bên Tedomi) và khu khuôn viên 1239m²) được chủ hạ tầng Công ty TNHH Tedomi cho công ty TNHH Hua Yan sử dụng miễn phí để thực hiện dự án nhà máy Hua Yan

越南北江省越安县黄宁社，停占工业区 E6 地块"华研工厂"项目。 转租 Tedomi Vietnam Co., Ltd.厂房及办公室，总使用面积：3,664 平方米，其中：厂房面积 2,297 平方米（根据 2019 年 11 月 27 日签发的第 9974093879 号投资证）。及厂区外 1367m2（包括：9m2 保安房、30m2 卫生间（可建）、车库：190m2 空压机厂房、冷却器：25m2、生物池漂浮：30m2（经 Tedomi 同意由华研承建）及校园 1239m2）由基础设施业主 Tedomi Co., Ltd.免费使用，用于实施华研工厂项目。

Tedomi đồng ý cho HUA YAN xả nước thải sau hệ thống xử lý vào hệ thống đấu nối với KCN cùng với Tedomi qua 01 điểm như công văn số 97/CTPTHT-KHKT của cty hạ tầng.

TEDOMI 同意让华研将处理系统后的废水通过 01 点排入与 TEDOMI 工业园区相连的系统，基建公司公函 97/CTPTHT-KHKT。

2- Công ty TNHH HUA YAN có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích đã cam kết, nếu cần sửa chữa, cải tạo lại tài sản thuê theo nhu cầu sử dụng riêng, Bên B phải thông báo cho Bên A và phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A thì mới được tiến hành.

华研有限公司对承诺的用途负责，如根据自身使用需要对租赁物进行修缮或改造，乙方须通知甲方，并须征得甲方同意。甲方书面同意后方可执行

3- Điều khoản chung 一般条款:

3.1 Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên được quy định trong hợp đồng số 29082022/HDNT

合同编号：29082022/HDNT 中规定了各方的权利和义务

3.2 PL HĐ được lập thành 02 (hai) bản, có nội dung & giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản

本合同一式 02（二）份，内容和法律效力相同，双方各执 01（一）份

3.3 Phụ lục này là 1 phần không thể tách rời của HĐNT số 29082022/HDNT và có giá trị kể từ ngày ký.....

本附件为第 29082022/HDNT 号合同的组成部分，自签订之日起生效.....

ĐẠI DIỆN BÊN A (甲方)

CÔNG TY T.N.H.H TEDOMI VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC

Phan Quốc Huy

ĐẠI DIỆN BÊN B(乙方)

CÔNG TY TNHH HUAYAN TECHNOLOGY VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC

AHN TAE JOON

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG LAB-206
Địa chỉ: Số 86, Đ. Đỗ Văn Quỳnh, P. Xương Giang, TP Bắc Giang, T. Bắc Giang.
Điện thoại: 0204 6507 666 - Email:cnmtdatviet@gmail.com

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC/LẤY MẪU VÀ XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

Hôm nay, vào hồi 13 giờ 00, ngày 11 tháng 03 năm 2023.
Tại: Công ty TNHH HUAYAN Technology Việt Nam
Địa chỉ: Lô E6 (thuê nhà xưởng của công ty TNHH Tedomi Việt Nam), KCN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
Chúng tôi gồm:

I.Đại diện cơ sở: Công ty TNHH HUAYAN Technology Việt Nam

1. Ông (bà): Nguyễn Văn Linh, Chức vụ: CBCĐ

II. Đại diện đơn vị lấy mẫu: Công ty TNHH công nghệ môi trường Đất Việt,

1. Ông(bà): Nguyễn Hùng Duy, Chức vụ: CBQT
2. Ông(bà): Đinh Thanh Tuyền, Chức vụ: CBQT
3. Ông(bà): ....., Chức vụ: CBQT

Chúng tôi cùng tiến hành lập Biên bản việc đo đạc /lấy mẫu các thành phần, chỉ tiêu môi trường và xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện của Cơ sở như sau:

III. Điều kiện khí tượng khi đo đạc/lấy mẫu:

Trời nắng

IV. Hiện trạng hoạt động của cơ sở khi đo đạc / lấy mẫu:

Đang cải tạo nhà xưởng

V. Nội dung đo đạc/lấy mẫu:

1.Mẫu khí: *(số mẫu 01)*

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	
1	Khí làm việc tại khu vực nhà xưởng	0143/11 / 03/23/KLV01	2352276	408864

2. Mẫu nước: *(số mẫu ...)*

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	

3. Mẫu đất *(số mẫu.....)*

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	

4. Mẫu bùn trầm tích: *(số mẫu.....0.....)*

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	

5. Mẫu chất thải rắn: *(số mẫu.....0.....)*

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	

VI. Lưu mẫu: (Mẫu nước, Đất, Chất thải rắn, Bùn).

Cơ sở có yêu cầu lưu mẫu hay không?

☐ Có lưu mẫu. ☑ Không lưu mẫu.

Ghi chú: *Sau 05 ngày kể từ khi cơ sở nhận kết quả mà không có phản hồi gì về Công ty TNHH Công Nghệ môi Trường Đất Việt thì mẫu lưu tự động sẽ được hủy.*

Biên bản được thành lập 03 bản có giá trị như nhau, giao cho cơ sở 01 bản, Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Đất Việt lưu 02 bản.

Kết thúc, 14 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 03 năm 2023

ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC/ LẤY MẪU	**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
Nguyễn Hữu Dũng	Nguyễn Văn Kiên

DatViet
VIMCERTS:206

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG LAB-206
Địa chỉ: Số 86, đường Đỗ Văn Quýnh, Phường Xương Giang,Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
E-mail: cnmtdatviet@gmail.com - ĐT: 02046507666

Số: 0143/KK76/23

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Khách hàng:	**Công ty TNHH HUAYAN Technology Việt Nam**			
2. Địa điểm lấy mẫu	Lô E6 (thuê nhà xưởng của công ty TNHH Tedomi Việt Nam), KCN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.			
3. Loại mẫu:	Không khí khu vực làm việc			
4. Vị trí lấy mẫu:		Ký hiệu mẫu	Tọa độ	
Khí làm việc tại khu vực nhà xưởng		**0143/11/03/23/KLV01**	**X:2352276**	**Y:408864**
5. Thời gian lấy mẫu:	11/03/2023	Thời gian phân tích	11/03 - 14/03/2023	

TT	Thông số	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả 0143/11/03/23/KLV01	QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	22,4	18 ÷ 32[a]
2	Độ ẩm	%	TCVN 5508:2009	53,4	40 ÷ 80[a]
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508:2009	0,4	0,2 ÷ 1,5[a]
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2020	65,1	85[b]
5	Bụi toàn phần	mg/m^3	TCVN 5067:1995	0,101	8[c]
6	CO	mg/m^3	Thường quy kỹ thuật sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	2,24	20
7	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971:1995	0,046	5
8	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137:2009	0,04	5

Ghi chú:
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- (a)QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- (b)QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp
- (c)QCVN 02:2019/BYT:Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

Bắc Giang, ngày 14 tháng 03 năm 2023

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	KIỂM TRA	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Dương Thị Nga	*Hoàng Thị Kim Anh*	*Tạ Thị Minh Tâm*

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

- (*): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- (-): Không quy định.
- Phiếu kết quả này có giá trị trên mỗi mẫu phân tích.
- Không được tự ý sao chép kết quả khi chưa có sự đồng ý của chủ đầu tư.

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG LAB-206
Địa chỉ: Số 86, Đ. Đỗ Văn Quýnh, P. Xương Giang, TP Bắc Giang, T. Bắc Giang.
Điện thoại: 0204 6507 666 - Email:cnmtdatviet@gmail.com

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC/LẤY MẪU VÀ XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

Hôm nay, vào hồi 11 giờ 00, ngày 13 tháng 03 năm 2023.

Tại: Công ty TNHH HUAYAN Technology Việt Nam

Địa chỉ: Lô E6 (thuê nhà xưởng của công ty TNHH Tedomi Việt Nam), KCN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Chúng tôi gồm:

I.Đại diện cơ sở: Công ty TNHH HUAYAN Technology Việt Nam

1. Ông (bà): Nguyễn Văn Linh, Chức vụ: G.Đ.Cty

II. Đại diện đơn vị lấy mẫu: Công ty TNHH công nghệ môi trường Đất Việt,

1. Ông(bà): Nguyễn Hùng Duy , Chức vụ: CBQT
2. Ông(bà): Đinh Thanh Tuyền , Chức vụ: CBQT
3. Ông(bà): ..... , Chức vụ: CBQT

Chúng tôi cùng tiến hành lập Biên bản việc đo đạc /lấy mẫu các thành phần, chỉ tiêu môi trường và xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện của Cơ sở như sau:

III. Điều kiện khí tượng khi đo đạc/lấy mẫu:

thời nắng

IV. Hiện trạng hoạt động của cơ sở khi đo đạc / lấy mẫu:

đang cải tạo nhà xưởng

V. Nội dung đo đạc/lấy mẫu:

1.Mẫu khí: *(số mẫu 01)*

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	
1	Khí làm việc tại khu vực nhà xưởng	0151113/ 03/23/KLV01	2352277	408865

2. Mẫu nước: *(số mẫu ...)*

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	

3. Mẫu đất *(số mẫu.....)*

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	

4. Mẫu bùn trầm tích: *(số mẫu.....0.....)*

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	

5. Mẫu chất thải rắn: *(số mẫu.....0.....)*

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	

VI. Lưu mẫu: (Mẫu nước, Đất, Chất thải rắn, Bùn).

Cơ sở có yêu cầu lưu mẫu hay không?

☐ Có lưu mẫu. ☑ Không lưu mẫu.

Ghi chú: *Sau 05 ngày kể từ khi cơ sở nhận kết quả mà không có phản hồi gì về Công ty TNHH Công Nghệ môi Trường Đất Việt thì mẫu lưu tự động sẽ được hủy.*

Biên bản được thành lập 03 bản có giá trị như nhau, giao cho cơ sở 01 bản, Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Đất Việt lưu 02 bản.

Kết thúc, 11 giờ 40 phút, ngày 13 tháng 03 năm 2023

ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC/ LẤY MẪU	**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
Nguyễn Hùng Dũng	Nguyễn Văn Việt

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG LAB-206
Địa chỉ: Số 86, đường Đỗ Văn Quýnh, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
E-mail: cnmtdatviet@gmail.com - ĐT: 02046507666

VIMCERTS:206

Số: 0151/KK77/23

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Khách hàng:	**Công ty TNHH HUAYAN Technology Việt Nam**			
2. Địa điểm lấy mẫu	Lô E6 (thuê nhà xưởng của công ty TNHH Tedomi Việt Nam), KCN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.			
3. Loại mẫu:	Không khí khu vực làm việc			
4. Vị trí lấy mẫu:		Ký hiệu mẫu	Tọa độ	
Khí làm việc tại khu vực nhà xưởng		**0151/13/03/23/KLV01**	**X:2352277**	**Y:408865**
5. Thời gian lấy mẫu:	13/03/2023	Thời gian phân tích	13/03 - 16/03/2023	

TT	Thông số	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả 0151/13/03/23/KLV01	QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	25,6	18 ÷ 32[a]
2	Độ ẩm	%	TCVN 5508:2009	50,7	40 ÷ 80[a]
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508:2009	0,4	0,2 ÷ 1,5[a]
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2020	68,7	85[b]
5	Bụi toàn phần	mg/m^3	TCVN 5067:1995	0,104	8[c]
6	CO	mg/m^3	Thường quy kỹ thuật sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	2,2	20
7	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971:1995	0,051	5
8	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137:2009	0,037	5

Ghi chú:
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- (a)QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- (b)QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp
-(c)QCVN 02:2019/BYT:Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

Bắc Giang, ngày 16 tháng 03 năm 2023

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	KIỂM TRA	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Dương Thị Nga	*Hoàng Thị Kim Anh*	*Tạ Thị Minh Tâm*

- (*): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Phiếu kết quả này có giá trị trên mỗi mẫu phân tích.
- (-): Không quy định.
- Không được tự ý sao chép kết quả khi chưa có sự đồng ý của chủ đầu tư.

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG LAB-206
Địa chỉ: Số 86, Đ. Đỗ Văn Quỳnh, P. Xương Giang, TP Bắc Giang, T. Bắc Giang.
Điện thoại: 0204 6507 666 - Email:cnmtdatviet@gmail.com

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC/LẤY MẪU VÀ XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

Hôm nay, vào hồi 17 giờ 15, ngày 14 tháng 03 năm 2023.

Tại: Công ty TNHH HUAYAN Technology Việt Nam

Địa chỉ: Lô E6 (thuê nhà xưởng của công ty TNHH Tedomi Việt Nam), KCN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Chúng tôi gồm:

I.Đại diện cơ sở: Công ty TNHH HUAYAN Technology Việt Nam

1. Ông (bà): Nguyễn Văn Vinh, Chức vụ: CB Cty

II. Đại diện đơn vị lấy mẫu: Công ty TNHH công nghệ môi trường Đất Việt,

1. Ông(bà): Nguyễn Hùng Duy , Chức vụ: CBQT
2. Ông(bà): Đinh Thanh Tuyền , Chức vụ: CBQT
3. Ông(bà): ..... , Chức vụ: CBQT

Chúng tôi cùng tiến hành lập Biên bản việc đo đạc /lấy mẫu các thành phần, chỉ tiêu môi trường và xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện của Cơ sở như sau:

III. Điều kiện khí tượng khi đo đạc/lấy mẫu:

Trời nắng

IV. Hiện trạng hoạt động của cơ sở khi đo đạc / lấy mẫu:

đang sản xuất nhà xưởng

V. Nội dung đo đạc/lấy mẫu:

1.Mẫu khí: *(số mẫu 01)*

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	
1	Khí làm việc tại khu vực nhà xưởng	5156/14 / 03/23/KLV01	2352277	408865

2. Mẫu nước: *(số mẫu ...)*

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	

3. Mẫu đất *(số mẫu.....)*

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	

4. Mẫu bùn trầm tích: *(số mẫu.....0.....)*

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	

5. Mẫu chất thải rắn: *(số mẫu.....0.....)*

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	

VI. Lưu mẫu: (Mẫu nước, Đất, Chất thải rắn, Bùn).

Cơ sở có yêu cầu lưu mẫu hay không?

☐ Có lưu mẫu. ☑ Không lưu mẫu.

Ghi chú: *Sau 05 ngày kể từ khi cơ sở nhận kết quả mà không có phản hồi gì về Công ty TNHH Công Nghệ môi Trường Đất Việt thì mẫu lưu tự động sẽ được hủy.*

Biên bản được thành lập 03 bản có giá trị như nhau, giao cho cơ sở 01 bản, Công ty TNHH Công nghệ Môi trường Đất Việt lưu 02 bản.

Kết thúc, 17. giờ 40 phút, ngày 14 tháng 05 năm 2025

ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC/ LẤY MẪU	**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
Nguyễn Hưng Dy	Nguyễn Văn Vinh

DatViet
VIMCERTS:206
Số: 0156/KK78/23

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG LAB-206
Địa chỉ: Số 86, đường Đỗ Văn Quỳnh, Phường Xương Giang, Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
E-mail: cnmtdatviet@gmail.com - ĐT: 02046507666

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1. Khách hàng:	**Công ty TNHH HUAYAN Technology Việt Nam**			
2. Địa điểm lấy mẫu	Lô E6 (thuê nhà xưởng của công ty TNHH Tedomi Việt Nam), KCN Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.			
3. Loại mẫu:	Không khí khu vực làm việc			
4. Vị trí lấy mẫu:		Ký hiệu mẫu	Tọa độ	
Khí làm việc tại khu vực nhà xưởng		0156/14/03/23/KLV01	X:2352277	Y:408865
5. Thời gian lấy mẫu:	14/03/2023	Thời gian phân tích	14/03 - 17/03/2023	

TT	Thông số	ĐVT	Phương pháp thử	Kết quả 0156/14/03/23/KLV01	QCVN 03:2019/BYT Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)
1	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	25,4	**18 ÷ 32[a]**
2	Độ ẩm	%	TCVN 5508:2009	50,3	**40 ÷ 80[a]**
3	Tốc độ gió	m/s	TCVN 5508:2009	0,4	**0,2 ÷ 1,5[a]**
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2020	67,4	**85[b]**
5	Bụi toàn phần	mg/m^3	TCVN 5067:1995	0,108	**8[c]**
6	CO	mg/m^3	Thường quy kỹ thuật sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	2,36	**20**
7	SO_2	mg/m^3	TCVN 5971:1995	0,052	**5**
8	NO_2	mg/m^3	TCVN 6137:2009	0,036	**5**

Ghi chú:
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- (a)QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- (b)QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp
-(c)QCVN 02:2019/BYT:Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc

Bắc Giang, ngày 17 tháng 03 năm 2023

TM. NHÓM PHÂN TÍCH	KIỂM TRA	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Dương Thị Nga	*Hoàng Thị Kim Anh*	*Tạ Thị Minh Tâm*

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG ĐẤT VIỆT

- (*): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Phiếu kết quả này có giá trị trên mỗi mẫu phân tích.
- (-): Không quy định.
- Không được tự ý sao chép kết quả khi chưa có sự đồng ý của chủ đầu tư.

UBND TỈNH BẮC GIANG SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
Số: 2700 /GXN-TNMT	*Bắc Giang, ngày 15 tháng 12 năm 2016*

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận Công ty TNHH Tedomi Việt Nam đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án "Nhà máy cơ khí Tedomi Việt Nam" tại lô E6, khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tại Sở Tài nguyên và Môi trường vào ngày 07 tháng 12 năm 2016.

Công ty TNHH Tedomi Việt Nam có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, các biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014.

3. Trường hợp dự án có thay đổi tính chất, quy mô, Chủ dự án phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để xem xét, hướng dẫn theo quy định.

Kế hoạch bảo vệ môi trường của của dự án "Nhà máy cơ khí Tedomi Việt Nam" kèm theo Giấy xác nhận đăng ký này được cấp cho Công ty TNHH Tedomi Việt Nam để thực hiện và được lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, giám sát./.

Nơi nhận: - Công ty TNHH Tedomi Việt Nam. - Lưu: VT, HS. Bản điện tử: - GĐS, PGĐS - PT; - BQL các khu công nghiệp tỉnh; - Phòng TN&MT huyện Việt Yên; - CCBVMT; - Bộ phận TN&TKQ.	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG Vũ Văn Tưởng

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BẮC GIANG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 2400789791

Đăng ký lần đầu: ngày 23 tháng 02 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 25 tháng 10 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TEDOMI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TEDOMI VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TEDOMI CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô E6, Khu công nghiệp Đình Trám, Thị Trấn Nếnh, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: *0982166717* Fax:

Email: *tedomi.vn@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ 18.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười tám tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	ĐÀM MINH ĐỨC	Việt Nam	Số 4B tầng 14 tòa nhà Dolphin, 28 Trần Bình, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	17.100.000.000	95,000	011077306238	

2	PHAN QUỐC HUY	Việt Nam	TDP số 6, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	900.000.000	5,000	025081000117	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHAN QUỐC HUY Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *02/01/1982* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *025081000117*

Ngày cấp: *01/05/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *TDP số 6, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *TDP số 6, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

NGUYỄN VŨ DIỄN

UBND TỈNH BẮC GIANG
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 2522223335

Chứng nhận lần đầu: Ngày 20 tháng 01 năm 2016

Chứng nhận thay đổi lần thứ ba: Ngày 01 tháng 11 năm 2022

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Quản lý các khu công nghiệp (CKN) tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 39/2022/QĐ-UBND ngày 05/10/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có mã số dự án 2522223335 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang chứng nhận lần đầu ngày 20/01/2016, thay đổi lần thứ hai ngày 01/10/2018;

Căn cứ văn bản và hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNĐKĐT của Công ty TNHH Tedomi Việt Nam nộp ngày 28/10/2022,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG
CHỨNG NHẬN

Điều 1: Nhà đầu tư

1. Tên Nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH TEDOMI VIỆT NAM

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 2400789791 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 23/02/2016, thay đổi lần thứ 4 ngày 25/10/2022.

Địa chỉ trụ sở chính: Lô E6, KCN Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. Người đại diện theo pháp luật của Nhà đầu tư

Họ và tên: PHAN QUỐC HUY; Giới tính: Nam; Ngày sinh: 02/01/1982

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; CCCD số: 025081000117

Ngày cấp: 01/5/2021; Cơ quan cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú/chỗ ở hiện tại: TDP số 6, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nội dung dự án đầu tư

Nhà đầu tư đăng ký điều chỉnh thông tin nhà đầu tư thực hiện dự án "Nhà máy cơ khí TeDomi Việt Nam" kèm theo Giấy CNĐKĐT có mã số dự án 2522223335 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 20/01/2016, thay đổi lần thứ hai ngày 01/10/2018 như sau:

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY CƠ KHÍ TEDOMI VIỆT NAM.

2. Địa điểm thực hiện dự án: Lô E6, khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

3. Diện tích đất sử dụng: 7.200,69 m^2.

4. Mục tiêu của dự án

- Sản xuất kết cấu thép và giàn không gian bằng kim loại;
- Cho thuê nhà xưởng dư thừa.

5. Quy mô dự án đầu tư

- Sản xuất kết cấu thép và giàn không gian bằng kim loại: 400 tấn sản phẩm/năm, trong đó: Kết cấu thép: 300 tấn sản phẩm/năm; Giàn không gian: 100 tấn sản phẩm/năm.
- Cho thuê nhà xưởng dư thừa khoảng: 2.297 m^2.

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 18.000.000.000 VNĐ (Mười tám tỷ đồng Việt Nam), tương đương 822.293 USD (Tám trăm hai mươi hai nghìn hai trăm chín mươi ba Đô la Mỹ), trong đó:

6.1. Phương thức, giá trị và tỷ lệ góp vốn đầu tư

Vốn góp để thực hiện Dự án: 18.000.000.000 VNĐ (Mười tám tỷ đồng Việt Nam), tương đương 822.293 USD (Tám trăm hai mươi hai nghìn hai trăm chín mươi ba Đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư.

6.2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư: đã thực hiện.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: đến ngày 17/6/2054.

8. Tiến độ thực hiện dự án: dự án đã đi vào hoạt động.

Điều 3. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Dự án đầu tư được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Điều 4. Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Chấp hành đầy đủ các quy định và biện pháp liên quan đến bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam trong quá trình thực hiện Dự án đầu tư.

2. Tuân thủ pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này trong quá trình hoạt động; đăng ký cấp tài khoản của doanh nghiệp trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài.

3. Thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định; chịu trách nhiệm về huy động các nguồn vốn hợp pháp để triển khai Dự án đầu tư.

4. Thực hiện chế độ báo cáo và thống kê định kỳ gửi Ban Quản lý các khu công nghiệp và Cục thống kê tỉnh Bắc Giang theo quy định.

Điều 5. Giấy CNĐKĐT này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy CNĐKĐT có mã số dự án 2522223335 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang cấp chứng nhận lần đầu ngày 20/01/2016, thay đổi lần thứ hai ngày 01/10/2018.

Điều 6: Giấy CNĐKĐT này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang./.

TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG

Đào Xuân Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Tedomi Việt Nam

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 2400789791 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp ngày 23/02/2016.

Địa chỉ thường trú: Lô E6, Khu công nghiệp Đình Trám, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

CI 088678

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: ,Tờ bản đồ số:

b) Địa chỉ thửa đất: Lô E6, Khu công nghiệp Đình Trám, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

c) Diện tích: 7.200,69 m^2, (bằng chữ: Bảy nghìn hai trăm phẩy sáu chín mét vuông)

d) Hình thức sử dụng đất: riêng: 7.200,69 m^2, chung: Không m^2

đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp

g) Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 17/6/2054.

h) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp

"*2. Nhà ở:* -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

Tên công trình: Nhà xưởng số 1; Nhà xưởng số 2; Nhà điều hành.

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m2)	Diện tích sàn (m2) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà xưởng số 1	1.211,6	1.211,6	Sở hữu riêng	-/-	-/-
Nhà xưởng số 2	2.297,0	2.297,0	Sở hữu riêng	-/-	-/-
Nhà điều hành	169,1	338,2	Sở hữu riêng	-/-	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-."

6. Ghi chú:

Bắc Giang, ngày 31 tháng 8 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

TUQ. CHỦ TỊCH

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Số vào sổ cấp GCN: CS00493/QĐ

Nguyễn Văn Tuyến

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

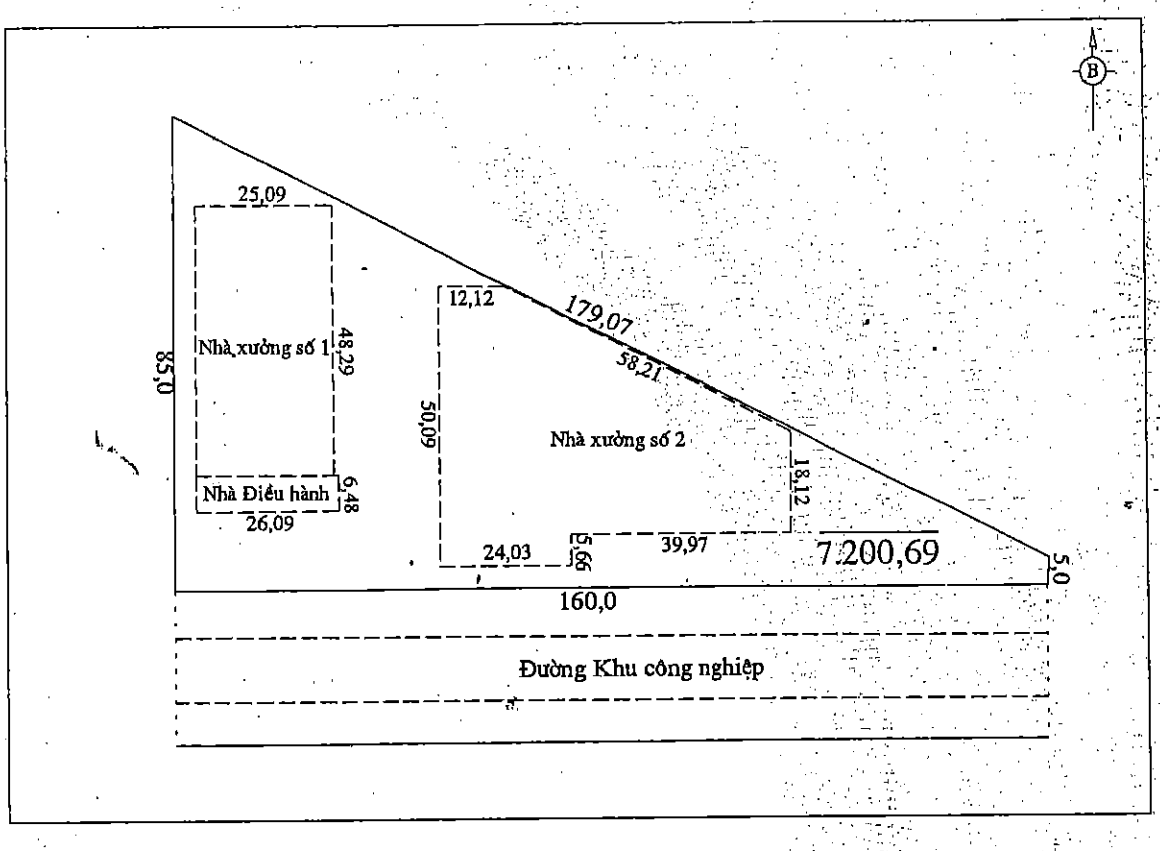

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH SỐ CHỨNG THỰC: 1112 Q.SỐ: 27 /SCT-BS Ngày 06 tháng 6 năm 2014 S.Đ.K.H.Đ:02-Đ.N.T VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG XƯƠNG GIANG TP. BẮC GIANG - T. BẮC GIANG CÔNG CHỨNG VIÊN Trần Văn Duyên	

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

Kèm theo GCN này có các trang bổ sung số: 01

TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: Tờ bản đồ số:

Số phát hành GCN: CI 088678 Số vào sổ cấp GCN: CS00493/Q01

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Thế chấp bằng tài sản gắn liền với đất tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Bắc Giang theo đơn đăng ký ngày 06/3/2018, hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 073/18/HĐTC/BG ngày 06/3/2018, hồ sơ DKBĐ số 000045./.	Ngày 06 tháng 3 năm 2018 VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI GIÁM ĐỐC Nguyễn Đình Thắng

Trang bổ sung này luôn phải đính kèm Giấy chứng nhận mới có giá trị pháp lý

Trang bổ sung số: 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẠI KHU CÔNG NGHIỆP ĐÌNH TRÁM

Số: 33/2020/HĐKT/XLNTĐT

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội khoá XIII Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội khoá XIII Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 155/2016/NĐ-CP, ngày 18/11/2016 của Chính Phủ về việc quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước thải;

Căn cứ Thông tư số 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quy chế hoạt động KCN Đình Trám, KCN Song Khê – Nội Hoàng (phía bắc) ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-HĐQT ngày 03/01/2019 của Hội đồng quản trị Công ty CP phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang về việc Quản lý xây dựng và môi trường trong khu công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-CTPTHT ngày 29/6/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang về việc phê duyệt đơn giá tiền xử lý nước thải của các doanh nghiệp đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải Khu công nghiệp Đình Trám;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 2522223335 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang cấp ngày 20/01/2016, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 16 tháng 12 năm 2016 về việc chấp thuận đầu tư dự án "Nhà máy cơ khí Tedomi Việt Nam" của Công ty TNHH Tedomi Việt Nam;

Căn cứ sơ đồ tổng mặt bằng đấu nối hệ thống thoát nước mưa, nước thải trong Khu công nghiệp Đình Trám của Công ty TNHH Tedomi Việt Nam;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ và nhu cầu giữa các bên.

Hôm nay, ngày 11 tháng 7 năm 2020 tại Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang, chúng tôi gồm có:

I. BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (GỌI TẮT LÀ BÊN A):

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN BẮC GIANG

- Người đại diện: Ông **Đặng Đình Tĩnh**
- Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: Lô HC, KCN Song Khê – Nội Hoàng (phía Bắc), xã Song Khê, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Số tài khoản: 2502211000505 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) – KCN Đình Trám, Bắc Giang.
- Số tài khoản: 0731000549967 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – chi nhánh Bắc Giang.
- Mã số thuế: 2400401987. Email: congtypthtkcn@bacgiang.gov.vn.

II. BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (GỌI TẮT LÀ BÊN B):

CÔNG TY TNHH TEDOMI VIỆT NAM

- Người đại diện: Ông **Phan Quốc Huy**
- Chức vụ: Phó Giám đốc *(Kèm theo giấy Ủy quyền số: 001UQ2016-TEDOMI.VN ký ngày 28/04/2016)*.
- Địa chỉ: Lô E6 Khu công nghiệp Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.
- Số tài khoản: 0781100098999, tại Ngân hàng MB, Chi nhánh Quân Đội – Phòng giao dịch Hoàng Quốc Việt.
- Mã số thuế: 2400789791.
- Điện thoại: 0835651395. Email: Tedomi.vn@gmail.com.

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải tại KCN Đình Trám với các điều khoản và điều kiện sau đây:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG

- Bên A đồng ý tiếp nhận và xử lý nước thải đầu ra từ dự án của Bên B tại khu công nghiệp Đình Trám, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.1. Xác định khối lượng nước thải để xử lý: Lượng nước thải được tính bằng 80% lượng nước sạch đầu vào theo hóa đơn cung cấp nước hàng tháng của Bên B từ đơn vị cung cấp nước sạch áp dụng tại Khoản 2, Điều 39, Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 về thoát nước và xử lý nước thải.

1.2. Tiêu chuẩn áp dụng là quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT hoặc các tiêu chuẩn hiện hành thay thế tương đương sau này.

1.3. Bên B thuê Bên A thu gom và xử lý nước thải, Bên A đồng ý tiếp nhận nước thải từ dự án của Bên B để xử lý theo giá trị C cột B bảng tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT. Bên A sau khi xử lý nước thải đạt đến giá trị C cột A bảng tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT thì xả ra ngoài môi trường. Bảng giá trị tiêu chuẩn cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			A	B
1	Nhiệt độ	oC	40	40
2	Màu	Pt/Co	50	150
3	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD5 (20oC)	mg/l	30	50
5	COD	mg/l	75	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100
7	Asen	mg/l	0,05	0,1
8	Thuỷ ngân	mg/l	0,005	0,01
9	Chì	mg/l	0,1	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,05	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1
12	Crom (III)	mg/l	0,2	1
13	Đồng	mg/l	2	2
14	Kẽm	mg/l	3	3
15	Niken	mg/l	0,2	0,5
16	Mangan	mg/l	0,5	1
17	Sắt	mg/l	1	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,07	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	10
21	Sunfua	mg/l	0,2	0,5
22	Florua	mg/l	5	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10
24	Tổng nitơ	mg/l	20	40
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	4	6
26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	500	1000

27	Clo dư	mg/l	1	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,003	0,01
31	Coliform	vi khuẩn/100ml	3000	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0

1.4. Điểm đấu nối nước thải: Điểm đấu nối thoát nước thải của Bên B được thể hiện theo biên bản thỏa thuận đấu nối kèm theo giữa hai bên. *(Trường hợp lưu lượng xả thải của Bên B >1.000 m^3/ngày đêm, tại điểm đấu nối Bên B phải lắp đặt hệ thống quan trắc tự động theo quy định tại Khoản 2, Mục 20, Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019).*

1.5. Ngừng tiếp nhận nước thải: Bên B cam kết có biện pháp và chịu trách nhiệm tự kiểm soát chất lượng nước thải trong phạm vi của dự án theo đúng quy định. Trong quá trình sản xuất, nếu xảy ra trường hợp thành phần và nồng độ nước thải từ nhà máy chảy vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp mà không đảm bảo theo quy định tại Khoản 1.3 Điều 1 Hợp đồng này, Bên A sẽ thông báo đề nghị Bên B khắc phục.

- Sau 10 ngày, nếu Bên B chưa khắc phục, Bên A ra thông báo và ngưng tiếp nhận nước thải. Bên A sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo pháp luật và yêu cầu công ty nước sạch ngừng cung cấp cho doanh nghiệp.

- Trường hợp tính chất nước thải của Bên B gây ảnh hưởng xấu, làm hư hỏng hoặc tắc nghẽn hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp, Bên A sẽ lập biên bản và yêu cầu Bên B khắc phục ngay. Nếu Bên B không khắc phục, Bên A sẽ ngừng tiếp nhận nước thải và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Bên B không thực hiện thanh toán tiền xử lý nước thải đúng, đủ sau 02 kỳ liên tiếp, Bên A sẽ ngừng tiếp nhận nước thải của Bên B và không chịu bất kỳ trách nhiệm gì liên quan đến chất lượng nước thải của Bên B.

- Trong trường hợp Bên B vi phạm các điều khoản nêu trên đây mà gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B phải bồi thường cho Bên A chi phí phát sinh do những thiệt hại đã gây ra.

ĐIỀU 2: ĐẤU NỐI VÀO HỆ THỐNG

Trước khi tiến hành đấu nối nước thải, Bên B có trách nhiệm thông báo trước cho Bên A thời gian tiến hành để Bên A trực tiếp giám sát, hướng dẫn đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp nhằm đảm bảo

các yêu cầu kỹ thuật. Đồng thời Bên B chỉ được phép cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hệ thống thu gom nước thải của Bên B trong khu đất thực hiện dự án, không làm ảnh hưởng đến hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp.

Sau khi xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hoàn thành hệ thống đấu nối Bên B phải thông báo cho Bên A tiến hành nghiệm thu xác nhận công trình hoàn thành theo đúng thỏa thuận đấu nối.

Trong trường hợp Bên B vi phạm các điều khoản nêu trên mà gây ảnh hưởng đến hệ thống thu gom nước thải, chất lượng xử lý nước thải thì Bên A tạm thời ngừng tiếp nhận nước thải Bên B đến khi Bên B khắc phục những hậu quả, được Bên A nghiệm thu đảm bảo các yêu câu kỹ thuật theo thỏa thuận giữa hai bên, Bên B sẽ tiếp tục được xả thải vào hệ thống xử lý chung của khu công nghiệp, mọi kinh phí khắc phục do Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

3.1. Chi phí xử lý nước thải:

Bên B có trách nhiệm xử lý nước thải sơ bộ đạt giá trị C cột B theo bảng tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Đình Trám.

Chi phí xử lý nước thải = Khối lượng nước thải x đơn giá x Hệ số K.

- Hệ số K được xác định như sau:

Stt	K1	K2	Chọn hệ số K
1	=1	=1	K=1
2	=1	>1	K = K2
3	>1	=1	K = K1
4	>1	>1	K = K1 + K2

+ K1: Hệ số mức ô nhiễm COD sẽ được xác định theo Điều 3 Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 24/12/2018 của Bộ Xây dựng hoặc văn bản khác thay thế hiện hành.

+ K2: Tỷ lệ mức độ chất ô nhiễm trong nước thải cao nhất (ngoại trừ COD) trong bảng tiêu chuẩn nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này.

- Hệ số K1 được quy định theo Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng được thể hiện tại bảng dưới đây:

Stt	Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số K1
1	151 - 200	1,5
2	201 - 300	2
3	301 - 400	2,5
4	401 - 600	3,5
5	> 600	4,5

(Hệ số K (K1) được xác định theo Thông tư số 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng).

- Hệ số K2 Được tính theo mức độ ô nhiễm của các chỉ tiêu còn lại (lấy chỉ tiêu vượt cao nhất. Tỷ lệ K2 bằng giá trị ô nhiễm trong nước thải/ giá trị quy định tại cột B tương ứng), cụ thể:

Stt	Tỷ lệ vượt (số lần)	Hệ số K2
1	≤1,01	1
2	1,01 - 1,10	1,25
3	1,11 - 1,5	1,5
4	1,51 - 1,75	2
5	1,76 - 2,00	2,5
6	2,01 - 2,50	3,5
7	2,51 - 3,00	4,5
8	> 3,00	5

- Trường hợp doanh nghiệp xả nước thải với giá trị COD > 450 mg/l, giá trị K2 >2.5 thì Bên A sẽ ngừng tiếp nhận nước thải, ngừng cung cấp các dịch vụ hạ tầng. Bên B sẽ phải thanh toán chi phí xử lý nước thải cho Bên A theo mức độ ô nhiễm của tháng đó và khắc phục toàn bộ hậu quả gây ra (nếu có) bao gồm (Tiền khắc phục hệ thống xử lý nước thải tập trung; tiền chi phí lấy mẫu nước phân tích vượt chỉ tiêu của đơn vị có chức năng; tiền phạt do nước thải của Bên B xử lý không đạt làm ảnh hưởng đến chất lượng nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung trong khu công nghiệp).

Hàng tháng theo thông báo hoặc đột xuất Bên A sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng lấy mẫu nước thải. Sau khi có kết quả Bên A sẽ tổng hợp kết quả để tính toán hệ số K sau đó sẽ thông báo cho Bên B số tiền xử lý nước thải kèm theo kết quả phân tích của đơn vị có chức năng.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nếu Bên B không có ý kiến phản hồi nào bằng văn bản, Bên A sẽ sử dụng kết quả phân tích làm cơ sở tính tiền xử lý nước thải và xuất hóa đơn theo quy định.

3.2. Đơn giá xử lý nước thải:

Đơn giá xử lý nước thải là: 11.400 VNĐ/m^3 (Đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT 10%).

(Đơn giá có thể được điều chỉnh theo Quyết định của UBND tỉnh hoặc của Công ty CP phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang theo chỉ số tiêu dùng CPI hoặc đơn giá nước sạch thay đổi, khi có đơn giá xử lý nước thải mới Bên A sẽ thông báo đơn giá mới và thời gian áp dụng cho Bên B theo quy định hiện hành).

3.3: Phương thức và thời hạn thanh toán:

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt.

- Thời hạn thanh toán: Hàng tháng Bên A sẽ gửi thông báo thu tiền xử lý nước thải cho Bên B và Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên A trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.

- Ngay sau khi Bên B thanh toán 100% số tiền hàng tháng phải nộp, hóa đơn GTGT sẽ được Bên A cung cấp cho Bên B bằng hóa đơn điện tử.

- Tiền xử lý nước thải được thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng (VNĐ).

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN

4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A:

a) Trách nhiệm:

- Có trạm xử lý nước thải tập trung theo đúng quy định tại khu công nghiệp;

- Tiếp nhận nước thải phát sinh của Bên B với chất lượng đã được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn cột B theo Điều 1, xử lý nước thải đảm bảo nước thải đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra môi trường;

- Chịu trách nhiệm trước các cơ quan chức năng về chất lượng xử lý của nước thải của trạm xử lý nước thải tập trung;

- Trường hợp Bên A bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, Bên A sẽ thông báo cho Bên B trước ít nhất 01 ngày (trừ trường hợp sự cố xảy ra đột xuất);

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, các điểm đấu nối và giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

b) Quyền hạn:

- Yêu cầu Bên B thanh toán đúng và đủ chi phí dịch vụ quản lý, vận hành hệ thống thu gom xử lý nước thải theo Hợp đồng đã ký kết;

- Có quyền lấy mẫu nước thải thường xuyên hoặc đột xuất tại vị trí đấu nối nước thải của Bên B và có sự chứng kiến của Bên B nhằm đánh giá hệ số K (K1, K2). Các chỉ số xác định chỉ tiêu ô nhiễm bao gồm: pH, BOD_5, COD, TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P, Sunfua, Florua, Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Crom (III), Crom (VI), Đồng, Sắt, Kẽm, Mangan, Tổng Xianua, Ni và các chỉ tiêu đặc trưng của Bên B. Nếu mẫu nước thải phân tích không đạt tiêu chuẩn như đã cam kết (vượt chỉ tiêu), Bên B phải thanh toán thêm tiền phân tích mẫu nước và tiền theo đơn giá bổ sung theo hệ số đã quy định K1, K2 đến khi Bên B xử lý nước thải ổn định theo tiêu chuẩn;

- Trường hợp Bên B có nhiều điểm xả thải thì Bên A sẽ lấy mẫu tại một số điểm (hoặc toàn bộ) làm đại diện và sẽ chọn kết quả phân tích nước thải tại mẫu có mức độ ô nhiễm cao nhất để tính phí trong cả tháng đó;

- Ngừng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải, các dịch vụ hạ tầng khác như (đường giao thông, điểm đấu nối nước mưa, nước thải...), yêu cầu bồi thường thiệt hại trong một số trường hợp sau:

+ Xả nước thải vượt quá tiêu chuẩn cho phép vào hệ thống xử lý nước thải tập chung của khu công nghiệp.

+ Xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa của khu công nghiệp.

+ Tháo dỡ, chỉnh sửa, can thiệp vào đồng hồ đo lưu lượng nước thải (nếu có).

+ Không thanh toán tiền xử lý nước thải, không bồi thường thiệt hại khắc phục hệ thống xử lý nước thải tập trung do lỗi của Bên B gây ra trong thời gian 15 ngày theo quy định.

(Việc cung cấp lại dịch vụ chỉ được tiến hành sau khi Bên B thanh toán tiền, bồi thường thiệt hại, khắc phục xong các lỗi đã gây ra...).

+ Đề nghị cơ quan chức năng xử lý theo quy định khi Bên B có những hành vi cố ý vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

4.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B.

a) Trách nhiệm:

- Nghiêm chỉnh chấp hành Quy chế hoạt động KCN Đình Trám, KCN Song Khê – Nội Hoàng (phía bắc) ban hành kèm theo Quyết định số: 11/QĐ-HĐQT ngày 03/01/2019 của Hội đồng quản trị Công ty CP phát triển hạ tầng KCN Bắc Giang về việc quản lý xây dựng và môi trường trong khu công nghiệp;

- Phải có hệ thống xử lý nước thải để xử lý nước thải sơ bộ đảm bảo tiêu chuẩn như đã cam kết tại Điều 1 của hợp đồng này. Trường hợp thay đổi, sửa chữa, xây dựng nâng cấp phải báo cáo kịp thời và chỉ được thay đổi khi có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A;

- Đối với doanh nghiệp cho thuê nhà xưởng phải chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước thải đầu ra theo quy định tại Điều 1 và thanh toán khối lượng nước thải phát sinh của các doanh nghiệp thứ cấp thuê nhà xưởng để thực hiện dự án;

- Khi Bên A lấy mẫu (định kỳ hoặc đột xuất) Bên B phải cử đại diện phối hợp với Bên A và đơn vị lấy mẫu, đồng thời ký xác nhận quá trình lấy mẫu;

- Trường hợp Bên B không phối hợp, không cử đại diện xác nhận quá trình lấy mẫu (định kỳ hoặc đột xuất), Bên A vẫn tiếp tục phối hợp với đơn vị quan trắc tiến hành lấy mẫu (có người chứng kiến) và gửi thông báo cho Bên B bằng văn bản. Kết quả phân tích của mẫu đó được sử dụng để tính toán phí xử lý nước thải;

- Bên B có trách nhiệm thanh toán chi phí quan trắc và phân tích mẫu cho Bên A trong trường hợp Bên A lấy mẫu phát sinh, đột xuất mà trong đó các chỉ tiêu phân tích trong nước thải của Bên B vượt quá khả năng tiếp nhận của Bên A quy định tại Khoản 1.3 Điều 1 hợp đồng này (Cột B, QCVN 40:2011/BTNMT);

- Đấu nối hệ thống thoát nước thải của Bên B vào hệ thống thu gom nước thải chung đúng các quy định của biên bản thoả thuận đấu nối;

- Không đấu nối nước thải hoặc để rò rỉ nước thải vào hệ thống thu gom nước mưa của khu công nghiệp và không xả nước mưa, chất thải độc hại vào hệ thống thoát nước thải của khu công nghiệp;

- Không được để chất thải rắn và các chất thải khác lẫn vào nước thải;

- Không được đưa nước thải ra bất kỳ vị trí nào khác ngoài điểm đấu nối nước thải trong khu công nghiệp đã được 02 bên thoản thuận;

- Không được cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất lân cận đấu nối chung vào hệ thống thoát nước thải của mình;

- Thanh toán tiền xử lý nước thải đầy đủ và đúng thời hạn theo hợp đồng;

- Nếu nước thải của Bên B có thành phần nguy hại vượt mức cho phép gây ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống xử lý nước thải của Bên A thì Bên B phải chịu toàn bộ trách nhiệm và bồi thường thiệt hại cho Bên A do lỗi của Bên B gây ra bao gồm chi phí lấy mẫu nước phân tích;

- Khi thay đổi địa điểm thực hiện dự án, thay đổi chủ đầu tư hoặc cho thuê nhà xưởng thì Bên B phải báo trước 10 ngày cho Bên A để hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng hoặc ký kết hợp đồng mới.

b) Quyền hạn:

+ Yêu cầu Bên A cung cấp điểm đấu nối nước thải, tiếp nhận nước thải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định đã được phê duyệt của Bên B vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp;

+ Yêu cầu Bên A sau khi tiếp nhận nước thải phải xử lý đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

ĐIỀU 5: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG.

- Thời hạn hiệu lực của hợp đồng: Từ ngày 01/8/2020.

- Thời điểm kết thúc của hợp đồng: Đến ngày 31/12/2025.

ĐIỀU 6: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG.

Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- Khi hết thời hạn theo quy định tại Điều 5 của Hợp đồng này (Trường hợp hết thời hạn Hợp đồng Bên B có nhu cầu xả thải và Bên A đồng ý tiếp nhận, hai bên sẽ tiến hành ký Phụ lục gia hạn hợp đồng hoặc ký Hợp đồng mới thay thế);

- Bên B không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm về nghĩa vụ tài chính theo Khoản 3.2, Khoản 3.3 Điều 3 của Hợp đồng này; không bồi thường thiệt hại, khắc phục hệ thống xử lý nước thải tập trung do lỗi của Bên B gây ra;

- Dự án của Bên B bị chấm dứt hoạt động, bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- Hai bên đồng ý thanh lý, chấm dứt Hợp đồng theo thỏa thuận của hai bên trên nguyên tắc tôn trọng và bình đẳng;

- Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp Bên B tái phạm việc xả thải quá 03 lần với nước thải có chứa làm lượng COD>450mg/l hoặc các chỉ tiêu khác có hệ số K2>2,5 và ngừng cung cấp các dịch vụ hạ tầng khác;

- Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

Khi chấm dứt Hợp đồng, Bên B có trách nhiệm thanh toán đủ cho Bên A các khoản tiền còn thiếu và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý Nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh do quá trình hoạt động của Bên B tại khu công nghiệp.

Khi chấm dứt hợp đồng, Bên A sẽ thông báo cho Bên B đến làm việc để thực hiện thanh lý hợp đồng. Sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra thông báo, nếu Bên B không đến làm việc, Bên A sẽ đơn phương thanh lý hợp đồng và ngừng tiếp nhận nước thải phát sinh từ dự án của Bên B. Bên B sẽ phải chịu trách nhiệm trước khối lượng và hàm lượng nước thải phát sinh.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong Hợp đồng này, mọi sửa đổi bổ sung các điều khoản trong hợp đồng đều phải được hai bên thỏa thuận và ký kết bằng phụ lục hợp đồng.

- Những điều không quy định trong hợp đồng này sẽ được thực hiện theo các văn bản pháp lý hiện hành và theo quy chế hoạt động liên quan đến khu công nghiệp Đình Trám.

- Mọi tranh chấp xảy ra liên quan đến Hợp đồng này, hai bên cùng nhau thương lượng, hòa giải trên tinh thần hữu nghị, tôn trọng. Nếu tranh chấp không được giải quyết thì hai bên sẽ đưa ra trước tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang để giải quyết, mọi chi phí do bên vi phạm chịu trách nhiệm.

- Luật áp dụng trong Hợp đồng này là Hệ thống pháp luật Việt Nam, khi có xung đột hoặc tranh chấp các điều khoản trong Hợp đồng sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật liên quan đến khu công nghiệp và quy định hiện hành.

- Hợp đồng xử lý nước thải được ký tại Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Bắc Giang và được lập thành bốn (04) bản bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ hai (02) bản làm căn cứ thực hiện./.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP BẮC GIANG	CÔNG TY T.N.H.H TEDOMI VIỆT NAM
GIÁM ĐỐC	PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Đình Tĩnh	Phan Quốc Huy

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN TỈNH BẮC GIANG CÔNG TY PTHT KCN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 97 /CTPTHT-KHKT Phúc đáp Công văn số 0203/TE2017 của Công ty TNHH TEDOMI.	*Bắc Giang, ngày 11 tháng 4 năm 2017*

Kính gửi: Công ty TNHH TEDOMI.

Ngày 23 tháng 3 năm 2017, Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang nhận được Công văn số 0203/TE2017, của Công ty TNHH TEDOMI về việc xây dựng cống, đấu nối hệ thống thoát nước, đổ bê tông vỉa hè và trồng cây xanh vỉa hè. Sau khi xem xét hồ sơ, bản vẽ xin dấu nối kèm theo, Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp có ý kiến như sau:

Đồng ý cho Công ty TNHH TEDOMI xây dựng cống và đấu nối hệ thống thoát nước vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của Khu công nghiệp Đình Trám; Số lượng 02 cống; 02 điểm đấu nước mưa; 01 điểm đấu nước thải. *(vị trí cống, vị trí đấu nối nước mưa, nước thải được thể hiện trên bản vẽ chi tiết kèm theo).*

Đồng ý cho Công ty TNHH TEDOMI đổ bê tông vỉa hè và trồng cây xanh, trồng cỏ vỉa hè. Phần kinh phí thực hiện Công ty TNHH TEDOMI tự đầu tư. Sau khi thi công hoàn thiện Công ty TNHH TEDOMI có trách nhiệm chăm sóc cây xanh, thảm cỏ và vệ sinh vỉa hè. *(Diện tích đổ bê tông, quy cách trồng cây xanh, trồng cỏ có bản vẽ kèm theo).*

Đề nghị Công ty TNHH TEDOMI thực hiện xây dựng các hạng mục nêu trên theo đúng nội dung bản vẽ chi tiết kèm theo, trong quá trình xây dựng phối hợp với Công ty PTHT KCN để đảm bảo đấu nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng chung của Khu công nghiệp, đảm bảo vệ sinh môi trường và an toàn giao thông.

Công ty Phát triển hạ tầng thông báo cho Công ty TNHH TEDOMI biết và thực hiện/.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu VT, KH - KT.

**** Bản điện tử:***
- Ban quản lý các KCN (b/c);
- Lãnh đạo Công ty;
- Bộ phận TXLNT-MT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG TY PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẮC GIANG

Đặng Đình Tĩnh

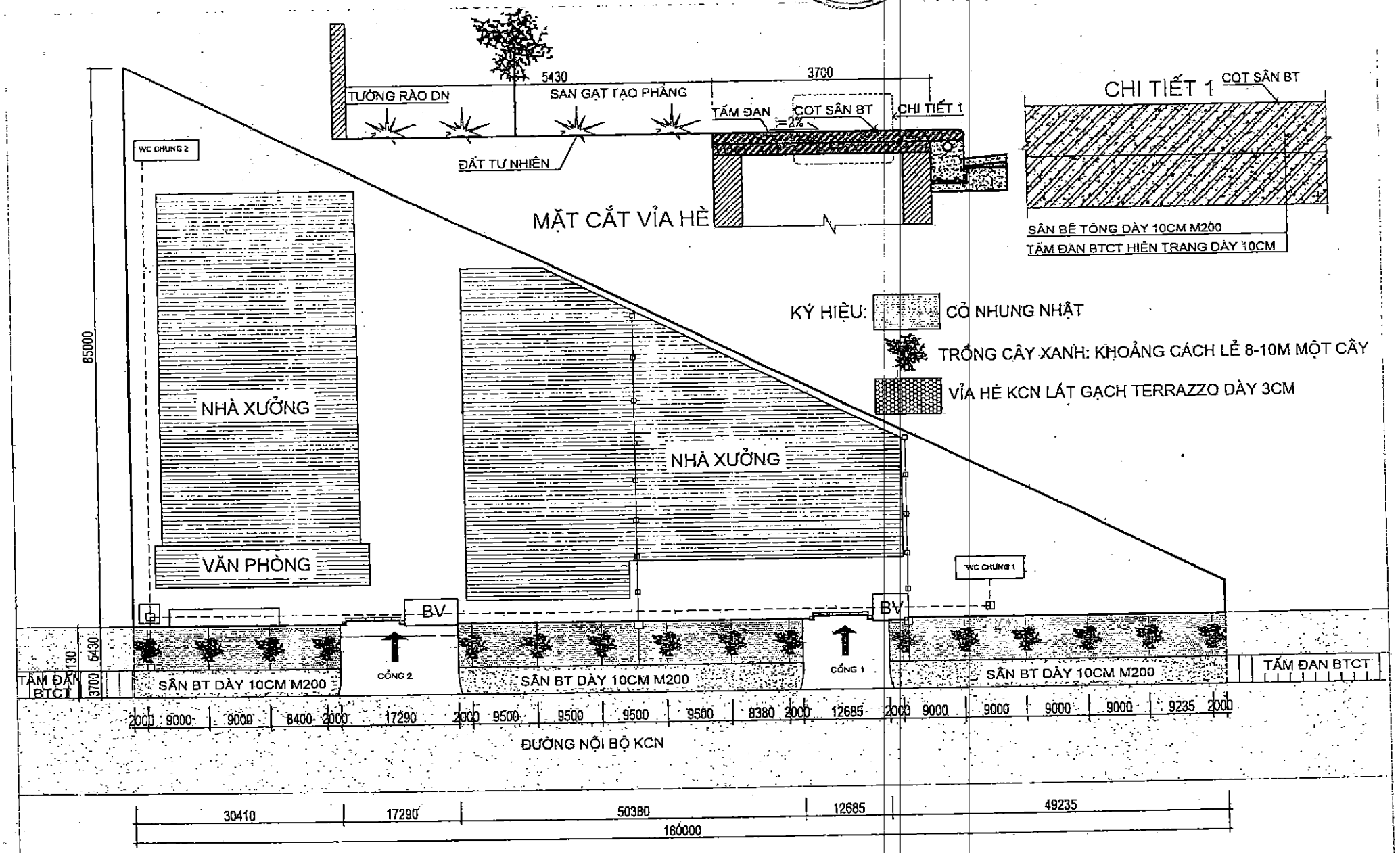

MẶT BẰNG ĐỔ SÂN BT, TRỒNG CÂY XANH KCN ĐÌNH TRÁM ĐOẠN QUA CT TEDOMI

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

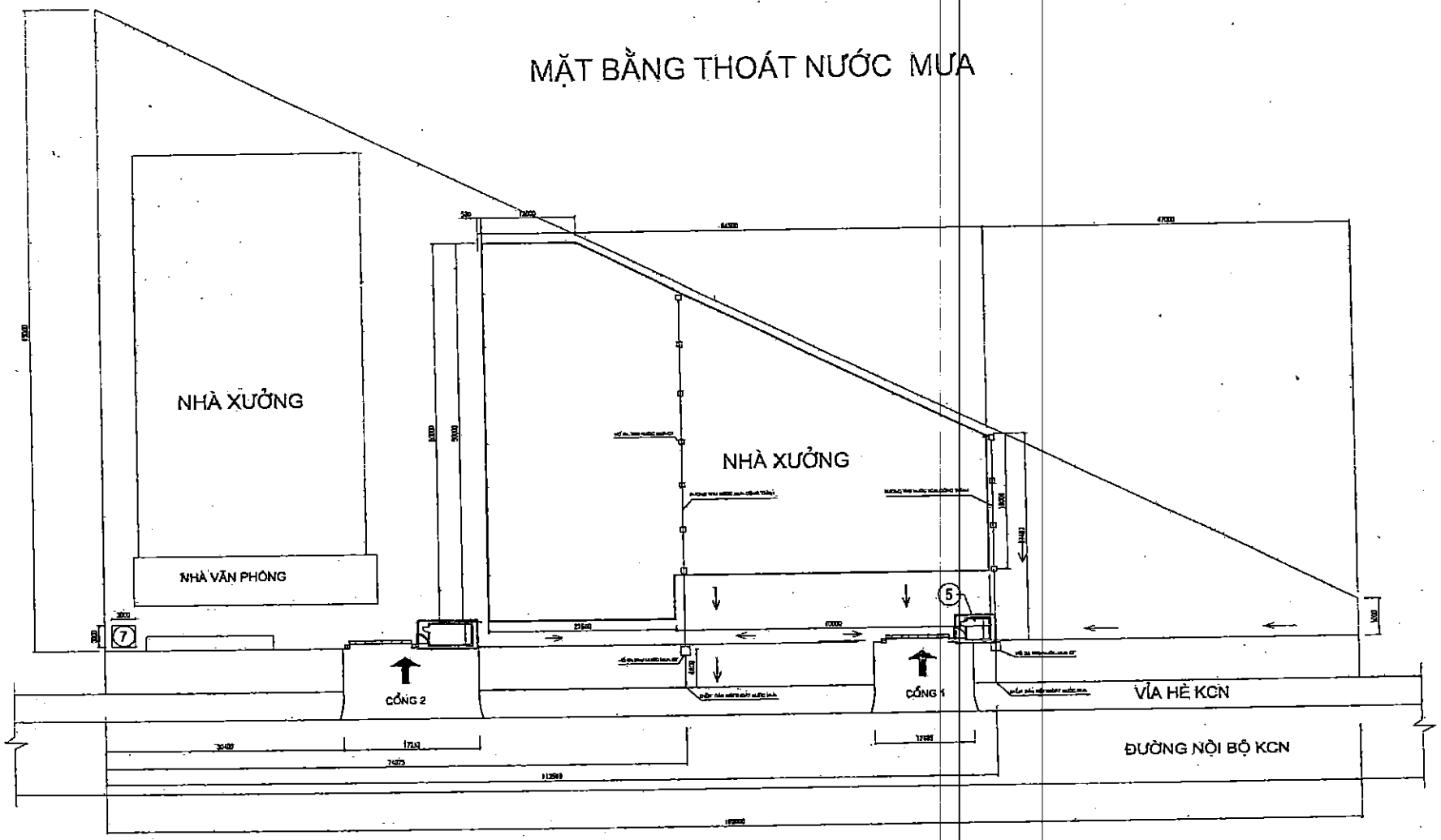

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

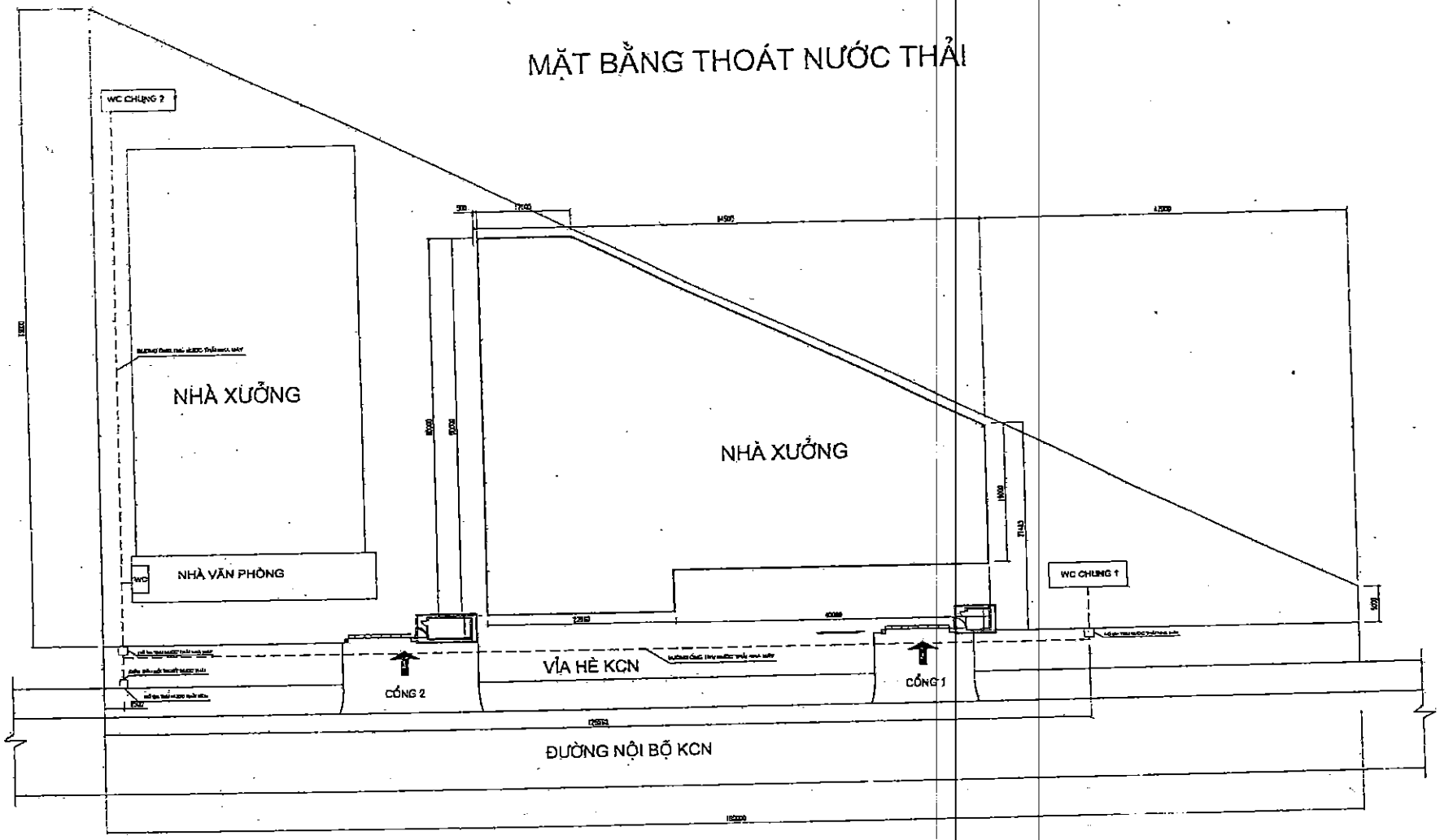

BẢN VẼ XIN ĐẤU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA TRONG KHU CÔNG NGHIỆP

CHI TIẾT ĐIỂM ĐẤU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA

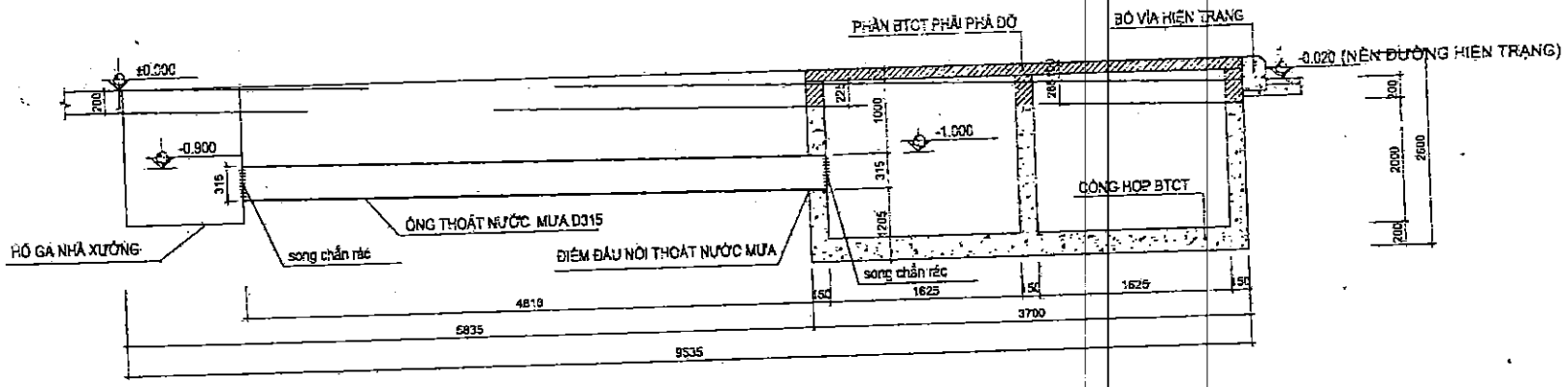

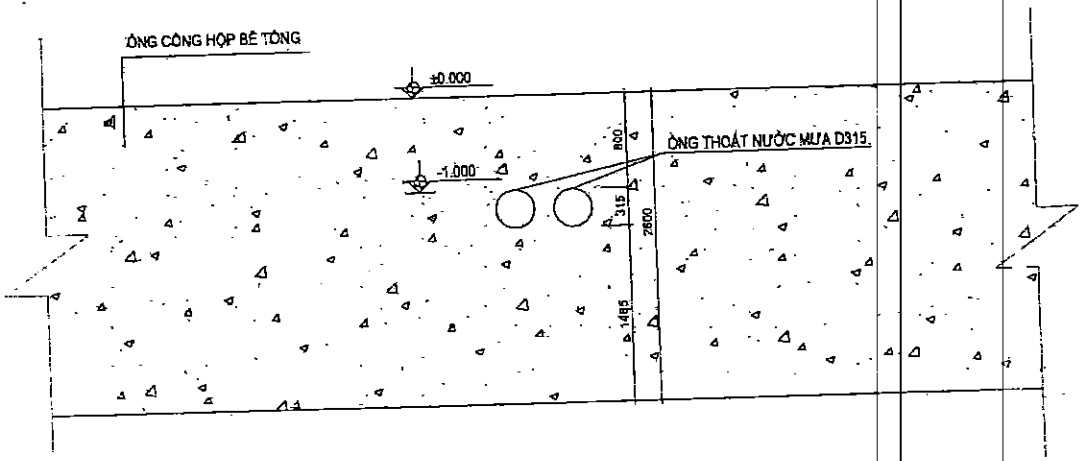

BẢN VẼ XIN ĐẤU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC MƯA TRONG KHU CÔNG NGHIỆP

CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC MƯA

MẶT CẮT 1-1

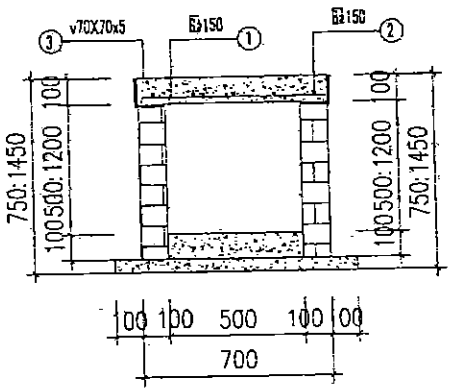

MẶT CẮT 2-2

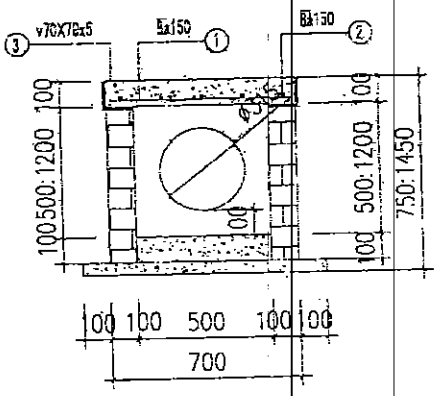

MẶT BẰNG HỐ GA

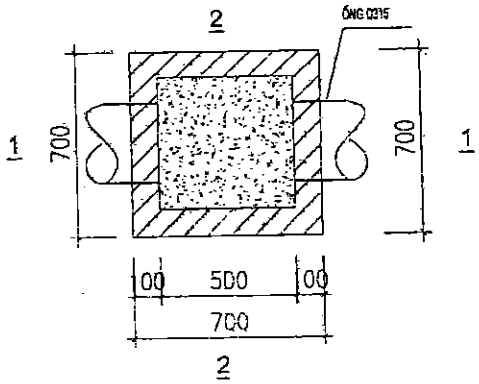

CHI TIẾT LƯỚI CHẮN RÁC

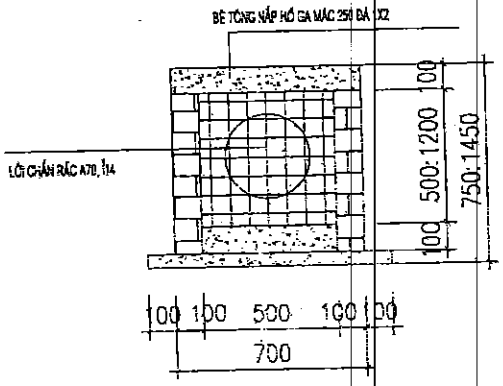

GHI CHÚ:

- BÊ TÔNG LÓT MÁC 100 ĐÁ 4X6
- BÊ TÔNG NẮP, ĐÁY HỐ GA MÁC 250 ĐÁ 1X2
- CỐT THÉP Ø <10 LÀ ℓ, NHÔM ÁI CÓ RA = 2300KG/CM2
- TƯỜNG XÂY HỐ GA BẰNG GẠCH CHỈ ĐẶC
- MẶT TRONG HỐ GA ĐƯỢC TRÁT VÀ ĐÁNH BÓNG BỀ MẶT BẰNG XI TINH
- ỐNG DẪN NƯỚC ỐNG NHỰA Ø315
- CẮT NỐI, UỐN CỐT THÉP, ĐỔ BÊ TÔNG THEO TCVN

BẢN VẼ XIN ĐẤU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI TRONG KHU CÔNG NGHIỆP

CHI TIẾT HỐ GA THOÁT NƯỚC THẢI NHÀ MÁY

MẶT CẮT 1-1

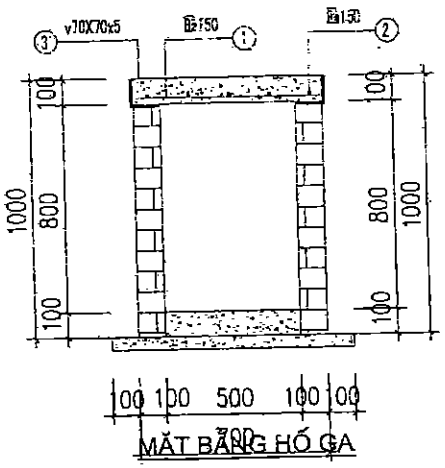

MẶT CẮT 2-2

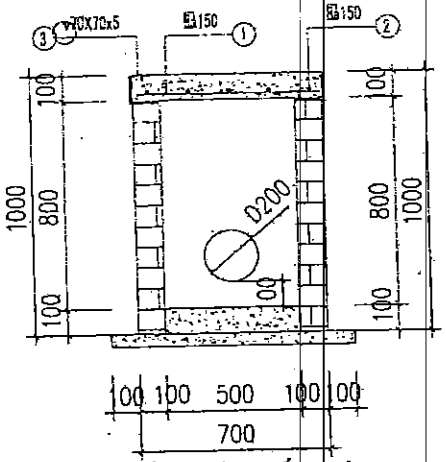

MẶT BẰNG HỐ GA

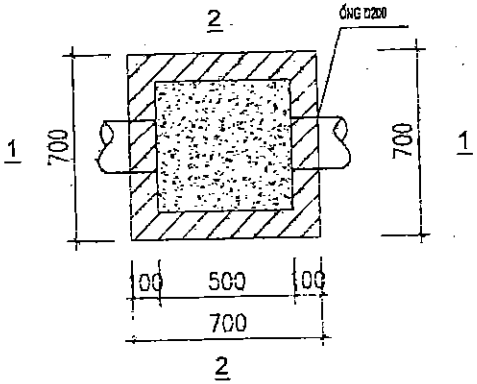

CHI TIẾT LƯỚI CHẮN RÁC

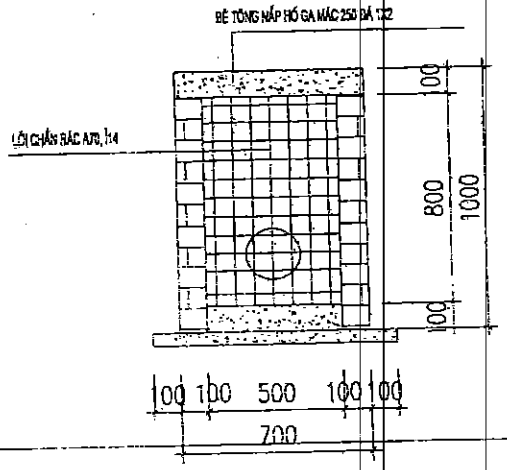

GHI CHÚ:

- BÊ TÔNG LÓT MÁC 100 ĐÁ 4X6
- BÊ TÔNG NẮP, ĐÁY HỐ GA MÁC 250 ĐÁ 1X2
- CỐT THÉP D <10 MM AI CÓ RA = 2300KG/CM2
- TƯỜNG XÂY HỐ GA BẰNG GẠCH CHỈ ĐẶC
- MẶT TRONG HỐ GA ĐƯỢC TRÁT VÀ ĐÁNH BÓNG BỀ MẶT BẰNG XI TRÊN
- ỐNG DẪN NƯỚC ỐNG NHỰA Ø315
- CẮT NỐI, ĐỔN CỐT THÉP, ĐỔ BÊ TÔNG THEO TCVN

BẢN VẼ XIN ĐẤU NỐI HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

TRONG KHU CÔNG NGHIỆP

CHI TIẾT HỐ GA NƯỚC THẢI CHỜ ĐẤU NỐI

MẶT CẮT 1-1

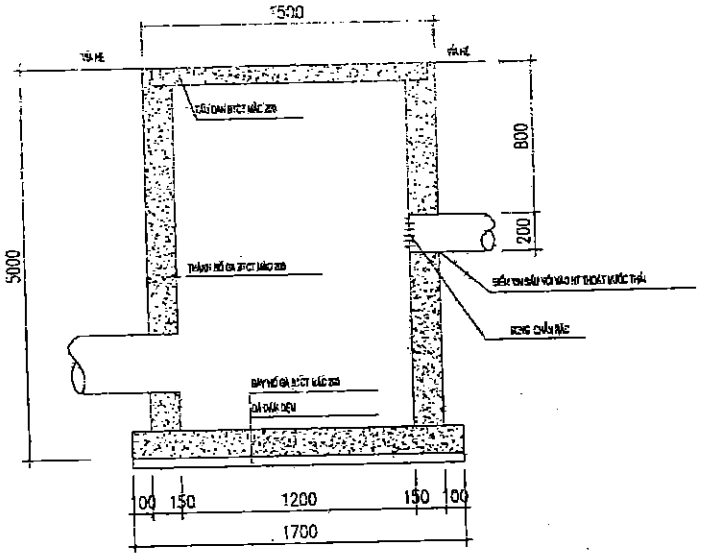

MẶT CẮT 2-2

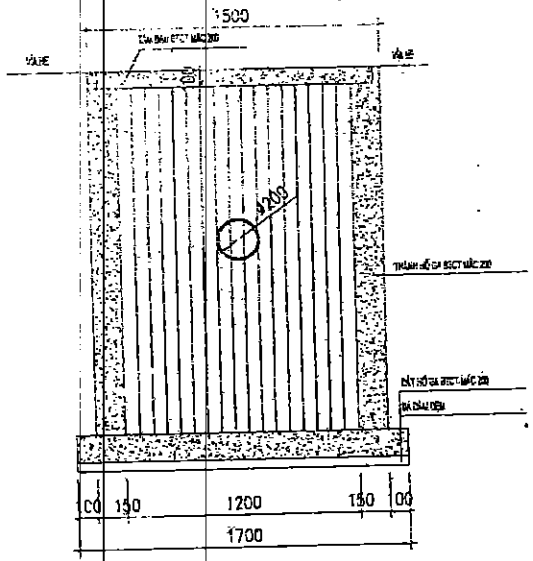

MẶT BẰNG

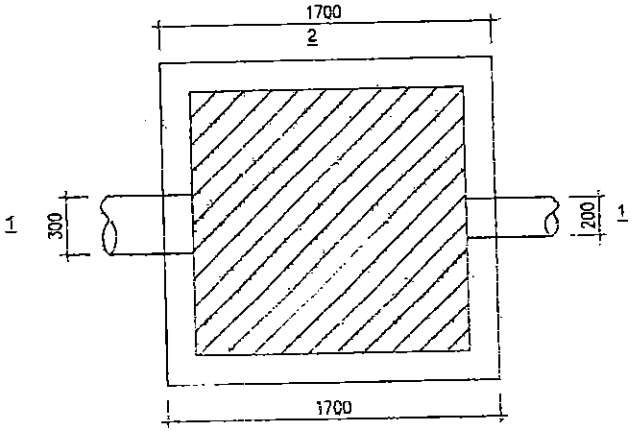

- BÊ TÔNG LÓT MÁC 100 ĐÁ 4x6
- BÊ TÔNG NẮP, ĐÁY HỐ GA MÁC 200 ĐÁ 1x2
- CỐT THÉP Ø <10 MM, NHÔM AI CỐ RA = 2300KG/CM2
- MẶT TRONG HỐ GA ĐƯỢC TRÁT VÀ ĐÁNH BÓNG BỀ MẶT BẰNG XI TIMH

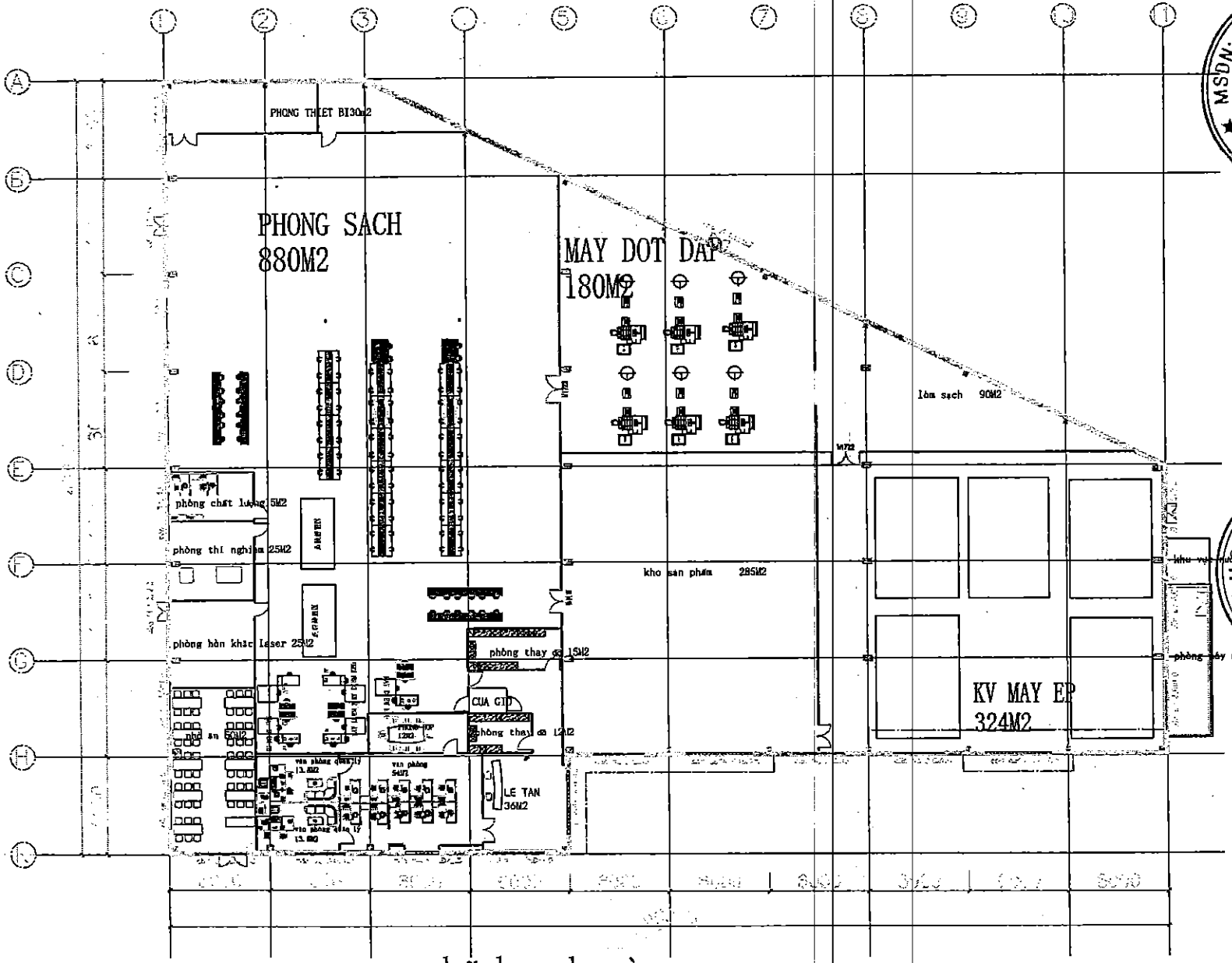

kế hoạch sàn

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG WANDE VIỆT NAM
MSDN: 2301226734
TỈNH BẮC NINH

CÔNG TY TNHH HUAYAN TECHNOLOGY VIỆT NAM
MSDN: 2400952663
TỈNH BẮC GIANG

Công ty TNHH Xây dựng Wande Việt Nam.